

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**PHẠM THỊ THU HƯƠNG**

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC  
MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN  
TRƯỜNG ĐHSP - ĐHTN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**THÁI NGUYÊN - 2010**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**PHẠM THỊ THU HƯƠNG**

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC  
MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN  
TRƯỜNG ĐHSP - ĐHTN**

**Chuyên ngành: GIÁO DỤC HỌC  
Mã số: 60.14.01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ TÍNH**

**THÁI NGUYÊN - 2010**

## NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

1. PP	Phương pháp
2. PPDH	Phương pháp dạy học
3. QTDH	Quá trình dạy học
4. DHDA	Dạy học dự án
5. NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
6. DHTDA	Dạy học theo dự án
7. ĐHTN	Đại học Thái Nguyên
8. GDH	Giáo dục học

## ***LỜI CẢM ƠN***

Tác giả xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới:

TS Nguyễn Thị Tính, người cô đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn tốt nghiệp, cảm ơn các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên, các cán bộ, công nhân viên của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn và giúp đỡ tôi, tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo và cán bộ, giảng viên, sinh viên trường ĐHSP - ĐHTN, đặc biệt là cán bộ giảng dạy bộ môn Giáo dục học của khoa Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP- ĐHTN đã động viên giúp đỡ, tạo điều kiện và hợp tác trong quá trình thực hiện đề tài.

Luận văn chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót. Tác giả kính mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của các thầy cô giáo, các chuyên gia và các bạn đồng nghiệp.

*Thái Nguyên, tháng 8 năm 2010*

**Tác giả**

***Phạm Thị Thu Hương***

## MỤC LỤC

<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng, khách thể nghiên cứu .....	2
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	2
3.2. Khách thể nghiên cứu.....	3
3.3. Khách thể điều tra .....	3
4. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
5. Giả thuyết khoa học .....	3
6. Phương pháp nghiên cứu .....	3
7. Phạm vi nghiên cứu .....	5
8. Cấu trúc luận văn.....	5
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP DỰ</b> <b>ÁN TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC HỌC</b> .....	6
1.1. Lịch sử của vấn đề nghiên cứu .....	6
1.1.1. Những công trình nghiên cứu của nước ngoài về phương pháp dạy học theo dự án .....	6
1.1.2. Những công trình nghiên cứu trong nước về phương pháp dạy học theo dự án.....	7
1.2. Các khái niệm công cụ.....	9
1.2.1. Quá trình dạy học.....	9
1.2.2. Phương pháp dạy học.....	10
1.2.3. Phương pháp dạy học theo dự án.....	12
1.3. Cơ sở tâm lý học của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học .....	16
1.3.1. Lý thuyết kiến tạo .....	16
1.3.2. Lý thuyết nhận thức.....	18
1.3.3. Đặc điểm tâm lý của sinh viên Sư phạm .....	20

1.4. Cơ sở lý luận dạy học của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học .....	22
1.4.1. Mục tiêu, nội dung, chương trình môn Giáo dục học .....	22
1.4.2. Bản chất, nhiệm vụ dạy học môn Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) .....	23
1.5. Những vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học .....	30
1.5.1. Đặc điểm, nguyên tắc của phương pháp dạy học theo dự án trong dạy học Giáo dục học .....	30
1.5.2. Vai trò của giảng viên và sinh viên trong phương pháp dạy học dự án .....	35
1.5.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học .....	36
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC Ở TRƯỜNG ĐHSP - ĐHTN .....</b>	<b>40</b>
2.1. Một vài nét về khách thể nghiên cứu và khách thể điều tra .....	40
2.2. Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học ở trường ĐHSP - ĐHTN .....	41
2.2.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ giảng viên và sinh viên về phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học .....	41
2.2.2. Những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng .....	60
<b>Chương 3: THIẾT KẾ QUY TRÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC HỌC .....</b>	<b>63</b>
3.1. Nguyên tắc xây dựng quy trình dạy học dự án trong dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên trường ĐHSP - ĐHTN .....	63
3.1.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học, tính tư tưởng và tính nghiệp vụ sư phạm trong giảng dạy Giáo dục học .....	63

3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa dạy học Giáo dục học với thực tiễn giáo dục phổ thông với kinh nghiệm giáo dục gia đình với giáo dục xã hội.....	65
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học Giáo dục học .....	67
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung với tính vừa sức riêng trong dạy học Giáo dục học .....	68
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính vững chắc của tri thức,kỹ năng kỹ xảo với tính mềm dẻo của tư duy trong dạy học Giáo dục học .....	70
3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giảng viên với việc phát huy tính tự giác, tính tích cực, tính chủ động, độc lập sáng tạo của sinh viên trong quá trình dạy học Giáo dục học .....	71
3.2. Thiết kế quy trình dạy học dự án .....	73
3.3. Điều kiện để thực hiện quy trình dạy học dự án trong giảng dạy Giáo dục học .....	77
3.4. Khảo nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của quy trình dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học và các mẫu thiết kế giáo án .....	82
3.4.1. Mục đích khảo sát.....	82
3.4.2. Nội dung khảo sát.....	83
3.4.3. Phương pháp khảo sát.....	83
3.4.4. Kết quả khảo sát.....	83
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>85</b>
1. Kết luận .....	85
2. Kiến nghị.....	86
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>Phụ lục</b>	

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhận thức của giảng viên về khái niệm học theo dự án .....	42
Bảng 2: Nhận thức của giảng viên về cơ sở Tâm lý của phương pháp dạy học dự án.....	43
Bảng 3: Nhận thức của giảng viên về dạy học dự án .....	44
Bảng 4: Nhận thức của giảng viên về vai trò của học theo dự án .....	45
Bảng 5: Nhận thức của sinh viên về học theo dự án.....	46
Bảng 6: Nhận thức của sinh viên về vai trò của học theo dự án .....	47
Bảng 7: Thực trạng các biện pháp giảng viên sử dụng trong dạy học dự án.....	49
Bảng 8: Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học của giảng viên trong dạy học dự án.....	51
Bảng 9: Đánh giá của giảng viên về vai trò của giảng viên trong dạy học dự án .....	54
Bảng 10: Đánh giá của sinh viên về vai trò của sinh viên trong dạy học dự án .....	57
Bảng 11: Những khó khăn của giảng viên trong DHTDA .....	59



## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. Lý do chọn đề tài

Đáp ứng yêu cầu của sự phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, vấn đề hội nhập và phát triển của quốc gia đòi hỏi giáo dục phải có sự chuyển hướng, đổi mới cả về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học. Nhằm hướng tới xây dựng một xã hội học tập, học tập thường xuyên và học tập suốt đời.

Chính vì vậy mục tiêu của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới không những chỉ đào tạo thế hệ trẻ thành những người nắm vững tri thức khoa học và công nghệ, có kỹ năng thực hành giỏi, trong sáng về đạo đức... mà còn phải nhằm phát huy tính tích cực, tư duy sáng tạo của cá nhân, có năng lực học tập thường xuyên và học tập suốt đời, đặc biệt là năng lực hành động thực tiễn. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi người học phải có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng thực hành, vì vậy mà Đảng ta có chỉ đạo: “Đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, nhất là sinh viên Đại học”.

Khoản b điều 36 luật Giáo dục ghi rõ: “Phương pháp giáo dục Đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm ứng dụng”. Giáo dục đại học nói chung, các trường đại học Sư phạm nói riêng phải là lực lượng đi đầu trong công cuộc đổi mới và triển khai những định hướng chỉ đạo của Đảng và nhà nước về đổi mới giáo dục Việt Nam. Bởi sinh viên Sư phạm - những người thầy giáo tương lai phải là người có năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập thường

xuyên và học tập suốt đời nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới của nghề dạy học trong sự đổi mới của kinh tế tri thức.

Môn Giáo dục học là môn NVSP trong nhà trường Sư phạm, môn học về phương pháp nhận thức, phương pháp và kỹ năng lao động nghề nghiệp, nó có vai trò vô cùng quan trọng trong sự hình thành nhân cách người giáo viên tương lai. Giảng dạy và học tập môn Giáo dục học không chỉ có tác dụng định hướng lao động nghề nghiệp mà còn có vai trò chỉ dẫn cho việc học tập nghiên cứu phương pháp giảng dạy bộ môn, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Trong thực tế hiện nay việc dạy và học môn Giáo dục học trong các nhà trường về cơ bản đã được chú trọng, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận cán bộ, sinh viên chưa coi trọng việc học tập bộ môn này. Việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn diễn ra còn chậm, chưa phát huy được vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên, vì vậy khả năng thực hành và kỹ năng sư phạm của sinh viên còn nhiều hạn chế.

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn trên chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***“Vận dụng phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên”***.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng của phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dự án nói riêng. Từ đó đề xuất quy trình ứng dụng phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Giáo dục học.

## **3. Đối tượng, khách thể nghiên cứu**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Quy trình vận dụng phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

Phương pháp dạy học nói chung, phương pháp dự án nói riêng.

### **3.3. Khách thể điều tra**

Giảng viên dạy môn Giáo dục học và sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

## **4. Nhiệm vụ nghiên cứu**

4.1. Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học ở Trường Đại học Sư phạm.

4.2. Khảo sát thực trạng sử dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học.

4.3. Thiết kế quy trình thực hiện phương pháp dự án trong dạy học Giáo dục học.

## **5. Giả thuyết khoa học**

Phương pháp dạy học dự án có khả năng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và năng lực thực hành của sinh viên, hướng hoạt động học tập của sinh viên theo sản phẩm dự kiến. Vì vậy nếu thiết kế quy trình dạy môn giáo dục học theo phương pháp dạy học dự án phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình dạy học Giáo dục học; phù hợp với đặc điểm tâm lý của sinh viên thì sẽ góp phần nâng cao hiệu quả học tập bộ môn và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

Để nghiên cứu đề tài này chúng tôi tiến hành sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

6.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Đọc và phân tích, hệ thống hoá, khái quát hoá những tài liệu liên quan đến đề tài, nhằm xây dựng hệ thống lý luận về phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học.

6.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

#### 6.2.1. Phương pháp quan sát.

Chúng tôi dự giờ, chủ động quan sát việc dạy và học môn Giáo dục của sinh viên Trường ĐHSP - ĐHTN.

#### 6.2.2. Phương pháp đàm thoại, phỏng vấn, trò chuyện.

Chúng tôi tiến hành đàm thoại, trao đổi cùng với sinh viên nhằm tìm hiểu thực trạng vấn đề dạy và học môn Giáo dục học ở Trường ĐHSP - ĐHTN, thực trạng sử dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học.

#### 6.2.3. Phương pháp điều tra.

Chúng tôi tiến hành điều tra bằng ankét với hệ thống câu hỏi đóng và mở, để khảo sát thực trạng dạy học môn Giáo dục học của giảng viên và sinh viên ở trường ĐHSP - ĐHTN, thăm dò ý kiến của giảng viên và sinh viên về vấn đề dạy và học theo phương pháp dự án.

#### 6.2.4. Phương pháp khảo nghiệm.

Chúng tôi tiến hành theo một quy trình xác định nhằm so sánh 2 phương pháp: truyền thống và phương pháp dạy học dự án, xin ý kiến chuyên gia về tính khả thi, tính hiệu quả của quy trình dạy học theo dự án trong dạy học Giáo dục học.

#### 6.2.5. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm.

Chúng tôi tiến hành trao đổi kinh nghiệm giảng dạy bộ môn Giáo dục học với các thầy cô giáo, các bạn đồng nghiệp và của bản thân.

#### 6.2.6. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.

Chúng tôi tiến hành tham khảo ý kiến của các Giáo sư, Tiến sĩ Giáo dục học, các nhà quản lý giáo dục về phương pháp dạy học dự án.

#### 6.2.7. Phương pháp bổ trợ.

Chúng tôi đã sử dụng các phương pháp thống kê toán học để xử lý kết quả nghiên cứu nhằm tăng mức độ tin cậy cho đề tài.

## **7. Phạm vi nghiên cứu**

Do điều kiện và thời gian nghiên cứu có hạn, tác giả luận văn chỉ tiến hành khảo sát trên 6 lớp của sinh viên trường ĐHSP - ĐHTN và khảo nghiệm trên phần QTDH thuộc môn Lý luận dạy học.

## **8. Cấu trúc luận văn**

Luận văn ngoài phần những vấn đề chung, kết luận và kiến nghị luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của phương pháp dự án trong dạy học Giáo dục học ở trường ĐHSP.

Chương 2: Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học và phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học ở Trường ĐHSP - ĐHTN.

Chương 3: Thiết kế quy trình thực hiện phương pháp dự án trong dạy học môn Giáo dục học.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC HỌC

### 1.1. Lịch sử của vấn đề nghiên cứu

#### *1.1.1. Những công trình nghiên cứu của nước ngoài về phương pháp dạy học theo dự án*

Dạy học theo dự án là một mô hình lấy học sinh làm trung tâm. Nó giúp phát triển kiến thức, kỹ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở khuyến khích sinh viên tìm tòi, hiện thực hoá những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra sản phẩm của chính mình.

Dạy học dự án là một phương pháp, một hình thức dạy học quan trọng để hiện thực quan điểm dạy học hướng vào người học, quan điểm hướng vào hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Phương pháp dạy học dự án được quan tâm đặc biệt trong nền giáo dục của nhiều nước trên thế giới trong những năm gần đây. Có thể kể đến một số quốc gia như: Mỹ, Ý, Pháp...

Quan niệm của Knoll.M và Apel.H.J [1. tr.19] cho rằng cuối thế kỷ 16 khái niệm dự án (Project) trong dạy học được sử dụng lần đầu ở các trường dạy nghề kiến trúc ở Ý, sau đó tiếp tục được sử dụng trong các trường Đại học ở Pháp đầu thế kỷ 18. Trong các dự án này, người học được giao nhiệm vụ vận dụng các lý thuyết, kỹ năng đã học để thiết kế ra các sản phẩm.

Năm 1918 nhà Tâm lý học William.H. Kilpatric (1871 - 1965) viết một bài báo với tiêu đề: “Phương pháp dự án” gây tiếng vang trong các cơ sở đào tạo giáo viên cũng như trong các trường học. Kilpatric và các nhà nghiên cứu của trường đại học Coloumbia đã có nhiều đóng góp trong việc truyền bá phương pháp này vào các giờ học, các hội nghị và tác phẩm xuất bản năm 1925. Đối với ông một dự án là một hoạt động có mục đích cụ thể, có cam kết với tất cả những người thực hiện và diễn ra trong một môi trường xã hội.

Theo Celestin Freinet (1896 - 1966) người có ảnh hưởng mạnh mẽ ở Châu Âu đối với dạy học bởi dự án. Ông cho rằng, lớp học trước hết là một nơi ở đó tất cả phải áp dụng các cách làm việc để nghiên cứu các thông tin, trao đổi các ý kiến hoặc trả lời thư nhận được từ các lớp học sinh khác hoặc chuẩn bị các điều tra ngoài lớp học, phân tích các dữ kiện hoặc trình bày các bài báo tập hợp được... Khát vọng của ông là tạo nên một cá nhân có đầu óc phát triển tốt hơn đầu óc được rót đầy kiến thức.

Những năm đầu thế kỷ 20, các nhà sư phạm Mỹ bắt tay vào thực hiện phong trào cải cách giáo dục, trong đó đã xây dựng cơ sở lý luận cho phương pháp dự án nhằm thực hiện quan điểm dạy học lấy học sinh làm trung tâm, phát huy cao độ tính tích cực chủ động, sáng tạo của người học trong quá trình học tập. Ban đầu phương pháp dự án chỉ được áp dụng trong giảng dạy môn kỹ thuật ở các trường đại học và cao đẳng. Dần dần, nó được sử dụng rộng rãi trong các môn học khác ở trường phổ thông và trở nên phổ biến, nhất là các nước phát triển.

Sau cách mạng tháng mười Nga 1917 tư tưởng dạy học Project đã được sử dụng trong các trường phổ thông lao động của Blonski, Makarenko. Trong trường phổ thông lao động người học được giao nhiệm vụ lao động phức hợp dưới sự chỉ dẫn của giáo viên, học sinh tích cực tìm tòi, sáng tạo.

Trên thế giới, dạy học theo dự án từ lâu đã được sử dụng trong giáo dục và đào tạo. Ngày nay có nhiều cách hiểu, quan điểm, tư tưởng khác nhau về dạy học theo dự án và nó được áp dụng ở nhiều cấp học, bậc học. DHTDA được coi là một PPDH, vừa là hình thức dạy học, vừa là mô hình dạy học hay quan điểm dạy học.

### ***1.1.2. Những công trình nghiên cứu trong nước về phương pháp dạy học theo dự án***

Ở Việt Nam từ những năm 1960 - 1980 các trường phổ thông lao động, học sinh cũng đã được giao nhiệm vụ thực hiện các dự án trồng cây, phát triển

trường lớp thông qua dự án này nhằm phát động phong trào hướng nghiệp cho các em. Tuy nhiên, do hạn chế về trang thiết bị và chương trình đào tạo nên phương pháp này vẫn chưa được áp dụng nhiều trong chương trình đào tạo chính thức ở các trường phổ thông, Cao đẳng, Đại học.

Những năm gần đây ở Việt Nam dạy học theo dự án đã được giới thiệu và sử dụng ở một số trường phổ thông, Đại học và Cao đẳng trong cả nước, đặc biệt các chương trình “Dạy học cho tương lai” của Intel [2] hay “Chia sẻ đồng nghiệp” của Microsoft [3]... đóng vai trò không nhỏ trong việc bồi dưỡng cho giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiếp cận từ góc độ lý luận, trên tạp chí Giáo dục số 80 tháng 4/2004 hai tác giả TS. Nguyễn Văn Cường và Th.S Nguyễn Thị Diệu Thảo đã có bài viết “Dạy học theo dự án - một phương pháp có chức năng kép trong đào tạo giáo viên”.

Tác giả Nguyễn Văn Nghĩa đã nghiên cứu đề tài “Tổ chức dạy học các kiến thức phần “Những định luật cơ bản của dòng điện không đổi” cho học sinh lớp 11 trung học phổ thông theo quan điểm của dạy học theo dự án”, trong luận văn tốt nghiệp Đại học 6/2006. Luận văn đã đưa ra được một số nội dung là dự án lắp mạch điện cho phòng học và dự án tìm hiểu cấu tạo của pin điện hoá nhưng chưa tiến hành thực nghiệm với học sinh.

Trên tạp chí khoa học số 2 năm 2006 của tác giả Trần Thị Thanh Thuỷ, khoa Địa lý Trường ĐHSP HN có bài báo “Sử dụng phương pháp dạy học dự án có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý ở trường phổ thông”.

Mới đây nhất năm 2009, tác giả Nguyễn Thị Diệu Thảo đã bảo vệ thành công luận án TS của mình với đề tài: “Dạy học theo dự án và vận dụng trong đào tạo giáo viên trung học cơ sở môn công nghệ”.

Dạy học theo dự án đã được nghiên cứu và ứng dụng trong các môn Vật lý, Địa lý, Lịch sử... Tuy nhiên đối với môn Giáo dục học và ứng dụng ở



trường Sư phạm Miền núi thì chưa có tác giả nào nghiên cứu. Để định hướng cho việc vận dụng dạy học theo dự án vào trong dạy học Giáo dục học, trước hết cần phải có sự phân tích, đánh giá các quan điểm lý thuyết, trên cơ sở đó, xác định những định hướng lý luận dạy học cho việc vận dụng dạy học theo dự án trong dạy học Giáo dục học.

## **1.2. Các khái niệm công cụ**

### ***1.2.1. Quá trình dạy học***

#### ***\* Khái niệm về quá trình dạy học***

Theo quan niệm cổ truyền quá trình dạy học (QTDH) là tập hợp những hành động liên tiếp thâm nhập vào nhau của giáo viên và của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên, nhằm làm cho học sinh tự giác nắm vững hệ thống những cơ sở khoa học và trong quá trình đó phát triển những năng lực nhận thức, năng lực hành động hình thành thế giới quan, nhân sinh quan. Như vậy QTDH được hiểu là tập hợp những hoạt động của thầy và trò dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của thầy nhằm giúp trò phát triển được nhân cách và nhờ đó mà đạt tới mục đích dạy học.

Theo quan niệm hiện nay, QTDH là một quá trình tương tác giữa thầy và trò, trong đó thầy chủ đạo nhờ các hoạt động tổ chức, lãnh đạo, điều chỉnh hoạt động nhận thức của học sinh, còn trò tự giác, tích cực, chủ động thông qua việc tự tổ chức, tự điều chỉnh hoạt động nhận thức của bản thân nhằm đạt tới mục đích dạy học.

Theo lý luận dạy học QTDH là một quá trình dưới sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của người giáo viên, người học tự giác, tích cực, chủ động tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức - học tập của mình, nhằm thực hiện những nhiệm vụ dạy học.

### **1.2.2. Phương pháp dạy học**

#### ***\* Khái niệm phương pháp?***

Phương pháp là phạm trù trung tâm của phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn. Xét theo phương diện triết học, phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện để đạt tới mục đích nhất định, để giải quyết những nhiệm vụ nhất định.

Phương pháp theo tiếng Hy Lạp “methdos” có nghĩa là “theo con đường” nhằm đạt tới một mục đích nào đó. Phương pháp cũng có thể được hiểu là cách thức của hành vi nhằm đạt tới mục đích nhất định. Phương pháp còn được coi là những quy tắc. Một hệ thống thao tác xác định mà nhờ có chúng ta đạt tới một mục đích xác định [4, tr 91].

Theo Heghel: phương pháp là “ý thức của sự tự vận động bên trong của nội dung” [5, tr 105].

Theo GS. TSKH Nguyễn Văn Hộ: phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện để đạt tới một mục đích nhất định, để giải quyết những nhiệm vụ nhất định.

Theo PGS. TS Lưu Xuân Mới: phương pháp là cách thức đạt tới mục đích và bằng một hình ảnh nhất định, nghĩa là một hành động được điều chỉnh.

Theo Nguyễn Như An, phương pháp là cách đạt tới mục đích, tức là tổng hợp những thủ thuật và thao tác dùng để đạt đến mục đích.

Chúng tôi sử dụng khái niệm sau đây là khái niệm công cụ: Phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện để đạt tới mục đích nhất định.

#### ***\* Khái niệm phương pháp dạy học?***

Có thể có nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau về phương pháp dạy học dựa trên cách quan niệm về quá trình dạy học. Theo các nhà Giáo dục học trên thế giới và Việt Nam họ cho rằng:

Theo I.Ia.Léc - ne: “Phương pháp dạy học là một hệ thống những hành động có mục đích của giáo viên nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của học sinh, đảm bảo cho học sinh lĩnh hội nội dung học vấn” [6].

Theo IU.Babanski: “Phương pháp dạy học là cách thức tương tác giữa thầy và trò nhằm giải quyết các nhiệm vụ giáo dỡng, giáo dục và phát triển trong quá trình dạy học” [6].

Theo GS.TSKH Nguyễn Văn Hộ: Phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức làm việc phối hợp thống nhất của thầy và trò (trong đó thầy đóng vai trò chủ đạo, trò đóng vai trò tích cực, chủ động) nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

Theo GS Đặng Vũ Hoạt - PGS Hà Thị Đức: Phương pháp dạy học là tổng hợp cách thức hoạt động của giáo viên và sinh viên nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học đề ra.

Theo PGS. TS Đặng Thành Hưng: chỉ trong tiếng Nga, Bungary, Ba Lan... mới có cụm từ đúng nghĩa với từ phương pháp dạy học trong tiếng Việt, còn các nước dùng tiếng Anh không dùng thuật ngữ phương pháp dạy học mà trình bày phạm trù này trong hai hình thức giảng dạy hoặc phương pháp học.

Theo Nguyễn Như An: Phương pháp dạy học là tổng hợp tất cả các hình thức hoạt động phối hợp thống nhất của giảng viên và giáo sinh nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: “Phương pháp dạy học là cách thức làm việc của thầy và trò trong sự phối hợp thống nhất dưới sự chỉ đạo của thầy, nhằm làm cho trò tự giác, tích cực, tự lực đạt tới mục đích dạy học”.

Theo tài liệu hướng dẫn học tập môn GDH, Khoa Tâm lý - Giáo dục ĐHSP - ĐHTN: Phương pháp dạy học là tổ hợp cách thức hoạt động của thầy và trò trong quá trình dạy học được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của thầy nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ dạy học.

Từ sự phân tích trên, chúng tôi chọn khái niệm sau làm khái niệm công cụ: *Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động phối hợp thống nhất giữa dạy và học, giữa thầy và trò nhằm thực hiện có hiệu quả mục đích và nhiệm vụ dạy học đề ra.*

*\* Phương pháp dạy học Giáo dục học.*

Theo nghĩa rộng nhất thì phương pháp là cách đạt tới mục đích, tức là tổng hợp những thủ thuật và thao tác dùng để đạt đến mục đích.

*Phương pháp dạy học Giáo dục học là tổng hợp tất cả các cách thức hoạt động phối hợp thống nhất của giảng viên và sinh viên nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học môn Giáo dục học ở trường Sư phạm đó là hình thành tri thức, phương pháp nhận thức, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục ý thức đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Sư phạm.*

Môn Giáo dục học trong các nhà trường sư phạm có 3 nhiệm vụ:

- Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức, kỹ năng về nghề dạy học.
- Hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cần thiết ở sinh viên, năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.
- Giáo dục sinh viên có ý thức phẩm chất đạo đức của người công dân, ý thức phẩm chất đạo đức của người thầy giáo tương lai.

Vì vậy phương pháp dạy học Giáo dục học ngoài chức năng hình thành tri thức, thái độ nó còn có chức năng hình thành phương pháp nhận thức và phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục.

### **1.2.3. Phương pháp dạy học theo dự án**

#### **1.2.3.1. Khái niệm dự án**

Thuật ngữ “dự án”, tiếng Anh là “Project” có gốc tiếng La tinh là “Projicere” có nghĩa là phác thảo, dự thảo, thiết kế. Thuật ngữ này được sử dụng phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Theo từ điển Tiếng Việt của GS. Bùi Quang Tịnh dự án là “*bản dự thảo về một việc gì*” [7].

Khái niệm dự án đã đi từ lĩnh vực kinh tế, xã hội vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo không chỉ với ý nghĩa là các dự án phát triển giáo dục mà còn được sử dụng như một phương pháp hay hình thức.

Theo tiêu chuẩn DIN 69901 của cộng đồng Châu Âu: *“Dự án là một kế hoạch, một dự định về cơ bản được đặc trưng bởi tính duy nhất của các điều kiện trong tính tổng thể của nó, ví dụ có mục đích định trước, giới hạn về thời gian, nhân lực và các điều kiện khác, phân biệt với các dự án khác, có tổ chức dự án chuyên biệt”*.

Như vậy khái niệm dự án ngày nay có thể hiểu là một dự định, một kế hoạch, trong đó cần xác định rõ mục tiêu, thời gian, phương tiện tài chính, vật chất, nhân lực và cần được thực hiện nhằm đạt mục đích đề ra. Dự án được thực hiện trong những điều kiện xác định và có tính phức hợp, liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau.

Dự án trong dạy học là một kế hoạch học tập được xác định rõ mục tiêu, thời gian, phương thức tiến hành và những yêu cầu cụ thể để đạt được mục tiêu dưới sự điều khiển, giám sát của giáo viên.

#### *1.2.3.2. Khái niệm dạy học theo dự án*

Dạy học theo dự án (DHDA) có nguồn gốc từ châu Âu thế kỷ 16 ở Ý và Pháp.

Đầu thế kỷ 20 các nhà sư phạm Mỹ đã xây dựng cơ sở lý luận cho DHDA và coi đó là phương pháp dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, nhằm khắc phục nhược điểm của dạy học truyền thống coi giáo viên là trung tâm. Từ đây có nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về DHDA:

Theo W.H. Kilpatrick, định nghĩa dự án trong dạy học là *“hành động có chủ ý, với toàn bộ nhiệt tình, diễn ra trong một môi trường xã hội hay nói ngắn gọn hơn là hoạt động có chủ ý và có tâm huyết”* [8, tr319]. Theo quan điểm này, đặc điểm quyết định trong phương pháp dự án là định hướng vào

hứng thú của học sinh cũng như yêu cầu về tính tự lực của học sinh trong quá trình thực hiện dự án. Tuy nhiên ông đã quá mở rộng khái niệm này, tức phương pháp dự án có thể áp dụng với mọi nội dung dạy học khác nhau, không nhất thiết gắn với hoạt động thực hành tạo ra sản phẩm.

Theo tác giả Nguyễn Văn Cường: “*dạy học Project hay dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó học sinh dưới sự điều khiển và giúp đỡ của giáo viên tự lực giải quyết một nhiệm vụ học tập mang tính phức hợp không chỉ về mặt lý thuyết mà đặc biệt về mặt thực hành, thông qua đó tạo ra các sản phẩm thực hành có thể giới thiệu, công bố được*”.

Học tập dựa trên dự án là chiến lược giáo dục mà người học được cung cấp các tài nguyên, các chỉ dẫn để áp dụng trên các tình huống cụ thể, qua đó người học tích lũy được kiến thức và khả năng giải quyết vấn đề.

Như vậy từ những quan niệm trên, chúng tôi quan niệm: ***DHDA là một phương pháp hay hình thức dạy học, trong đó người học tự lực thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp nhằm giải quyết một vấn đề gắn với thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành thông qua việc thực hiện các dự án học tập và các tiểu dự án.*** Dạy học dự án đòi hỏi người học phải có tính tự chủ cao trong học tập. Người học tự thiết kế một dự án có nội dung gắn với nội dung học tập, dựa trên cơ sở phân tích thực tiễn, cùng với tài liệu, người học thiết kế dự án, hoàn chỉnh dự án.

#### 1.2.3.3. Khái niệm học theo dự án

Có nhiều quan niệm khác nhau về học theo dự án.

Học theo dự án (Project Learning) còn có tên gọi khác là học dựa trên mô hình dự án (Project based learning) và học theo dự án (Project Work).

Theo bộ Giáo dục Singapore: *Học theo dự án là một hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống. Quá trình học theo dự án*

*giúp học sinh củng cố kiến thức và xây dựng các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và học tập độc lập, chuẩn bị hành trang cho các em trong sự nghiệp học tập suốt đời và đối mặt với các thử thách trong cuộc sống [12].*

Theo cục Giáo dục Hồng Kông: *Học theo dự án là một hoạt động tìm hiểu sâu về một chủ đề cụ thể với mục tiêu tạo cơ hội để học sinh thực hiện nghiên cứu vấn đề thông qua việc kết nối các thông tin, phối hợp nhiều kỹ năng, giá trị và thái độ nhằm xây dựng kiến thức và phát triển khả năng và thái độ học tập suốt đời. Các chủ đề trong học theo dự án chủ yếu liên quan đến việc học và đời sống hằng ngày của học sinh, có thể nằm trong các môn học tích hợp hoặc nằm ngoài chương trình[13].*

Từ quan niệm trên chúng ta có thể đi đến khái niệm học theo dự án như sau: Học theo dự án là một hoạt động học tập nhằm tìm hiểu sâu về một chủ đề cụ thể với mục tiêu tạo cơ hội để người học tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống thông qua đó giúp người học phát triển các kỹ năng, thái độ học tập.

#### *1.2.3.4. Khái niệm phương pháp dự án*

DHTDA với tư cách là phương pháp dạy học, có tác giả hiểu đó là một phương pháp dạy học theo nghĩa hẹp như một phương pháp cụ thể, tuy nhiên có tác giả sử dụng khái niệm phương pháp dự án (PPDA) theo nghĩa rộng:

Theo K. Frey, Ông định nghĩa: *“Phương pháp dự án là một con đường giáo dục. Đó là một hình thức của hoạt động học tập, có tác dụng giáo dục. Quyết định là ở chỗ: nhóm người học xác định một chủ đề làm việc, thống nhất về nội dung làm việc, tự lực lập kế hoạch và tiến hành công việc để dẫn đến một sự kết thúc có ý nghĩa, thường xuất hiện một sản phẩm có thể trình ra được”* [9, tr14]. Với định nghĩa trên K. Frey xác định việc tạo ra sản phẩm là phổ biến trong PPDA.

Theo Bransford và Stein (1993), PPDA chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên ngành, lấy học sinh làm trung tâm và thường gắn với những vấn đề nảy sinh trong đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, PPDA còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra các giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án. Nói cách khác, PPDA góp phần phát triển tính tự chủ của người học. Theo phương pháp này, vai trò của người dạy phần nào khác với những phương pháp truyền thống trước đây. Ở đây người ta vừa dạy vừa là người chỉ dẫn cung cấp các kiến thức cho người học vừa học cùng họ qua các dự án.

Như vậy từ những quan điểm vừa nêu, chúng tôi nhận thấy rằng tất cả các tác giả đều cho rằng phương pháp dự án có những đặc điểm sau:

- + Là một hình thức của hoạt động có tính lâu dài và liên ngành, có tác dụng giáo dục.
- + Người học tự lực xác định chủ đề làm việc, lập kế hoạch, tiến hành công việc nhằm tạo ra sản phẩm.
- + Nội dung dạy học gắn với hoạt động thực hành và lý thuyết từ đời sống hiện tại.
- + Định hướng và phát triển tính tự lực của người học.
- + Đó là phương pháp phức hợp.

### **1.3. Cơ sở tâm lý học của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học**

#### **1.3.1. Lý thuyết kiến tạo**

##### *\* Tư tưởng cốt lõi của thuyết kiến tạo*

- Tri thức được xây dựng thông qua việc chủ thể nhận thức, tự cấu trúc vào hệ thống bên trong của mình. Tri thức mang tính chủ quan do người học tự khám phá.



- Thuyết kiến tạo thuộc lý thuyết chủ thể, nhấn mạnh vai trò của chủ thể trong quá trình nhận thức, trong việc giải thích và kiến tạo tri thức.

- Tổ chức sự tương tác giữa người học và đối tượng học tập để giúp người học xây dựng thông tin mới. Học không chỉ là khám phá mà còn là sự giải thích cấu trúc mới của tri thức.

*\* Các nguyên tắc của lý thuyết kiến tạo*

- Nguyên tắc 1: Không có kiến thức khách quan tuyệt đối. Kiến thức là một quá trình, là sản phẩm được kiến tạo theo từng cá nhân (tương tác giữa đối tượng học tập và người học).

- Nguyên tắc 2: Về mặt nội dung, dạy học phải định hướng theo những lĩnh vực và vấn đề phức hợp gần với cuộc sống và nghề nghiệp được khảo sát một cách tổng thể.

- Nguyên tắc 3: Việc học tập chỉ có thể được thực hiện trong quy trình tích cực, việc học là do người học, của người học. Vì chỉ có những kinh nghiệm và những kiến thức của bản thân mới có thể thay đổi và cá nhân hoá những kiến thức của bản thân đã có. Như vậy học tập là quá trình cá nhân tự biến đổi.

- Nguyên tắc 4: Học tập trong nhóm có ý nghĩa quan trọng góp phần cho người học tự điều chỉnh sự học tập của bản thân.

- Nguyên tắc 5: Học qua sai lầm là điều rất có ý nghĩa.

- Nguyên tắc 6: Các lĩnh vực học tập cần định hướng vào hứng thú người học vì như vậy giúp người học có thể học hỏi dễ nhất từ những kinh nghiệm mà người ta thấy hứng thú hoặc có tính thách thức.

- Nguyên tắc 7: Thuyết kiến tạo không chỉ giới hạn ở những khía cạnh nhận thức của việc dạy và học. Sự học tập hợp tác đòi hỏi và khuyến khích phát triển không chỉ lý trí mà cả về mặt tình cảm, giao tiếp.

- Nguyên tắc 8: Mục đích học tập là xây dựng kiến thức bản thân để khi đánh giá các kết quả học tập không định hướng theo các sản phẩm học tập mà cần kiểm tra những tiến bộ trong quá trình học tập và trong những tình huống học tập phức tạp.

*\* Ứng dụng thuyết trong dạy học Giáo dục học*

- Tạo môi trường học tập cho sinh viên, môi trường nhóm lớp, môi trường hợp tác, cộng tác, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, môi trường được hỗ trợ để tự phát triển năng lực và có thể học từ sai lầm.

- Tăng cường các hình thức tổ chức sinh viên làm việc theo nhóm, dạy hợp tác và học tương tác.

- Phát huy năng lực tự học và năng lực tự điều chỉnh của sinh viên.

- Tăng cường dạy bằng tình huống và tổ chức cho người học có thể học thông qua sai lầm.

*\* Hạn chế của thuyết kiến tạo trong dạy học Giáo dục học*

- Tuyệt đối hoá tính chủ quan của quá trình nhận thức, phủ nhận sự tồn tại của tri thức khách quan.

- Cúi trọng làm việc theo nhóm và hoạt động cá nhân.

- Tốn thời gian và công sức của giảng viên và người học.

- Nếu tổ chức không tốt sẽ dẫn đến kết quả học tập không cao.

- Việc đưa ra các kỹ năng cơ bản vào các đề tài phức tạp mà không có luyện tập cơ bản có thể hạn chế kết quả học tập.

### **1.3.2. Lý thuyết nhận thức**

*\* Khái niệm:*

- Các lý thuyết nhận thức nghiên cứu quá trình nhận thức bên trong với tư cách là một quá trình xử lý thông tin. Bộ não xử lý các thông tin tương tự như một hệ thống kỹ năng.

- Quá trình nhận thức là quá trình có cấu trúc, có ảnh hưởng quyết định đến hành vi của con người. Con người tiếp thu các thông tin bên ngoài, xử lý và đánh giá chúng từ đó quyết định các hành vi ứng xử.

- Trung tâm của lý thuyết nhận thức là các hoạt động trí tuệ: xác định, phân tích và hệ thống hoá các sự kiện, hiện tượng, nhớ lại những kiến thức đã học giải quyết vấn đề và phát triển, hình thành các ý tưởng mới.

- Cấu trúc nhận thức của con người không phải bẩm sinh đã có mà được hình thành thông qua quá trình lĩnh hội nền văn hoá xã hội, kinh nghiệm xã hội - lịch sử.

- Cấu trúc nhận thức của con người mang tính chủ thể (mỗi người có một cấu trúc não bộ riêng, tính tích cực hoạt động riêng...). Vì vậy, muốn có sự thay đổi đối với một người ta cần có tác động phù hợp để làm thay đổi nhận thức của người đó.

- Con người có thể tự điều chỉnh được quá trình nhận thức: tự đặt mục đích, xây dựng kế hoạch và thực hiện. Trong đó con người có thể tự quan sát, tự đánh giá và tự hưng phấn không cần kích thích từ bên ngoài.

*\* Các nguyên tắc của lý thuyết nhận thức*

- Nguyên tắc 1: Không chỉ coi trọng kết quả học tập mà quá trình học tập, quá trình tư duy cũng là điều quan trọng.

- Nguyên tắc 2: Nhiệm vụ của người dạy là tạo ra môi trường học tập thuận lợi, thường xuyên khuyến khích các quá trình tư duy (khuyến khích học sinh tư duy bằng các tình huống có vấn đề, xúc cảm, tình cảm, hứng thú học tập...).

- Nguyên tắc 3: Các quá trình tư không thực hiện thông qua các vấn đề nhỏ đưa ra một cách tuyến tính mà thông qua việc đưa các nội dung học tập phức hợp.

- Nguyên tắc 4: Việc học tập thực hiện trong nhóm có vai trò quan trọng giúp tăng cường khả năng về mặt xã hội.

- Nguyên tắc 5: Các phương pháp học tập có vai trò quan trọng.
- Nguyên tắc 6: Cần có sự cân bằng giữa những nội dung do giảng viên truyền đạt và những nhiệm vụ tự lực.

*\* Ứng dụng của thuyết nhận thức trong dạy học Giáo dục học*

Thuyết nhận thức được thừa nhận và ứng dụng rộng rãi trong dạy học đặc biệt là:

- Dạy học giải quyết vấn đề.
- Dạy học định hướng hành động.
- Dạy học khám phá.
- Làm việc nhóm.

*\* Hạn chế của thuyết nhận thức trong dạy học Giáo dục học*

- Đòi hỏi nhiều thời gian và đòi hỏi cao ở sự chuẩn bị cũng như năng lực của giảng viên.
- Cấu trúc của quá trình tư duy không quan sát trực tiếp được nên chỉ mang tính giả thuyết.

### **1.3.3. Đặc điểm tâm lý của sinh viên Sư phạm**

Khi nói đến đặc điểm tâm lý của sinh viên người ta thường đề cập tới một số đặc điểm cơ bản về sinh lý, tâm lý và mặt xã hội của nhóm tuổi này.

*\* Về mặt sinh lý:* Sinh viên bao gồm những người có tuổi từ 18 - 25 tuổi, hình thể đã đạt được sự hoàn chỉnh về cấu trúc và sự phối hợp các chức năng. Ở lứa tuổi này, hoạt động thần kinh cao cấp đã đạt đến mức trưởng thành.. Điều này đảm bảo một sự liên lạc vô cùng rộng, chi tiết, tinh tế giữa vô số kênh vào và vô số kênh ra, làm cho trí tuệ của sinh viên vượt xa trí tuệ của học sinh phổ thông. Đặc điểm quan trọng của thời kỳ này là chức năng sinh sản bắt đầu quá trình phát triển đầy đủ. Giới tính đã phân biệt rõ rệt và phát triển đầy đủ ở mỗi giới cả về biểu hiện bên ngoài lẫn biểu hiện nội tiết tố. Hơn nữa ở lứa tuổi sinh viên còn có nhiều yếu tố bẩm sinh di truyền đã được biến đổi dưới ảnh hưởng của điều kiện sống và giáo dục.

\* *Về mặt tâm lý*: Thời kỳ này sự phát triển trí tuệ được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lượng trí tuệ, biểu hiện rõ nhất trong việc tư duy sâu sắc và rộng, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày càng khó khăn, phức tạp hơn, có tiến bộ rõ rệt trong các lập luận logic, trong việc lĩnh hội tri thức. Ở lứa tuổi này trí tưởng tượng, sự chú ý và ghi nhớ đã phát triển thành khả năng hình thành ý tưởng trừu tượng, khả năng phán đoán. Năng lực nhận thức của sinh viên phát triển họ có khả năng tự học, tự nghiên cứu một cách độc lập với những nội dung nhất định.

Sự phát triển tình cảm của lứa tuổi sinh viên đây là một thời kỳ đầy xúc cảm đối với mỗi cá nhân. Có nhiều tình huống mới nảy sinh trong cuộc sống sinh viên, đòi hỏi họ phải phán đoán và quyết định trong khi họ còn thiếu kinh nghiệm và hiểu biết xã hội. Vì vậy, dễ nảy sinh những tình cảm không thích hợp khi phải ứng xử trước những tình huống đó.

Đặc điểm tâm lý quan trọng của thời kỳ chuyển tiếp ở lứa tuổi sinh viên là sự phát triển tự ý thức. Tự ý thức là một loại đặc biệt của ý thức trong đời sống cá nhân, có chức năng điều chỉnh nhận thức và thái độ đối với bản thân. Tự ý thức là quá trình tự quan sát, tự phân tích, tự kiểm tra, tự đánh giá về hành động, kết quả hành động của chính bản thân về mặt tư tưởng, tình cảm, phong cách, đạo đức, hứng thú... Tự ý thức chính là điều kiện để phát triển và hoàn thiện nhân cách, hướng nhân cách theo yêu cầu xã hội. Tự ý thức của sinh viên được hình thành trong quá trình xã hội hoá và liên quan chặt chẽ với tính tích cực nhận thức của sinh viên.

Tóm lại, sinh viên thuộc lớp thanh niên có độ tuổi từ 18 đến 25, là giai đoạn chuyển từ sự chín muồi về thể lực sang trưởng thành về phương diện tâm lý - xã hội. Lứa tuổi sinh viên được đánh giá là thời kỳ phát triển tích cực nhất về tình cảm đạo đức và thẩm mỹ; là giai đoạn hình thành và ổn định tính cách; đặc biệt họ có vai trò “người lớn” thực sự (họ có quyền công dân, quyền

xây dựng gia đình, quyền lao động kiếm sống...). Họ có kế hoạch riêng cho hoạt động của mình, chịu trách nhiệm về hành vi và độc lập trong phán đoán. Đây là thời kỳ có nhiều biến động mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội. Sinh viên đã biết xác định con đường sống tương lai, tích cực nắm vững nghề nghiệp và bắt đầu dần thân thể nghiệm mình trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

#### **1.4. Cơ sở lý luận dạy học của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học**

##### ***1.4.1. Mục tiêu, nội dung, chương trình môn Giáo dục học***

###### ***1.4.1.1. Mục tiêu môn giáo dục học trong trường DHSP***

- Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học về quá trình hình thành, phát triển nhân cách con người, về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, về tổ chức quá trình dạy học, quá trình giáo dục, về nhân cách người thầy giáo và các con đường giáo dục học sinh.

- Trên cơ sở hệ thống tri thức đã hình thành cho sinh viên, môn Giáo dục học hình thành cho sinh viên một hệ thống kỹ năng sư phạm, kỹ năng sống... phát triển năng lực dạy học, năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

- Giáo dục sinh viên có tình cảm nghề nghiệp, yêu nghề, mến trẻ, có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức Giáo dục học vào quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, vào thực tế dạy học và giáo dục ở các trường phổ thông, cao đẳng chuyên nghiệp...

###### ***1.4.1.2. Nội dung, chương trình môn Giáo dục học***

Gồm 3 khối kiến thức cơ bản, tùy theo cấu trúc chương trình của từng trường mà thời lượng số tiết dành cho môn học sẽ khác nhau nhưng về cơ bản thì nội dung môn giáo dục học gồm các nội dung tri thức sau đây:

###### ***\* Những tri thức chung về giáo dục học***

- Giáo dục học là môn khoa học về giáo dục con người.

- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách.
- Mục đích, nhiệm vụ giáo dục.
- Nhân cách người thầy giáo.
- Các con đường giáo dục
- Tổ chức, quản lý trường học.

*\* Tri thức về lý luận dạy học*

- Quá trình dạy học.
- Các nguyên tắc dạy học.
- Phương pháp dạy học.
- Hình thức tổ chức dạy học.

*\* Tri thức về lý luận giáo dục*

- Quá trình giáo dục.
- Các nguyên tắc giáo dục.
- Phương pháp giáo dục.
- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp.
- Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông và các nhà trường.
- Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

#### ***1.4.2. Bản chất, nhiệm vụ dạy học môn Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm (ĐHSP)***

##### ***1.4.2.1. Bản chất của quá trình dạy học môn Giáo dục học trong trường Sư phạm***

Quá trình dạy học ở đại học, về bản chất là quá trình nhận thức độc đáo có tính chất nghiên cứu của sinh viên được tiến hành dưới vai trò tổ chức, điều khiển của giáo viên nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học ở đại học.

Quá trình nhận thức của sinh viên nói chung, quá trình học tập nói riêng ở các trường đại học là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu. Điều đó có nghĩa là, dưới vai trò chủ đạo của thầy, sinh viên không nắm máy móc những chân lý có sẵn mà có khả năng tiếp nhận những chân lý đó với óc phê

phán, có khẳng định, phủ định, đào sâu, mở rộng... Mặt khác, trong quá trình học tập ở đại học, sinh viên đã bắt đầu thực sự tham gia hoạt động tìm kiếm chân lý mới. Đó là hoạt động tập dượt nghiên cứu khoa học được tiến hành ở các mức độ theo yêu cầu của chương trình các bộ môn.

Quá trình nhận thức của sinh viên về cơ bản có những điểm giống quá trình nhận thức của loài người, của nhà khoa học và của học sinh trường phổ thông thể hiện: Điều diễn ra theo quy luật từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn; Điều huy động hoạt động tư duy của con người ở mức độ cao nhất; Điều làm cho vốn hiểu biết của con người ngày càng hoàn thiện và phong phú.

Tuy vậy, quá trình nhận thức của sinh viên lại có những nét độc đáo so với quá trình nhận thức của học sinh phổ thông và quá trình nhận thức của các nhà khoa học. Cụ thể: Sinh viên trong quá trình học tập họ phải hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu là tiếp thu một cách sáng tạo, có phê phán ở trình độ cao những hiểu biết và những kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp tương lai. Nói cách khác, họ phải phấn đấu nắm được cơ sở của nghề nghiệp mà họ cần đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp đại học với tư cách là người cán bộ khoa học kỹ thuật, người quản lý có nghiệp vụ và trình độ cao.

Bản chất của quá trình dạy học Giáo dục học ở trường Sư phạm là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu của sinh viên, là quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên dưới vai trò tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo của giảng viên.

Thông qua quá trình dạy học Giáo dục học nhằm giúp sinh viên lĩnh hội tri thức nghề dạy học, rèn luyện kỹ năng sư phạm và hình thành phát triển năng lực nghiên cứu khoa học; các phẩm chất đạo đức của người giảng viên.

#### *1.4.2.2. Các nhiệm vụ dạy học Giáo dục học ở trường ĐHSP*

\* *Nhiệm vụ 1:* Trang bị cho sinh viên hệ thống những tri thức khoa học hiện đại và hệ thống những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng về nghề dạy học, bước



đầu trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học, các phương pháp nghiên cứu và phương pháp tự học có liên quan tới nghề dạy học.

*\* Nhiệm vụ 2:* Phát triển năng lực hoạt động trí tuệ của sinh viên, hình thành năng lực lao động nghề nghiệp.

Chúng ta đang sống trong thời đại có nhiều biến động về đời sống xã hội, thời đại khoa học và công nghệ đang phát triển với tốc độ nhanh chưa từng thấy trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Thực tế đó đòi hỏi các trường đại học phải đặc biệt quan tâm tới nhiệm vụ phát triển năng lực hoạt động trí tuệ cho sinh viên, đặc biệt là năng lực tư duy độc lập sáng tạo của người cán bộ khoa học kỹ thuật tương lai.

*\* Nhiệm vụ 3:* Trên cơ sở trang bị hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ cho sinh viên, quá trình dạy học ở đại học phải nhằm hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người cán bộ khoa học, kỹ thuật, những cán bộ “có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, năng động và sáng tạo; có khả năng thích ứng với những thay đổi về nghề nghiệp trong nền kinh tế hàng hoá, có bản lĩnh tự tạo được việc làm, có ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân...”. Vì vậy, một trong những nguyên tắc cực kỳ quan trọng của quá trình dạy học ở đại học là phải đảm bảo sự thống nhất biện chứng giữa nội dung giáo dục tư tưởng, chính trị với nội dung tri thức khoa học trên cơ sở nền tảng những tri thức và kỹ năng nghề nghiệp tương lai của người cán bộ khoa học. Mặt khác, việc nắm vững tri thức, kỹ năng là cơ sở và điều kiện để phát triển năng lực hoạt động trí tuệ của sinh viên trong quá trình dạy học ở đại học. Trong mối tương quan giữa dạy học, giáo dục và phát triển, việc giáo dục, bồi dưỡng thế giới quan và các phẩm chất nhân cách của người cán bộ khoa học, kỹ thuật trong tương lai vừa là mục đích, là kết quả đồng thời cũng là cơ sở tư tưởng của việc chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng và phát triển trí tuệ của sinh viên. Nó

phản ánh rõ nét mục tiêu đào tạo của các trường đại học đáp ứng yêu cầu của xã hội, cách mạng khoa học, công nghệ và yêu cầu của cuộc sống.

#### *1.4.2.3. Các phương pháp dạy học Giáo dục học và phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học*

*\* Đặc điểm của phương pháp dạy học Giáo dục học.*

Do mục tiêu và nội dung đào tạo về môn Giáo dục học ở trường sư phạm, dựa trên trình độ phát triển về mọi mặt của giáo sinh chúng ta thấy phương pháp dạy học giáo dục học có những đặc trưng sau đây:

- Phương pháp dạy học giáo dục học mang tính chất nghiên cứu về nghiệp vụ sư phạm đòi hỏi khả năng độc lập và sáng tạo của giảng viên và sinh viên.

Học tập ở trường sư phạm để trở thành người giáo viên tương lai, người giáo sinh không những tiếp thu những tri thức về khoa học giáo dục của loài người mà còn tìm tòi, nghiên cứu những vấn đề đang tranh luận, chưa được giải quyết trong khoa học giáo dục. Ngay cả khi tiếp thu tri thức khoa học giáo dục đã được thực tiễn xác nhận, cách học tập của giáo sinh cũng không đơn thuần là thụ động tiếp nhận mà với tinh thần “tìm tòi, phát hiện, kế thừa có chọn lọc” những điều mà các nhà giáo dục đã phát hiện.

Có thể nói rằng, đặc trưng cơ bản của phương pháp dạy học Giáo dục học (cũng là đặc trưng của phương pháp dạy học ở đại học) là sự vận dụng tối đa khả năng nghiên cứu khoa học của giáo sinh phát huy tinh thần độc lập tự học của họ để nắm vững hiểu biết về nghiệp vụ sư phạm nói riêng cũng như hình thành nhân cách người giáo viên nói chung.

Từ đặc trưng cơ bản trên, đi đến đặc trưng về cấu trúc phương pháp dạy học giáo dục học ở trường sư phạm là:

- Phương pháp dạy học là tổng hợp phương pháp dạy để hướng dẫn phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học giáo dục của giáo sinh.

Phương pháp dạy của giảng viên trực tiếp chỉ đạo, điều khiển, điều chỉnh phương pháp tiếp thu ban đầu của giáo sinh đồng thời chỉ đạo phương pháp tự học và tự nghiên cứu khoa học của giáo sinh.

- Phương pháp dạy học giáo dục học là sự kết hợp của phương pháp khoa học và phương pháp sư phạm, nó phù hợp với logic khoa học giáo dục và tâm lý học của sự lĩnh hội của giáo sinh.

Giáo dục học là môn khoa học, đồng thời là môn khoa học mang tính nghiệp vụ sư phạm cao nên trong phương pháp dạy học giáo dục học, mặt khoa học phát triển mạnh đi đến sự thống nhất giữa mặt khoa học và mặt sư phạm vì bản thân phương pháp dạy học giáo dục học gần gũi, tiệm cận với phương pháp khoa học giáo dục. Giáo sinh sư phạm học tập giáo dục học với tư cách vừa là sinh viên vừa là người nghiên cứu khoa học giáo dục với những phương pháp khoa học chân chính, hoàn chỉnh của môn khoa học đó.

*\* Các phương pháp dạy học GDH.*

Với xu hướng cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học trong quá trình dạy học hiện đại, từ những năm năm mươi của thế kỷ XX, nhiều phương pháp dạy học mới đã ra đời nhằm tích cực hoá, cá biệt hoá hoạt động học tập của người học đáp ứng yêu cầu cao của sự phát triển xã hội. Đó là phương pháp dạy học như:

- Phương pháp diễn giảng Giáo dục học.
- Phương pháp dạy học nêu vấn đề.
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp định hướng hành động cho sinh viên.
- Phương pháp dạy học bằng tình huống.
- Phương pháp vấn đáp.
- Phương pháp xêmina.
- Phương pháp mô hình hoá.
- Phương pháp ôn tập.

- Phương pháp dự án

.....

Các kỹ thuật dạy học:

- Kỹ thuật động não

- Kỹ thuật bể cá

- Kỹ thuật 3 lần 3

- Kỹ thuật 635.....

*\* Một số yêu cầu có tính chất phương pháp luận đối với việc lựa chọn, vận dụng các phương pháp dạy học trong quá trình dạy học môn giáo dục học.*

- Việc lựa chọn, vận dụng các kiểu phương pháp và phương pháp dạy học cụ thể phải dựa trên cơ sở người giáo viên bao quát một cách tổng thể tất cả các nhân tố cơ bản của quá trình dạy học.

Phương pháp dạy học là một nhân tố chuyển biến nhanh và sinh động nhất trong tất cả các nhân tố của quá trình dạy học. Nó phát triển và hoàn thiện trong thực tiễn dạy học. Nó vận dụng linh hoạt tùy theo trình độ và phong cách sư phạm của từng giáo viên.

Tuy nhiên muốn đảm bảo kết quả dạy học cao, việc lựa chọn và vận dụng các kiểu phương pháp và phương pháp cụ thể phải tính đến các tác động tổng hợp và ảnh hưởng tương hỗ của các nhân tố khác trong quá trình dạy học. Đặc biệt những nhân tố sau đây phải được cân nhắc kỹ:

- Mục đích nhiệm vụ môn học, yêu cầu bài học.

- Nội dung môn học, bài học.

- Các nguyên tắc dạy học.

- Điều kiện làm việc của giáo viên và học sinh.

- Đặc điểm tâm sinh lý học sinh.

Những nhân tố đó thường xuyên thay đổi trong những điều kiện khác nhau do đó, ta cần phải thay đổi cách lựa chọn, sử dụng phương pháp cho phù hợp.

Kết hợp tối ưu các kiểu phương pháp vào trường hợp cụ thể, càng vận dụng một cách đa dạng nhiều phương pháp cụ thể càng tốt. Tuyệt đối không dừng lại ở một phương pháp đơn điệu, rập khuôn.

Như ta đã biết, không có một kiểu phương pháp cũng như một phương pháp cụ thể nào là vạn năng. Mỗi kiểu phương pháp cho ta giải quyết có hiệu quả một số nhiệm vụ này nhưng không giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ khác. Một phương pháp cũng có mặt ưu, nhược điểm của nó.

Tài năng sư phạm của giáo viên là phải biết khéo léo vận dụng phối hợp các kiểu phương pháp và phương pháp dạy học nhất định tùy theo yêu cầu sư phạm của bài học. Giáo viên cần biết phối hợp phương pháp dạy và phương pháp học, hướng chủ yếu vào cách dạy lấy sinh viên làm trung tâm.

Giảng viên phải nắm bắt được mặt mạnh, mặt yếu của từng phương pháp, hiểu được yêu cầu của từng kiểu phương pháp, cách thực hiện các phương pháp đó.

Khi lựa chọn phương pháp dạy học, giảng viên phải chú ý được tính chất biện chứng của hoạt động dạy và hoạt động học trong quá trình dạy học ở trường sư phạm.

Ở trường sư phạm, giáo sinh vừa là khách thể, vừa là chủ thể của quá trình dạy học. Do đó giảng viên phải sử dụng có hiệu quả phương pháp dạy học của mình để vũ trang tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo cho giáo sinh, phát triển các phẩm chất đạo đức cho người giáo viên tương lai. Sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động của giảng viên và hoạt động của giáo sinh trong quá trình dạy học giáo dục học phải thể hiện cụ thể ở chỗ giảng viên và các giáo sinh phải giải quyết được các mâu thuẫn, tạo được động lực trong quá trình dạy học nhằm thúc đẩy giáo sinh nắm tri thức khoa học nghiệp vụ, phát triển tư duy sư phạm nâng cao lý tưởng nghề nghiệp.

Giảng viên cần nhạy bén trong việc học hỏi, vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại của thế giới vào bộ môn của mình, phù hợp với trình độ sinh viên và điều kiện học tập - giảng dạy của nhà trường [6].

### **1.5. Những vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học**

#### ***1.5.1. Đặc điểm, nguyên tắc của phương pháp dạy học theo dự án trong dạy học Giáo dục học***

\* Đặc điểm của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học

Trong các tài liệu về DHDA có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Đầu thế kỷ 20 các nhà sư phạm Mỹ khi xác định cơ sở lý thuyết cho PPDH này đã đưa ra ba đặc điểm cơ bản của DHDA: định hướng hoạt động tự nghiên cứu cho sinh viên, định hướng hoạt động thực tiễn, định hướng sản phẩm cần đạt được trong quá trình học tập nghiên cứu Giáo dục học. Từ các đặc điểm của DHDA chúng tôi có thể cụ thể hoá như sau:

- Định hướng hoạt động thực tiễn: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Kết hợp giữa lý thuyết về nghề dạy học với thực tiễn dạy học giáo dục ở trường phổ thông. Chủ đề của dự án gắn liền với hoàn cảnh cụ thể của dạy học và giáo dục, với những tình huống thực tiễn xã hội, nghề nghiệp, đời sống... Các dự án học tập góp phần gắn liền với nhà trường với thực tiễn đời sống xã hội và có thể mang lại những tác động xã hội tích cực. Thông qua đó kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn cho người học.

- Định hướng vào người học (tức hứng thú và tính tự lực của người học): Trong DHDA, người học tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Giảng viên chỉ đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Cụ thể:

+ DHDA phải chú ý đến hứng thú người học, người học được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với hứng thú của cá nhân. Người học phải quyết định làm sao tiếp cận vấn đề và những hoạt động nào phải theo đuổi để giải quyết vấn đề.

+ Người học làm việc theo nhóm để giải quyết những vấn đề có thực dựa trên bài học và thường có tính liên môn. Vì vậy, đặc điểm này còn gọi là học tập mang tính xã hội.

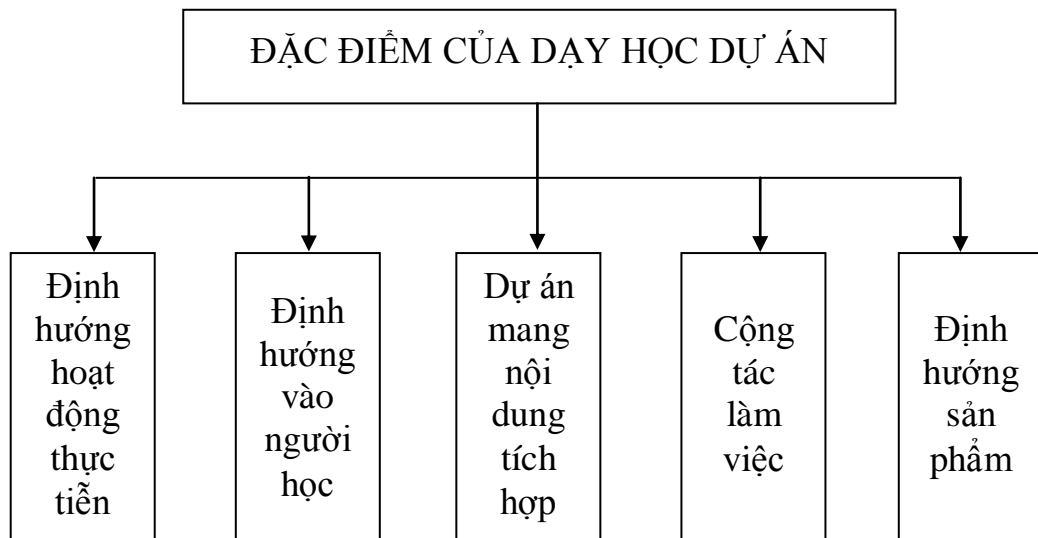
+ Người học thu thập thông tin từ rất nhiều nguồn khác nhau rồi phân tích, tổng hợp, đánh giá và rút ra tri thức cho bản thân.

- Dự án phải mang nội dung tích hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp: Tích hợp những tri thức về tâm lý học, về dạy học và về giáo dục học sinh.

- Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. DHDA đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa người học và giáo viên cũng như các lực lượng khác trong xã hội tham gia dự án. Đặc điểm này là học tập mang tính xã hội.

- Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết mà đa số các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

Các đặc điểm của dạy học theo dự án được thể hiện bằng sơ đồ sau:



*\* Nguyên tắc vận dụng trong dạy học dự án.*

- Dạy học theo dự án tập trung vào những mục tiêu học tập quan trọng gắn với các chuẩn.

Dạy học trong dự án không bó hẹp trong phạm vi một bài học mà cần được mở rộng trong cả chủ đề môn học qua đó mới phát huy hết hiệu quả. Mục tiêu của dự án không dừng lại ở việc giúp người học trả lời được các câu hỏi mà giảng viên đưa ra. Điều quan trọng là sinh viên học được cách làm việc, khả năng tự học, tự nghiên cứu đặc biệt là phát triển được các kỹ năng quan trọng như: kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc hợp tác. Nắm được kỹ năng này giảng viên không bị cứng nhắc trong việc xây dựng và tổ chức các dự án để sinh viên thực hiện; Giảng viên cần hiểu rằng, một dự án tốt không chỉ giải quyết mục tiêu của bài học mà còn giúp người học có được phương pháp làm việc và kỹ năng cần thiết.

Trong dạy học Giáo dục học dạy học dự án không chỉ giúp sinh viên hình thành tri thức về nghề dạy học mà hình thành ở sinh viên năng lực thực hành nghề nghiệp.

- Dạy học theo dự án phải đảm bảo người học là trung tâm của hoạt động học tập, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoạt động nghiên cứu khoa học.



Phương pháp dạy học theo dự án là một trong những phương pháp dạy học hiện đại, phát huy cao độ tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học trong quá trình học tập, trong nghiên cứu khoa học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. Người học phải được tham gia vào mọi quá trình của dự án, từ việc đưa ra ý tưởng của dự án, lập kế hoạch thực hiện dự án, tạo ra sản phẩm đến việc kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện. Trong quá trình sinh viên thực hiện dự án, giảng viên đóng vai trò là người cộng tác, hỗ trợ... Một dự án chỉ được thực hiện thành công khi sinh viên hiểu rõ về nó, hứng thú tham gia vào việc thực hiện, được cộng tác, hợp tác trong quá trình thực hiện và được quyền quyết định sản phẩm của mình.

- Dạy học theo dự án phải đảm bảo sự phù hợp giữa lý luận giáo dục và thực tiễn giáo dục dạy học.

Các dự án mà giảng viên tổ chức để sinh viên được làm việc (tìm hiểu, tranh luận, thảo luận, khảo sát...) để tự mình khám phá ra tri thức. Nhưng quan trọng hơn nó là cơ hội cho sinh viên vận dụng vào thực tế cuộc sống. Những dự án này phải là cơ hội để sinh viên tìm hiểu giải quyết những vấn đề mang tính xã hội, tính thời đại. Chính vì điều này mà tính thực tiễn trong dạy học theo dự án được phát triển thêm một mức. Ví dụ khảo sát về thực trạng kiểm tra, đánh giá ở trường phổ thông, khảo sát về kỹ năng hoạt động giáo dục của học sinh.

- Dạy học theo dự án phải đảm bảo tính khách quan, khoa học, thường xuyên trong quá trình đánh giá việc thực hiện dự án của sinh viên nhằm thúc đẩy việc học và cải tiến việc dạy. Đánh giá không phải là một hoạt động đơn lẻ mà là một quá trình liên tục diễn ra trong suốt dự án. Đánh giá liên tục và định kỳ là khâu cốt yếu của dạy học theo dự án, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp sinh viên thực hiện được những gì đã học bằng nhiều cách khác nhau. Đánh giá trở thành một công cụ nhằm cải thiện việc nắm kiến thức

ở sinh viên. Nhờ đánh giá định kỳ thông qua các bài học, giảng viên biết nhiều hơn về nhu cầu của sinh viên cũng như có thể điều chỉnh việc giảng dạy nhằm giúp sinh viên đạt kết quả tốt hơn.

Như vậy, một nhân tố quan trọng góp phần đảm bảo cho sự thành công của các dự án là tổ chức đánh giá thường xuyên và định kỳ. Giảng viên cần xây dựng kế hoạch đánh giá một cách chi tiết tỉ mỉ. Tất cả các tiêu chí đánh giá phải được cụ thể hoá thành từng mục xây dựng trong các phiếu phát tới tận tay sinh viên và hướng dẫn cách sử dụng các phiếu này một cách rõ ràng.

- Dạy học theo dự án đảm bảo có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong quá trình dạy học. Đối với PPDH theo dự án, việc ứng dụng các thành quả khoa học kỹ thuật rất cần thiết, bởi lẽ các dự án mà giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hiện mang tính liên ngành, đa ngành. Sinh viên phải tìm hiểu khảo sát, thực nghiệm ở nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Muốn như vậy, trong quá trình thực hiện sinh viên cần đến sự hỗ trợ đặc lực của các phương tiện kỹ thuật đặc biệt là máy tính và mạng. Nhờ các phương tiện này, sinh viên sẽ dễ dàng hơn trong việc trao đổi, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin và thực hiện các thao tác tính toán.

*\* Những ưu, nhược điểm của dạy học dự án*

- Ưu điểm:

- + Kích thích được hứng thú, động cơ làm việc của người học.
- + Phát huy khả năng sáng tạo, tính tự lực, tính trách nhiệm.
- + Gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.
- + Rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn.
- + Khuyến khích người học giải quyết những vấn đề phức tạp mang tính hiện thực.
- + Người học có thể sử dụng những môn học khác nhau để giải quyết vấn đề.
- + Rèn luyện năng lực cộng tác làm việc.

- + Phát triển năng lực đánh giá.
- Nhược điểm:
  - + Dạy học dự án đòi hỏi tốn nhiều thời gian, không phù hợp trong việc truyền thụ tri thức lý thuyết mang tính trừu tượng, hệ thống.
  - + Đòi hỏi phương tiện vật chất và tài chính phù hợp.
  - + Dạy học dự án nhiều giáo viên có thể sẽ cảm thấy phải chịu áp lực trong việc thực hiện chương trình giảng dạy mới; sinh viên có thể gặp khó khăn khi chủ động định hướng quá trình học tập.

### ***1.5.2. Vai trò của giảng viên và sinh viên trong phương pháp dạy học dự án***

#### ***\* Đối với giảng viên***

- Thúc đẩy vai trò tự chủ của sinh viên và làm sao để gắn sự chủ động của sinh viên trong việc giải quyết nội dung bài học.
- Hướng dẫn cho sinh viên chứ không phải làm thay các em.
- Không phải dạy kiến thức mà tạo ra sự hỗ trợ cần thiết. Năng lực, vai trò của giảng viên thể hiện ở các hỗ trợ sinh viên (không chỉ bằng các chỉ dẫn mà bằng các sản phẩm mẫu, các tài liệu, các nguồn thông tin, các chuyên gia công việc, phiếu đánh giá).
- Trong lớp học truyền thống, giảng viên nắm giữ tất cả các kiến thức và truyền tải đến sinh viên. Với mô hình dạy học dự án, giảng viên đóng vai trò là một người tạo cơ hội học tập, tiếp cận với thông tin, làm mẫu và hướng dẫn sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên cũng phải tạo ra môi trường học tập thúc đẩy phương pháp học tập theo kiểu cộng tác giữa các thành viên trong các nhóm sinh viên.

#### ***\* Đối với sinh viên***

- Phải tham gia tích cực ở cả ba giai đoạn học tập (nhập giữ liệu, xử lý giữ liệu, xuất giữ liệu). Giai đoạn ba là giai đoạn hoạt động quan trọng, thể

hiện kết quả của hai giai đoạn trước và là giai đoạn sinh viên được phát huy khả năng sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề của mình.

- Sinh viên đóng vai trò là những “người thợ” thuộc những ngành nghề khác nhau trong xã hội, hoàn thành vai trò của mình dựa trên những kiến thức, kỹ năng nhất định (sinh viên chủ động trong việc tiếp nhận kiến thức).

- Sinh viên được giao những nhiệm vụ cụ thể, có thật trong cuộc sống, bằng những kiến thức theo sát chương trình học, có phạm vi liên môn và bằng những kỹ năng sống của người lớn, qua đó rèn luyện kỹ năng sống (làm việc với người khác, đưa ra quyết định chín chắn, chủ động giải quyết các vấn đề phức tạp...).

- Sinh viên tự quyết định cách tiếp cận vấn đề và các hoạt động.

- Sinh viên phải hoàn thành dự án và trình bày qua các sản phẩm cụ thể: Bài trình diễn, sản phẩm, trang web....

### ***15.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học***

Phương pháp dạy học dự án có ý nghĩa to lớn đối với quá trình học tập của sinh viên, nó góp phần hình thành năng lực hành động, năng lực giải quyết vấn đề cho sinh viên, tuy nhiên hiệu quả của phương pháp dạy học dự án lại phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- \* Nhận thức của giảng viên, sinh viên: Hiện nay, phần lớn các học phần, tín chỉ trong chương trình vẫn được giảng dạy theo phương pháp truyền thống thầy nói, trò ghi. Bởi thế trong các giờ học sinh viên đa phần còn thụ động trong việc tiếp thu tri thức. Bởi vậy yếu tố mang tính chủ quan đầu tiên cản trở cho phương pháp dạy học dự án trong học tập của sinh viên là họ có thói quen học tập theo kiểu chỉ nghe và ghi chép. Bên cạnh đó nhiều sinh viên thường có thói quen thích học một mình mà không có thói quen trao đổi với người khác về các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập. Đây cũng là yếu tố góp phần cản trở tích cực, tìm tòi học tập của sinh viên.

Phương pháp dự án là một thuật ngữ khá mới đối với phần đông sinh viên. Bởi thế việc nhận thức được hiệu quả của phương pháp dự án trong học tập đối với quá trình học tập của nhiều sinh viên còn hạn chế.

Để đạt hiệu quả cao cho quá trình giảng dạy, giảng viên phải biết cách nêu vấn đề, gợi ý để sinh viên có thể tìm hiểu bài một cách hệ thống, khoa học, đúng theo quy trình, mục đích, yêu cầu. Qua việc trao đổi, thảo luận, động não về vấn đề đang thảo luận sẽ giúp cho sinh viên nắm bắt nội dung bài giảng và có điều kiện trao đổi để đi đến sự tiếp nhận sâu sắc vấn đề đã đặt ra.

\* Điều kiện cơ sở vật chất và các phương tiện dạy học là một nhân tố quan trọng đặc biệt góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học dự án. Nhưng trên thực tế hiện nay của nhà trường đại học nước ta, những cơ sở vật chất và phương tiện dạy học còn quá nghèo nàn, thấp kém. Hơn nữa việc sử dụng và bảo quản các phương tiện kỹ thuật dạy học ít ỏi hiện có của chúng ta cũng chưa được tốt, chưa mang lại hiệu quả giáo dục đào tạo. Vì thế, một mặt chúng ta phải ra sức xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật tối thiểu cần thiết cho quá trình dạy học, mặt khác chúng ta phải tìm mọi cách sử dụng tối ưu các phương tiện dạy học nhằm đạt kết quả mong muốn, trên cơ sở sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học.

\* Yếu tố môi trường học tập: Môi trường học tập có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả phương pháp dạy học dự án. Mối quan hệ tương tác giữa hoạt động dạy và hoạt động học diễn ra với những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp, thường xuyên và đa chiều từ các loại môi trường, đặc biệt là môi trường sư phạm. Để đạt được hiệu quả dạy học tối ưu ở đại học, người dạy phải tạo ra môi trường học tập tốt cho sinh viên, người dạy phải là người tổ chức, điều khiển, hướng dẫn, dạy cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu chiếm lĩnh nội dung học vấn, “dạy cho họ biết cách tìm ra chân lý”. Người học phải biết cách học, phải tự mình rèn luyện phương pháp và kỹ

năng tự học, phải học tập tích cực, độc lập, sáng tạo để có thể “biến kho tàng tri thức của nhân loại thành vốn riêng của mình”, phải học một cách say mê, hứng thú, phát huy cao độ nội lực và tham gia mọi hoạt động trí tuệ với tinh thần và trách nhiệm ngày càng cao.

\* Năng lực xây dựng dự án, tiểu dự án của giảng viên và vai trò hướng dẫn của giảng viên. Đây là yếu tố đóng vai trò quyết định chất lượng của các dự án học tập bởi giảng viên có năng lực thiết kế dự án và tiểu dự án, có khả năng thu hút sinh viên vào các dự án học tập và hoàn thành dự án đặt ra sẽ tạo nên hiệu quả của phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học. Chính vai trò định hướng, chủ đạo của giảng viên sẽ có tác dụng tích cực hoá hoạt động của sinh viên trong quá trình dạy học Giáo dục học.

\* Tính tích cực học tập của sinh viên là yếu tố quyết định hiệu quả của phương pháp dạy học dự án bởi dự án học tập phải do người học quyết định và người học tự giải quyết.

\* Yếu tố quản lý của nhà trường: Trước những thay đổi về nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy hiện nay, nhà trường đại học cần có tư duy mới về chiến lược và phương thức đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý nghiệp vụ có phẩm chất và năng lực. Các cấp quản lý lãnh đạo cần ý thức được rằng: “Đội ngũ cán bộ khoa học, đặc biệt cán bộ có trình độ cao là vốn quý của dân tộc, cần được chú trọng phát huy năng lực nhằm phục vụ sự phát triển của đất nước”

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Dạy học dự án là một phương pháp dạy học có cơ sở tâm lý học từ thuyết nhận thức và thuyết kiến tạo, được thiết kế trên quan điểm dạy học tích cực. Dạy học theo dự án có vai trò vô cùng quan trọng trong dạy học Giáo dục học nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về nghề dạy học đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Trong phương pháp dạy học dự án giảng viên giữ vai trò chủ đạo là người hướng dẫn, người tổ chức, chỉ đạo; sinh viên là người tham gia các dự án, kế hoạch dự án.

Dạy học theo dự án trong dạy học Giáo dục học phụ thuộc vào môi trường học tập, phụ thuộc vào cơ sở vật chất dành cho hoạt động dạy học, phụ thuộc vào tính tích cực, chủ động sáng tạo của sinh viên.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC Ở TRƯỜNG ĐHSP - ĐHTN

### 2.1. Một vài nét về khách thể nghiên cứu và khách thể điều tra

Trường ĐHSP thuộc ĐHTN tiền thân là trường ĐHSP Việt Bắc. Trường được thành lập ngày 18 tháng 7 năm 1966. Những ngày đầu trường được sự chi viện về cơ sở vật chất và cán bộ giảng dạy của trường ĐHSP Hà Nội. Địa điểm đầu tiên của trường tại xã Vinh Quang huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. Tại đây lớp sinh viên khóa một đã học tập và tốt nghiệp. Cuối năm 1970 trường chuyển về xây dựng tại địa điểm hiện nay phường Quang Trung - Thành phố Thái Nguyên, riêng khoa Toán còn ở lại Đại Từ đến sau hiệp định Paris (1973) mới chuyển về. Khi giặc Mỹ ném bom trở lại miền Bắc (1971) phần các bộ phận của trường đã sơ tán lên xã Phấn Mễ, xã Động Đạt thuộc huyện Phú Lương. Những năm đầu trường có 8 khoa (Văn, Sử, Địa, Toán, Lý, Hoá, Sinh và dự bị). Năm 1991 Bộ GDĐT quyết định sát nhập trường CĐSP Việt Bắc vào trường ĐHSP Việt Bắc. Khi ĐHTN thành lập năm (1994) trường ĐHSP Việt Bắc trở thành trường thành viên. Năm 1998 Bộ GD - ĐT quyết định giải thể trường Đại học Đại Cương thuộc ĐHTN.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay trường có 16 khoa: Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lý, Toán, Vật Lý, Hoá Học, Sinh - KTNN, Ngoại Ngữ, Tâm lý - Giáo Dục, Giáo dục lý luận chính trị Mác - Lênin, Đào tạo giáo viên Tiểu học, Giáo dục thể chất, Đào tạo giáo viên THCS, Khoa Mầm non, Khoa đào tạo sau đại học.

Trường ĐHSP thuộc ĐHTN là cơ sở giáo dục đại học có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao đẳng, đại



học, sau đại học có chất lượng cao; triển khai hoạt động NCKH thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học giáo dục, phục vụ đắc lực sự nghiệp giáo dục của cả đất nước, đặc biệt là khu vực miền núi phía Bắc.

Trường có địa bàn tuyển sinh từ các tỉnh Hà Tĩnh trở ra, chủ yếu là ở các tỉnh miền núi phía Bắc nên sinh viên của trường chủ yếu là con em các dân tộc (Tày, Nùng, Dao, H'Mông, Thái...), đã tạo nên những nét văn hoá đa dạng, độc đáo trong. Xuất phát từ xứ mệnh lịch sử đã tạo nên nét khác biệt cơ bản của trường ĐHSP với các trường thành viên khác. Nếu trường đại học Y Khoa đào tạo ra những bác sỹ, đại học Công nghiệp đào tạo ra các kỹ sư... thì trường ĐHSP đào tạo ra những “kỹ sư tâm hồn” phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. Sinh viên học tập trong trường có tư tưởng đạo đức tốt, có lối sống giản dị, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và cộng đồng. Sinh viên trong trường đã có ý thức tốt về ngành nghề, con phong cách ứng xử su phạm, và việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ để sau khi ra trường đáp ứng yêu cầu của xã hội, đáp ứng mục tiêu giáo dục đặt ra.

## **2.2. Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học ở trường ĐHSP - ĐHTN**

### ***2.2.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ giảng viên và sinh viên về phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học***

#### ***2.2.1.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ giảng viên và sinh viên về phương pháp dạy học dự án trong dạy học GDH***

\* Nhận thức của giảng viên.

Chúng tôi sử dụng câu hỏi số 3 ở phần phụ lục 1 khảo sát trên 9 giảng viên và chúng tôi thu được kết quả ở bảng 1:

**Bảng 1: Nhận thức của giảng viên về khái niệm học theo dự án**

<b>Học theo dự án là hoạt động học tập</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.	2	2	4	44.5
Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng tri thức một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.	1	0	1	11.1
Sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học tích cực, phát huy trí thông minh sáng tạo của học sinh	0	2	2	22.2
Là hoạt động sử dụng các tiểu dự án để học sinh lĩnh hội tri thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau	1	1	2	22.2
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>9</b>	<b>100</b>

Qua kết quả ở bảng 1 chúng tôi có nhận xét như sau:

Chỉ có 44.5% nhận thức đúng và đầy đủ về khái niệm học theo dự án, điều này rất dễ lý giải vì thực tế phương pháp dạy học dự án chưa được số đông giảng viên vận dụng trong quá trình dạy học ở Đại học do nhiều nguyên nhân khác nhau: Quỹ thời gian dành cho môn học quá ít, giảng viên không đủ thời gian để thiết kế các dự án và triển khai dự án cho sinh viên, do tâm lý ngại thay đổi vì quen sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, do tính pháp chế về việc sử dụng phương pháp dạy học mới trong giảng dạy các môn học không bị ràng buộc, do giảng viên chưa tiếp cận với phương pháp dạy học dự án... Bên cạnh đó có 22.2% giảng viên nhận thức rằng học theo dự án

là hoạt động sử dụng các tiểu dự án để sinh viên lĩnh hội tri thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Qua kết quả ở bảng 1 chúng tôi nhận thấy phần lớn giảng viên chưa nhận thức đầy đủ về phương pháp dạy học dự án. Tìm hiểu điều này qua trao đổi với cán bộ quản lý và giảng viên chúng tôi được biết chỉ từ năm học 2009, tổ bộ môn mới đưa lý thuyết về dạy học dự án vào chương trình dạy học môn Giáo dục học nhưng không phải tất cả giảng viên đều tham gia giảng dạy chương trình này. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân của thực trạng trên; Thứ hai do tâm lý ngại thay đổi quen với phương pháp giảng dạy cũ giảng viên ít quan tâm đến phương pháp dạy học mới và cập nhật thông tin.

Tìm hiểu sâu hơn về thực trạng trên chúng tôi tìm hiểu nhận thức của giảng viên về cơ sở tâm lý của phương pháp dạy học dự án và thu được kết quả bảng 2:

**Bảng 2: Nhận thức của giảng viên về cơ sở Tâm lý của phương pháp dạy học dự án**

<b>Cơ sở lý thuyết dạy học</b>	<b>N (số trả lời)</b>	<b>Mean (trung bình)</b>
Thuyết phản xạ của Plốp	0	0
Thuyết hành vi	0	0
Thuyết nhận thức	3	33.3
Thuyết kiến tạo	7	77.7
Cả c và d	5	55.5

Qua kết quả bảng 2 chúng tôi thấy chỉ có 55.5% giảng viên có nhận thức đầy đủ về cơ sở Tâm lý của phương pháp dạy học dự án điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả ở bảng 1. Vì giảng viên chưa có nhận thức đầy đủ về

phương pháp dạy học dự án nên không thể tường minh về cơ sở Tâm lý của phương pháp dạy học dự án. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn tới sự hạn chế trong sử dụng và vận dụng dạy học dự án của giảng viên. Tìm hiểu thêm về nhận thức của giảng viên về phương pháp dạy học dự án chúng tôi sử dụng câu hỏi số 1 ở phụ lục 1 dành cho giảng viên và thu được kết quả ở bảng 3.

**Bảng 3: Nhận thức của giảng viên về dạy học dự án**

<b>Dạy học theo dự án là cách tiếp cận dạy học dưới góc độ</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Quan điểm dạy học	1	0	1	11.1
Phương pháp dạy học	3	2	5	55.6
Hình thức tổ chức dạy học	0	3	3	33.3
Biện pháp và kỹ thuật dạy học	0	0	0	0
Tổng	4	5	9	100

Qua kết quả bảng 3 chúng tôi nhận thấy có 55.6% giảng viên nhận thức dạy học dự án là phương pháp dạy học; 33.3% giảng viên nhận thức dạy học dự án là hình thức tổ chức dạy học; 11.1% giảng viên cho rằng dạy học dự án là quan điểm dạy học. Thực tế cả 3 cách hiểu trên đều không sai tuy nhiên mỗi cách hiểu thì lại dựa trên quan điểm tiếp cận khác nhau trong các thành phần của phương pháp dạy học. Nếu tiếp cận trên góc độ vĩ mô thì phương pháp dạy học dự án là quan điểm dạy học và hình thức tổ chức dạy học; còn nếu tiếp cận dưới góc độ trung gian thì dạy học dự án là phương pháp dạy học. Tuy nhiên trong giảng dạy môn Giáo dục học thì dạy học dự án được tiếp cận như một quan điểm dạy học hướng vào người học nhằm hình thành phát triển năng lực hành động, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hoạt động thực hành, thực tiễn cho sinh viên.

Tìm hiểu sâu hơn về nhận thức của giảng viên về vai trò ý nghĩa của học theo dự án chúng tôi sử dụng câu hỏi số 4, phụ lục 1 và thu được kết quả ở bảng sau:

**Bảng 4: Nhận thức của giảng viên về vai trò của học theo dự án**

<b>Học theo dự án có ý nghĩa đối với sinh viên</b>	<b>Tần số</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Thứ hạng</b>
Phát triển năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành	9	100	1
Giúp sinh viên giải quyết vấn đề	7	77.8	2
Học liên môn	6	66.7	3
Giúp sinh viên cộng tác với các thành viên trong nhóm	6	66.7	3
Tìm hiểu và xây dựng kiến thức	5	56.0	4
Tạo ra sản phẩm	5	56.0	4
Phát triển kỹ năng, thái độ và sự đam mê khoa học cho sinh viên	5	56.0	4
Hình thành kỹ năng giao tiếp cho người học.	4	44.4	5
Khám phá các ý tưởng theo sở thích	4	44.4	5
Tất cả các nội dung trên	4	44.4	5

Qua kết quả bảng 4 chúng tôi có nhận xét như sau: 100% giảng viên đánh giá về vai trò của dạy học dự án đối với phát triển năng lực thực hành, năng lực nghiên cứu cho sinh viên (xếp số 1); Có 77.8% giảng viên có nhận thức dạy học dự án giúp người học giải quyết vấn đề; 66.7% đánh giá là giúp sinh viên có khả năng học liên môn và cộng tác đối với các thành viên trong nhóm.

Chỉ có 4/9 ý kiến nhận thức đầy đủ về vai trò ý nghĩa của dạy học dự án đối với sinh viên đạt 44.4%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết quả thu được ở bảng 1. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý, cán bộ làm công tác chỉ đạo chuyên môn, trưởng bộ môn và giảng viên giảng dạy Giáo dục học là cần nâng cao nhận thức cho giảng viên về phương pháp dạy học dự án, tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp bộ môn về phương pháp dạy học dự án nhằm giúp giảng viên nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của DHDA. Tìm hiểu sâu hơn về thực trạng sử dụng phương pháp dạy học dự án, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng nhận thức của sinh viên về phương pháp dạy học dự án bởi vì dạy và học là hai mặt hoạt động của một quá trình nó luôn luôn tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau, qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả sau đây:

\* Thực trạng nhận thức của sinh viên về phương pháp dạy học dự án.

Sử dụng câu hỏi số 3 phụ lục 2 dành cho sinh viên chúng tôi thu được kết quả ở bảng 5.

**Bảng 5: Nhận thức của sinh viên về học theo sự án**

<b>Học theo dự án là hoạt động học tập</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Thứ hạng</b>
Nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống	57.9	1
Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng tri thức một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống	15.8	2
Sử dụng các PP kỹ thuật dạy học tích cực, phát huy trí thông minh sáng tạo của học sinh	14.9	3
Là hoạt động sử dụng các tiểu dự án để học sinh lĩnh hội tri thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau	11.4	4

Qua kết quả bảng 5 chúng tôi có nhận xét như sau: có 57.9% sinh viên nhận thức đầy đủ về học theo dự án (số lượng này được khảo sát trên sinh viên được học chương trình mới có lý thuyết về phương pháp dạy học dự án). Như vậy vẫn còn số lượng lớn sinh viên chưa có nhận thức đầy đủ về học theo dự án. Điều này sẽ ảnh hưởng tới phương pháp học tập của sinh viên trong quá trình tự học, tự nghiên cứu. Kết quả trên phù hợp với khảo sát trên giáo viên. Kết quả trên thể hiện sự bất cập về đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học sơ với đổi mới phương pháp dạy học ở phổ thông hiện nay. Trong chương trình đổi mới giáo dục phổ thông, ngay từ bậc học tiểu học, học sinh đã được tiếp cận với dự án học tập vậy mà giáo sinh sư phạm lại không được trang bị một cách đầy đủ về phương pháp này.

Tìm hiểu sâu hơn chúng tôi sử dụng câu hỏi số 4, phần phụ lục 2 và khảo sát nhận thức của sinh viên về vai trò ý nghĩa của học theo dự án đối với sinh viên và thu được kết quả ở bảng 6:

**Bảng 6: Nhận thức của sinh viên về vai trò của học theo dự án**

<b>Học theo dự án có ý nghĩa đối với người học</b>	<b>Tỷ lệ%</b>	<b>Thứ hạng</b>
Cộng tác với các thành viên trong nhóm	59.6	1
Phát triển năng lực nghiên cứu	50.0	2
Giúp người học giải quyết vấn đề	38.6	3
Phát triển các kỹ năng, thái độ và sự đam mê	28.9	4
Giúp người học tạo ra sản phẩm	22.8	5
Học liên môn	18.4	6
Khám phá các ý tưởng theo sở thích	17.5	7
Tìm hiểu và xây dựng kiến thức	8.8	8
Giúp người học hình thành kỹ năng giao tiếp	7.9	9
Tất cả các nội dung trên	0	10

Nhìn vào kết quả ở bảng 6 chúng tôi có nhận xét như sau: chỉ có 18.4% sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò ý nghĩa của học theo dự án. Bên cạnh đó sinh viên đánh giá cao về vai trò học hợp tác trong học theo dự án 59.6%.

Có 50.0% sinh viên đánh giá là học theo dự án sẽ phát triển năng lực nghiên cứu cho sinh viên.

38.6% đánh giá là học theo dự án giúp sinh viên phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

Từ kết quả khảo sát trên chúng tôi thấy phần lớn sinh viên chưa có nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của học theo dự án, nguyên nhân do trong giảng dạy, giảng viên chưa sử dụng và vận dụng phương pháp dạy học dự án một cách thường xuyên, sinh viên chưa được tiếp cận với cá dự án học tập. Vì vậy nhiệm vụ của giảng viên dạy Giáo dục học cần tăng cường trang bị cho sinh viên tri thức lý thuyết về học theo dự án, phát triển kỹ năng học theo dự án cho sinh viên và giúp sinh viên nhận thức đúng về vai trò ý nghĩa của phương pháp học tập này.

#### *2.2.1.2. Thực trạng về sử dụng phương pháp dạy học và phương pháp dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học*

##### *\* Mức độ sử dụng phương pháp dạy học dự án*

Khảo sát trên giảng viên cho thấy có 11.1% giảng viên sử dụng thường xuyên, điều này hoàn toàn phù hợp với ý kiến đánh giá của sinh viên về mức độ sử dụng phương pháp dạy học dự án của giảng viên: có 66.4% ý kiến cho rằng giảng viên không sử dụng phương pháp dạy học dự án thường xuyên; 33.6% sinh viên đánh giá giảng viên không sử dụng phương pháp dạy học dự án mà chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình. Đây là vấn đề mà các nhà quản lý, giảng viên giảng dạy môn Giáo dục học cần quan tâm.



*\* Thực trạng sử dụng các bước dạy học dự án của giảng viên và nội dung thực hiện*

Qua khảo sát trên giảng viên và sinh chúng tôi thu được kết quả ở bảng sau:

**Bảng 7: Thực trạng các biện pháp giảng viên sử dụng trong dạy học dự án**

S TT	Biện pháp và nội dung thực hiện hướng dẫn sinh viên	Mức độ					
		TX		KTX		KTH	
		GV	SV	GV	SV	GV	SV
1	Xác định mục tiêu cần hướng tới	33.0	35.7	67.0	64.3	0	0
2	Xác định nhiệm vụ phải làm	44.0	42.5	44.0	57.5	12.0	0
3	Xác định sản phẩm dự kiến	44.0	42.9	55.0	50.0	12.0	7.1
4	Cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án	33.0	22.9	55.0	71.1	12.0	0
5	Thời gian thực hiện	33.0	37.8	55.0	62.2	12.0	0
6	Các biện pháp khác	0	0	0	0	0	0

Với nội dung xác định mục tiêu cần hướng tới tần số sử dụng của giảng viên tập trung chủ yếu ở mức không thường xuyên 67.0%, trong khi đó mức độ thường xuyên chỉ chiếm 33.0%, tức giảng viên chưa chú trọng cho sinh viên thực hiện nội dung này. Như chúng ta đã biết khi thiết kế bất cứ bài dạy giáo án hay kế hoạch nào đó việc đầu tiên bao giờ cũng phải xác định mục tiêu thực hiện. Theo họ việc: “xác định nhiệm vụ phải làm” trong quá trình lập kế hoạch cần được lưu ý hơn với tần số sử dụng thường xuyên và không thường xuyên 44.0%; chỉ có 12.0% cho rằng không thực hiện nội dung xác định nhiệm vụ phải làm. Điều này thể hiện họ có sự quan tâm đúng mức của

giảng viên khi hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch. Nội dung “xác định sản phẩm dự kiến” cũng được họ sử dụng ở mức độ như nội dung xác định nhiệm vụ phải làm. Đối với “cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án” giảng viên không nhấn mạnh việc sử dụng thường xuyên mà cho rằng nội dung này chỉ sử dụng ở mức độ không thường xuyên 55.0%. Vì chưa tiếp cận phương pháp này nhiều nên cách triển khai thực hiện dự án không thường xuyên được quan tâm, có khi không thực hiện hước này. Khi tiến hành một nội dung hay kế hoạch nào đấy ngoài việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ phải làm thì một nội dung không thể không nhắc đến là thời gian thực hiện hoàn thành. Trong bước lập kế hoạch cho dự án cũng vậy ngoài các bước cụ thể nêu trên thì bước thời gian thực hiện được giảng viên trường ĐHSP- ĐHTN sử dụng mức độ thường xuyên 33.0%, mức không thường xuyên (55.0%). Điều này lý giải rằng đa số giảng viên ít sử dụng và sử dụng không đúng mức PP DHDA này vào giảng dạy. Ngoài ra, không có việc sử dụng các biện pháp khác khi hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học theo dự án.

Nhìn bảng số liệu ta thấy, có 35.7% sinh viên cho rằng thầy (cô) thường xuyên hướng dẫn sinh viên nội dung xác định mục tiêu cần hướng tới. Bước xác định nhiệm vụ phải làm cũng chiếm tỷ lệ khá cao với tần số thường xuyên 42.5%. Ngoài ra, khi hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học theo dự án thầy (cô) cũng thường xuyên hướng dẫn sinh viên thực hiện bước: “thời gian thực hiện” 37.8%. Theo họ đây là ba bước thầy cô thường xuyên hướng dẫn sinh viên trong khâu lập kế hoạch. Tuy nhiên có hai bước thầy cô không thường xuyên hướng dẫn sinh viên đó là xác định sản phẩm dự kiến 50.0% và cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án 71.1%. Điều này lý giải thầy (cô) có hướng dẫn sinh viên song do đây là PP mới nên mức độ hướng dẫn chưa nhiều, chưa phù hợp.

\* Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học khác trong quá trình dạy học theo dự án.

Sử dụng câu hỏi số 7, phần phụ lục 1 và phần phụ lục 2 chúng tôi thu được kết quả ở bảng sau:

**Bảng 8: Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học của giảng viên trong dạy học dự án**

STT	Các phương pháp dạy học được sử dụng trong dạy học dự án	Mức độ					
		TX		KTX		KTH	
		GV	SV	GV	SV	GV	SV
1	Phương pháp dạy học nêu vấn đề	0	18.7	100	81.3	0	0
2	Phương pháp thảo luận nhóm	66.7	70.1	22.2	29.9	0	0
3	Phương pháp dạy học định hướng hành động	66.7	55.8	22.2	33.2	11.1	11.0
4	Phương pháp dạy học bằng tình huống	66.7	24.1	88.9	68.3	11.1	7.6
5	Phương pháp quan sát	66.7	46.5	33.3	39.0	11.1	14.5
6	Phương pháp điều tra	66.7	60.7	22.2	22.2	11.1	17.1
7	Phương pháp phỏng vấn	66.7	71.0	22.2	29.0	11.1	0
8	Phương pháp đàm thoại	33.3	33.3	66.7	56.9	0	0
9	Các phương pháp khác	0	0	0	0	0	0

Số liệu trong bảng cho thấy: 5 PP (PP thảo luận nhóm; định hướng hành động cho sinh viên; quan sát; điều tra; phỏng vấn) được đa số giảng viên thường xuyên sử dụng 66.7%. Điều này cũng được lý giải là những PP này cập nhật trong phiếu khảo sát. Chỉ có một số ít giảng viên không thường xuyên sử dụng 22.2%; 11.1%. Hai PP nêu vấn đề và PP dạy học bằng tình

huống giảng viên không thường xuyên hướng dẫn sinh viên sử dụng 88.9%. Thậm chí, PPDH bằng tình huống này có giảng viên không thực hiện 11.1%. Với tần suất sử dụng ít, lý do có thể là một số giảng viên chưa nắm rõ về PP này, đó là lý do mà chúng tôi vận dụng để nghiên cứu nhiều về PP DHTDA. Ngoài ra, PP trao đổi đàm thoại với giảng viên cũng được sử dụng những sự xuất hiện không nhiều 33.3% điều này thể hiện giảng viên bước đầu có sự quan tâm, tìm hiểu. Như vậy, với sự kết hợp các PPDH trên giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giám sát, giúp đỡ sinh viên thực hiện dự án một cách có hiệu quả nhất. Qua trao đổi với giảng viên của trường ĐHSP- ĐHTN chúng tôi thu được: giảng viên có được thông tin về PP DHTDA này là do giảng viên tự nghiên cứu, tìm hiểu, tham khảo tài liệu dự án trên mạng chứ chưa thực sự được cập nhật từ phía nhà trường và các cơ quan.

Trong quá trình học tập sinh viên thường xuyên thấy giảng viên tiến hành dạy học GDH theo dự án bằng PP thảo luận nhóm 70.1%; PP phỏng vấn 71.0%; PP điều tra 60.7%; PP định hướng hành động cho sinh viên 55.8%. Theo họ đây có lẽ là PP phù hợp nhất và có thể áp dụng tốt nhất, hiệu quả nhất vào trong dạy học dự án nên thầy (cô) sử dụng thường xuyên. Còn PP nêu vấn đề 81.3%; PP dạy học bằng tình huống 68.3% không được giảng viên sử dụng thường xuyên. Mặc dù giảng viên có sự quan tâm đổi mới khi vận dụng PPDH dự án vào trong dạy học GDH song để đạt được chất lượng tốt hơn thì đòi hỏi vai trò tích cực của sinh viên trong khâu thực hiện dự án.

Khi đánh giá kết quả của học theo dự án thầy (cô) đã cho biết họ thường xuyên đổi mới phương pháp đánh giá 77.8%. Bởi như chúng ta đã biết khi một thành tố trong cấu trúc thay đổi kéo theo sự thay đổi của toàn bộ hệ thống. Tức nội dung thay đổi kéo theo phương pháp thay đổi để phù hợp với sự đổi mới đó. Mỗi một dự án có nội dung khác nhau, có thực hiện, đánh giá khác nhau. Chính vì vậy việc đổi mới phương pháp đánh giá là điều tất yếu.

Bên cạnh đó vẫn có giảng viên không thường xuyên và không đổi mới cách đánh giá kết quả học theo dự án 22.2%. Vì họ quen cách đánh giá của phương pháp dạy học truyền thống.

Nhìn chung, vấn đề đổi mới PPDH ở khía cạnh nhận thức chủ yếu là do tự mỗi cá nhân hay tập thể tìm hiểu nhằm đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Muốn đổi mới PPDH có hiệu quả, chúng ta cần xây dựng một hệ thống lý luận đúng đắn, có những biện pháp nhằm tác động đến nhận thức của người dạy.

Qua số liệu thu được từ khảo sát chúng tôi thấy: Việc đổi mới và vận dụng PP DHTDA vào dạy học ở trường ĐHSP - ĐHTN đã có những chuyển biến tích cực. Có được kết quả đó là do sự cố gắng, nỗ lực tìm hiểu của mỗi cán bộ giảng viên và nhà trường đa số giảng viên trường ĐHSP - ĐHTN có nhận thức đúng quan niệm về DHTDA. PP DHTDA là một phương pháp hay một hình thức dạy học, trong đó người học tự lực thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp nhằm giải quyết một vấn đề gắn với thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Tức người học tự thiết kế một dự án có nội dung gắn với nội dung học tập, dựa trên cơ sở phân tích thực tiễn, cùng với tài liệu người học thiết kế dự án, hoàn chỉnh dự án. PP DHTDA không chỉ nhấn mạnh đến vai trò người dạy (chỉ đạo, tổ chức, tư vấn, giám sát, giúp đỡ) quá trình học mà còn đề cao tính tích cực, tự lực và sáng tạo của người học.

#### *2.2.1.3. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về vai trò của giảng viên và sinh viên trong dạy học dự án*

\* Đánh giá của giảng viên về vai trò của giảng viên trong dạy học dự án

**Bảng 9: Đánh giá của giảng viên về vai trò của giảng viên  
trong dạy học dự án**

<b>Các khâu</b>	<b>Vai trò</b>	<b>Tần số</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Thứ hạng</b>
<b>Lập kế hoạch</b>	Lựa chọn chủ đề / tiểu chủ đề theo sở thích.	9	100	1
	Lập kế hoạch chi tiết về các nhiệm vụ học tập	8	88.8	2
	Xây dựng các vấn đề nghiên cứu cụ thể	5	55.5	3
	Hoàn thiện kế hoạch dự án	2	22.2	4
	Các vai trò khác	1	11.1	5
<b>Thực hiện dự án</b>	Làm việc với tinh thần hợp tác	9	100	1
	Lựa chọn và phân tích dữ liệu	9	100	1
	Là người trợ giúp sinh viên thực hiện dự án	8	88.8	2
	Là người bạn đồng hành cùng sinh viên thực hiện mục tiêu	7	77.7	3
	Tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát...	5	55.5	4
	Tìm thông tin có liên quan	4	44.4	5
	Thiết kế phiếu khảo sát/ câu hỏi phỏng vấn	3	33.3	6
	Duy trì nhiệt huyết	2	22.2	7
	Xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu	1	11.1	8
	Tất cả các phương án trên	0	0	9
<b>Tổng hợp kết quả</b>	Tổng hợp thông tin	9	100	1
	Viết báo cáo hoặc xây dựng kết quả dự án	7	77.7	2
	Trình bày kết quả dự án	6	66.7	3
	Nhìn lại quá trình làm dự án	4	44.4	4

Vai trò được giảng viên tiếp nhận nhiều nhất trong khâu lập kế hoạch là lựa chọn chủ đề / tiểu chủ đề theo sở thích (xếp thứ nhất), việc lựa chọn một chủ đề chung cho một dự án giúp giới hạn nội dung các dự án phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình dạy học. Họ cho rằng đây là vai trò quan trọng vì chính giảng viên là người lựa chọn các nội dung cho phù hợp với mục tiêu dạy học và điều kiện thực tế. Tiếp theo là xây dựng các vấn đề nghiên cứu cụ thể (xếp thứ hai) và lập kế hoạch chi tiết về các nhiệm vụ học tập được giảng viên lựa chọn (xếp thứ ba). Qua trao đổi họ cho biết những công việc chi tiết, cụ thể cần làm, thời gian, phân công công việc trong nhóm. Qua đây giảng viên hướng dẫn sinh viên cần chủ động trong việc phân công, lập kế hoạch. Thứ hạng 4 là hoàn thiện kế hoạch dự án. Ngoài ra, có giảng viên đưa ra vai trò khác trong khâu lập kế hoạch của DHTDA là hướng dẫn sinh viên chú ý đến tính khả thi của dự án. Điều này thể hiện giảng viên có định hướng đúng trong việc hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch dự án.

Theo giảng viên vai trò đầu tiên trong khâu thực hiện dự án là phải làm việc với tinh thần hợp tác; lựa chọn và phân tích dữ liệu (xếp thứ nhất); giữa các cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm cần tạo sự gắn kết thông qua đó sinh viên phát huy tính độc lập, tính tự lực trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời giúp sinh viên có những lựa chọn và phân tích dữ liệu hợp lý. Xếp ở vị trí thứ hai là người trợ giúp sinh viên thực hiện dự án và là người bạn đồng hành cùng sinh viên thực hiện mục tiêu (xếp thứ ba). Tức khi sinh viên có thắc mắc, khó khăn gì thì giảng viên sẽ là người hướng dẫn, cố vấn cho họ. Các vai trò tiếp theo là tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát (xếp thứ 4); tìm thông tin có liên quan (xếp thứ 5); thiết kế phiếu khảo sát/ câu hỏi phỏng vấn (xếp thứ 6). Những vai trò này được giảng viên lựa chọn ở

mức trung bình trong bảng xếp hạng. Điều này thể hiện sự hiểu biết nhất định của giảng viên đối với PPDH còn tương đối mới này. Ngoài ra, họ cho rằng trong khâu này giảng viên có vai trò hướng dẫn sinh viên duy trì nhiệt huyết (xếp thứ 7) và xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu (xếp thứ 8).

Trong một dự án hoàn chỉnh bao gồm ba khâu: lập kế hoạch, thực hiện dự án và khâu thứ ba không kém phần quan trọng là tổng hợp kết quả. Vậy vai trò của giảng viên trong khâu tổng hợp kết quả dự án là giúp sinh viên như thế nào? Qua khảo sát chúng tôi thu được kết quả sau:

100% giảng viên cho rằng vai trò đầu tiên là tổng hợp thông tin. Thứ tự tiếp theo là: Viết báo cáo hoặc xây dựng kết quả dự án; Trình bày kết quả dự án; Nhìn lại quá trình làm dự án. Theo họ đây là những vai trò quan trọng để tổng hợp kết quả của dự án. Qua trao đổi, giảng viên cho biết khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào đó để đánh giá được chất lượng và hiệu quả của việc hoàn thành bao giờ cũng phải có sự nhìn nhận, tổng hợp quá trình đó xem họ làm được những gì, chưa làm được gì thì ở đây muốn giúp sinh viên đạt kết quả tốt trong dự án giảng viên cần hướng dẫn sinh viên làm từng bước đó.

\* Đánh giá của sinh viên về vai trò của sinh viên trong dạy học dự án.



**Bảng 10: Đánh giá của sinh viên về vai trò của sinh viên  
trong dạy học dự án**

Các khâu	Vai trò	Tần số	Tỷ lệ %	Thứ hạng
<b>Thực hiện dự án</b>	Lựa chọn và phân tích dữ liệu	92	80.7	1
	Tìm thông tin có liên quan	6	5.3	2
	Tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát...	78	68.4	3
	Xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu	67	58.8	4
	Làm việc với tinh thần hợp tác cùng nhóm bạn	15	13.2	5
	Trao đổi, xin ý kiến giảng viên	70	61.4	6
	Duy trì nhiệt huyết	105	92.1	7
	Thiết kế phiếu khảo sát/ câu hỏi phỏng vấn	55	48.2	8
<b>Tổng hợp kết quả</b>	Tổng hợp thông tin	114	100	1
	Viết báo cáo hoặc xây dựng kết quả dự án	109	95.6	2
	Trình bày dự án	94	82.5	3
	Thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng	68	59.6	4
	Nhìn lại quá trình làm dự án	45	39.5	5

Từ thông tin thu được cho thấy, vai trò đầu tiên mà sinh viên nhắc đến trong khâu thực hiện dự án là lựa chọn và phân tích dữ liệu (xếp thứ nhất). Qua thông tin thu được trong quá trình tìm hiểu họ có thể sàng lọc những dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc thực hiện dự án. Theo sinh viên vai trò thứ hai,

thứ ba, thứ tư giúp họ thực hiện đạt kết quả tốt nhất là Tìm hiểu thông tin có liên quan và tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát, xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu. Đây là vai trò đặc biệt quan trọng và cốt lõi của dự án. Trong quá trình phân tích, thực hiện dự án đôi khi sinh viên gặp một số khó khăn chính vì vậy mà họ còn cần trao đổi, xin ý kiến giảng viên (xếp thứ 6). Bên cạnh đó theo sinh viên vai trò thiết kế phiếu khảo sát câu hỏi, phỏng vấn (xếp thứ 8), duy trì nhiệt huyết (xếp thứ 7) chỉ ở tần số thấp.

Trong một dự án ngoài việc sinh viên cần chỉ ra vai trò của mình trong khâu thực hiện dự án thì họ cần chỉ ra vai trò của mình trong khâu tổng hợp kết quả dự án:

Số liệu thu được cho thấy, 100% sinh viên cho rằng vai trò đầu tiên của khâu tổng hợp kết quả dự án là tổng hợp thông tin (xếp thứ nhất). Qua trao đổi sinh viên cho biết sau khi phân tích, thực hiện dự án thì các cá nhân trong nhóm cần phải tổng hợp kết quả xem đâu là nội dung chính, đâu là nội dung cụ thể và chỉ ra khung của dự án. Sau đó thì sinh viên viết báo cáo, xây dựng kết quả dự án chỉ ra những nhiệm vụ đã thực hiện được trong cả quá trình và trình bày kết quả dự án (xếp thứ 3) cho giảng viên và nhóm khác nghe. Theo sinh viên muốn biết được kết quả dự án mình thực hiện như thế nào thì họ phải tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng (xếp thứ 4), chỉ ra những mặt mình làm được và chưa làm được. Cuối cùng là nhìn lại quá trình làm dự án (xếp thứ 5).

Khi được hỏi về những khó khăn trong học theo dự án, sinh viên cho biết học gặp một số khó khăn sau: Đa số sinh viên cho rằng họ chưa được thường xuyên làm việc theo PPDH dự án, đây là PP còn khá mới nên việc tìm hiểu tài liệu còn gặp khó khăn; Năng lực làm việc theo nhóm, cộng tác nhóm của sinh viên còn hạn chế, vốn tri thức kinh nghiệm, hiểu biết chưa rộng, chưa sâu. Bên cạnh đó việc xác định nội dung nghiên cứu và khái quát, tổng hợp thông

tin các vấn đề trong dự án của sinh viên còn mơ hồ, họ chưa nhận thức được vai trò cụ thể của mình trong khâu thực hiện dự án.

Ngoài ra, theo sinh viên PPDH dự án này đòi hỏi mất nhiều thời gian; sinh viên còn thụ động trong quá trình học tập và phụ thuộc nhiều vào giảng viên trong việc tiếp thu tri thức.

#### 2.2.1.4. Những khó khăn của giảng viên trong dạy học dự án

Khi được hỏi về những khó khăn trong quá trình vận dụng DHTDA, những giảng viên cho biết họ còn gặp một số khó khăn sau:

**Bảng 11: Những khó khăn của giảng viên trong DHTDA**

<b>Những khó khăn của giảng viên trong DHTDA</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Thứ hạng</b>
Mất nhiều thời gian	100	1
Nội dung chương trình còn cứng nhắc	88	2
Chưa có hiểu biết sâu sắc về PP DHDA	77	3
Việc kiểm tra, đánh giá kết thúc môn học không khuyến khích sử dụng DHDA	67	4
Số lượng người học quá đông	56	5

Nhận xét: Có 100% giảng viên cho rằng việc thực hiện PP DHDA sẽ mất rất nhiều thời gian, xây dựng kế hoạch (phân công chuẩn bị), thực hiện kế hoạch, tổng hợp kết quả dự án... Đúng vậy để thiết kế dự án học tập và các tiểu dự án cần sử dụng rất nhiều thời gian của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra nội dung chương trình dạy học yêu cầu còn cao về mặt kiến thức và ít chú trọng đến việc tạo ra sự linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung cho người dạy. Điều này làm cho người dạy gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn PPDH thích hợp. Tính chủ động của giảng viên trong dạy học chưa cao còn lệ thuộc vào chương trình mang tính bắt buộc.

Bên cạnh đó giảng viên còn gặp khó khăn khi mà số lượng người học quá đông; Vì vậy việc giảng viên giúp đỡ, cố vấn, hướng dẫn cho sinh viên không được nhiều, hiệu quả không cao. Đặc biệt một khó khăn mà giảng viên trường ĐHSP - ĐHTN không thể không nhắc đến là họ chưa có hiểu biết sâu sắc về PP DHTDA. Những thông tin mà giảng viên nắm bắt được do họ tự nghiên cứu, tìm hiểu, trao đổi với người khác hoặc tìm qua mạng...chứ chưa thực sự cập nhật chính thức từ phía các cơ quan hữu quan như nhà trường, bộ và chưa được dự hội thảo của các dự án... Chính vì vậy mà các giảng viên chưa sử dụng PP DHDA trong dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng như kết thúc môn học.

### ***2.2.2. Những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng***

Trong quá trình vận dụng PP DHTDA vào dạy học, có nhiều nguyên nhân dẫn đến yếu tố thành công hay chưa thành công trong việc giảng dạy của giảng viên. Trong đó những nguyên nhân chủ quan là:

1. Một số giảng viên chưa thực sự có nhận thức đúng về PP DHTDA, chưa nắm rõ, hiểu về các khâu, các bước cụ thể trong việc thực hiện các dự án.
2. DHDA chẳng những đòi hỏi sự chuẩn bị công phu mà còn đòi hỏi người dạy và người học hiểu: có thói quen phù hợp mới có hiệu quả.
3. Khi vận dụng PP DHTDA vào trong quá trình dạy học còn lúng túng do năng lực tổ chức, triển khai các dự án học tập của giảng viên tới sinh viên, một phần do thói quen ngại thay đổi của giảng viên vì vậy năng lực tự nghiên cứu của sinh viên chưa cao.
4. Sinh viên chưa có kỹ năng học tập trong khi giảng viên sử dụng PP DHTDA.
5. Sinh viên chưa thích nghi tốt với các hoạt động nhóm, trong quá trình học sinh viên chưa có sự cộng tác, hợp tác chặt chẽ. Sinh viên còn có thói quen ỉ nại, trông chờ vào ý kiến của giảng viên và một số ý kiến của các

bạn sinh viên xuất sắc trong nhóm. Năng lực tổ chức làm việc theo nhóm cho sinh viên của giảng viên còn hạn chế.

Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan trên còn tồn tại những nguyên nhân khách quan trong thực trạng vận dụng PP DHTDA của giảng viên:

1. Do nội dung chương trình môn học luôn thay đổi nên việc vận dụng PP gặp nhiều khó khăn. Cho tới nay chương trình dạy học Giáo dục học đã rất nhiều lần thay đổi và có nhiều tính bất cập trong chương trình đào tạo. Chương trình còn mang nặng tính lý thuyết, ít quan tâm đến năng lực thực hành, năng lực nghiên cứu thực tiễn của sinh viên.

2. Khối lượng kiến thức môn học lớn nhưng quỹ thời gian dành cho thì ít vì thế nên bản thân giảng viên chưa thực sự dám vận dụng PP DHTDA vào thực nghiệm. Trước đây là 14 đơn vị học trình Giáo dục học nay giảm tải còn 4 tín chỉ tương ứng với 6 đơn vị học trình, vì vậy giảng viên chưa thích ứng được với việc dạy theo nội dung, chương trình mới theo một quỹ thời gian hạn hẹp.

3. PP DHTDA là một PP còn mới và ít tài liệu nên một số giảng viên vẫn chưa hiểu rõ vì thế họ chưa dám vận dụng khi lên lớp. Nhà trường chưa có những đợt tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về phương pháp dạy học theo dự án, bên cạnh đó các biện pháp tự bồi dưỡng của giảng viên chưa được thúc đẩy do bị cuốn hút vào đào tạo không chính quy nhằm tăng thêm thu nhập để cải thiện đời sống cho giảng viên.

4. Các phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình DHDA chưa đồng bộ, còn thiếu, chưa đáp ứng với yêu cầu của PP DHTDA.

5. Nội dung chương trình dạy học còn yêu cầu khá cao về mặt kiến thức; trong khi đó không phải nội dung nào cũng có thể vận dụng PP DHTDA vào giảng dạy. Tức là chưa tạo ra sự linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Phần lớn giảng viên và sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đều đã có nhận thức đúng nhưng chưa có nhận thức đầy đủ về phương pháp dạy học dự án. Do nhiều nguyên nhân khác nhau: Do giảng viên có tâm lý ngại thay đổi, chưa tiệm cận với phương pháp dạy học dự án, do chưa được trang bị những tri thức lý thuyết về phương pháp dạy học dự án.

Trong quá trình dạy học Giáo dục học phương pháp dạy học dự án chưa được giảng viên sử dụng một cách thường xuyên, chưa thường xuyên thiết kế được các dự án học tập để chuyển giao cho người học vì vậy mà sinh viên còn hạn chế trong nhận thức về vai trò và ý nghĩa của phương pháp học tập theo dự án, chưa được học theo dự án một cách đúng nghĩa.

Các biện pháp cơ bản trong dạy học dự án chưa được giảng viên hướng dẫn sinh viên một cách thường xuyên nhằm thực hiện các dự án học tập; Giảng viên và sinh viên còn gặp khó khăn trong quá trình dạy và học theo dự án. Như thiếu hiểu biết một cách đầy đủ về phương pháp dạy học dự án, chưa hiểu về bản chất của dạy học dự án, vai trò ý nghĩa của dạy học dự án và các phương pháp hỗ trợ, các biện pháp kỹ thuật được sử dụng trong dạy học dự án; Thiếu thời gian, chương trình dạy học giáo dục cứng nhắc, nặng về lý thuyết; giảng viên hạn chế về năng lực thiết kế dự án học tập.

Thực trạng dạy học dự án trong giảng dạy môn Giáo dục học ở trường ĐHSP- ĐHTN chưa được được áp dụng thường xuyên do có nhiều nguyên nhân bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong hai nguyên nhân đó nguyên nhân chủ quan là cơ bản vì vậy đòi hỏi cán bộ giảng viên giảng dạy Giáo dục học cần quan tâm hơn đến cách tiếp cận đổi mới phương pháp dạy học dự án và nhà trường cần có biện pháp hỗ trợ để giảng viên thực hiện tốt theo hướng tiếp cận trên.

Nhà trường cần có khung pháp lý nhằm khuyến khích giảng viên sử dụng các phương pháp dạy học mới đặc biệt là phương pháp dạy học dự án.

### Chương 3

## THIẾT KẾ QUY TRÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC HỌC

### 3.1. Nguyên tắc xây dựng quy trình dạy học dự án trong dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên trường ĐHSP - ĐHTN.

#### *3.1.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học, tính tư tưởng và tính nghịệp vụ sư phạm trong giảng dạy Giáo dục học*

Việc xây dựng, sử dụng quy trình dạy học dự án dựa trên cơ sở xem xét quá trình dạy học Giáo dục học như là một hệ thống toàn vẹn gồm nhiều thành tố cấu trúc, giữa các thành tố cấu trúc có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau đồng thời nó lại là một bộ phận cấu thành tạo nên nhân cách người được đào tạo trong các trường sư phạm. Chính điều trên đã làm cho trường sư phạm không thể thiếu vắng quá trình dạy học Giáo dục học...

Xem xét nghiên cứu môn học dựa trên quan điểm biện chứng tức là nhìn nhận quá trình dạy học Giáo dục học trong sự vận động và phát triển không ngừng, dựa trên hệ thống tri thức khoa học toàn vẹn cần hình thành cho sinh viên trường sư phạm.

Dựa trên quan điểm lịch sử thì nguyên tắc dạy học Giáo dục học cần được kế thừa các thành tựu của lý luận dạy học nói chung trong quá trình phát triển và lý luận dạy học bộ môn nói riêng.

Tâm lý học dạy học khẳng định hoạt động dạy học đòi hỏi phải phù hợp với đặc điểm tâm lý sinh viên. Họ là đối tượng có thể tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện, tự hoàn thiện dưới vai trò tổ chức hướng dẫn của người giảng viên.

Trong quá trình dạy học Giáo dục học bằng phương pháp dự án, giảng viên cần giúp sinh viên nắm vững tri thức khoa học Giáo dục học một cách có

hệ thống, đảm bảo tính khoa học, hiện đại. Thông qua nội dung tri thức môn học, giảng viên phải hướng sinh viên vào việc nghiên cứu thực tiễn khoa học Giáo dục và rèn luyện hệ thống kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trên cơ sở đó hình thành ở họ xúc cảm, tình cảm nghề nghiệp.

Thông qua nội dung môn học cần giúp sinh viên biết cách chiếm lĩnh tri thức và biết cách vận dụng tri thức bằng nhiều hoạt động khác nhau: Nghe giảng trên lớp, tích cực tham gia thảo luận nhóm, tự học, tự nghiên cứu, soạn giảng và dự giờ lên lớp...

- Thông qua nội dung môn học giúp sinh viên nắm vững chủ trương đường lối quan điểm giáo dục của Đảng và Nhà nước và cách vận dụng các chủ trương đường lối đó vào thực tế giáo dục và dạy học ở trường phổ thông sau này.

- Trong quá trình dạy học, giảng viên cần giúp sinh viên hiểu các vấn đề về Giáo dục học để khi cần có thể nhớ lại và vận dụng nó một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục, dạy học ở các trường phổ thông đặt ra.

- Trong dạy học Giáo dục học bằng phương pháp dự án, giảng viên cần tăng cường sử dụng các tình huống, các bài tập thực hành nhằm giúp sinh viên có thể vận dụng tri thức trong các tình huống khác nhau thông qua đó vừa củng cố tri thức, vừa rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên.

- Nội dung dạy học Giáo dục học phải thể hiện rõ tính khoa học và tính giáo dục tức là nội dung dạy học phải mang tính toàn diện cân đối giữa học lý thuyết với việc rèn kỹ năng và bồi dưỡng thái độ tình cảm nghề nghiệp.

- Trong quá trình dạy học người giảng viên cần giúp cho người học nắm một cách chính xác hệ thống những tri thức khoa học của bài giảng theo một lô gíc khoa học chặt chẽ.



- Giảng viên cần lựa chọn, vận dụng các biện pháp, kỹ thuật dạy học dự án theo hướng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên nhằm phát huy tư duy khoa học và hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Tránh tình trạng đọc chép trong giảng dạy Giáo dục học.

- Tăng cường việc giáo dục đạo đức, tư tưởng, ý thức nhân văn, thái độ và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên nhằm hình thành cho họ có cách nhìn đúng, thái độ đúng mực và hành vi tích cực trong cuộc sống lao động học tập và rèn luyện nghề nghiệp.

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần giúp sinh viên hiểu rõ những yêu cầu của nghề nghiệp đối với nhân cách người giáo viên trên cơ sở đó định hướng hoạt động tự nghiên cứu, tự rèn luyện, tự hoàn thiện của sinh viên. Giúp họ nhận thức rằng nhân cách người thầy giáo là sự tổng hợp của cả ba yếu tố sau:

+ Tích lũy tri thức chuyên môn nghề nghiệp và các tri thức hiểu biết về xã hội và khoa học công nghệ.

+ Sự thành thạo về kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học và các hoạt động xã hội và kỹ năng sống.

+ Có đầy đủ các phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp.

### ***3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa dạy học Giáo dục học với thực tiễn giáo dục phổ thông với kinh nghiệm giáo dục gia đình với giáo dục xã hội***

Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, chính thực tiễn là nơi giúp con người thực hiện các mối quan hệ và giao lưu nhằm hình thành phẩm chất tâm lý mới và tự hoàn thiện nhân cách của mình. Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông và gia đình sẽ giúp cho người đang nghiên cứu học tập Giáo dục học có cơ hội để trải nghiệm những tri thức, quan điểm mà mình đã tiếp thu. Đồng thời thông qua hoạt động đó người học có thể tích lũy vốn

tri thức vốn kinh nghiệm từ thực tiễn giáo dục, dạy học. Mọi tri thức lý luận giáo dục, dạy học đều có nguồn gốc từ thực tiễn giáo dục, dạy học nói chung và thực tiễn giáo dục, dạy học phổ thông nói riêng và đồng thời nó có nhiệm vụ quay trở lại cải tạo thực tiễn giáo dục, dạy học. Xuất phát từ nguyên lý giáo dục của Đảng và Nhà nước: Học phải đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Vì vậy việc học tập nghiên cứu tri thức Giáo dục học phải được gắn liền với giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội. Quá trình giáo dục là một quá trình tác động phức hợp từ nhiều phía, bao gồm tác động giáo dục của nhà trường, gia đình, xã hội, vì vậy lý luận dạy học bộ môn Giáo dục học phải có sự phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Đảm bảo sự thống nhất giữa dạy học Giáo dục học với thực tiễn giáo dục phổ thông với kinh nghiệm giáo dục gia đình với giáo dục xã hội là đòi hỏi trong quá trình dạy học Giáo dục học, giảng viên cần phải giúp người học hiểu và nắm vững nội dung tri thức môn học đồng thời phải thường xuyên liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội để người học nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa của tri thức Giáo dục học đối với thực tiễn giáo dục, mối quan hệ giữa chúng và nhiệm vụ của người học, nghiên cứu lý luận giáo dục đối với việc vận dụng lý luận vào công tác giáo dục giáo dục, dạy học ở trường phổ thông. Giảng viên phải giúp người học hiểu vai trò ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu môn học, nắm vững nội dung tri thức cơ bản của môn Giáo dục học: Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành phát triển nhân cách học sinh, mục đích, nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông, nhân cách người thầy giáo, những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục...

- Giảng viên phải tìm ra mối quan hệ giữa phương pháp giảng dạy Giáo dục học với phương pháp giảng dạy bộ môn chuyên ngành nhằm giúp sinh viên ứng dụng tri thức đã học vào trong việc giảng dạy kiến thức sau này.

- Giảng viên phải thường xuyên có những dẫn chứng, ví dụ về hoạt động giáo dục, dạy học ở trường phổ thông và giáo dục gia đình để minh họa cho nội dung bài giảng nhằm tạo ra sự hứng thú, hấp dẫn đối với người nghe.

- Giảng viên phải giúp người học nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa của tri thức Giáo dục học đối với thực tiễn giáo dục, mối quan hệ giữa chúng và nhiệm vụ của người học, người nghiên cứu bộ môn Giáo dục học đối với việc vận dụng lý luận vào công giáo dục, dạy học bộ môn ở trường phổ thông nhằm giúp sinh viên có cơ hội vận dụng tri thức đã học để rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng và hình thành tình cảm, thái độ nghề nghiệp.

- Giảng viên phải không ngừng cập nhật những tri thức khoa học giáo dục hiện đại, những thay đổi của giáo dục thế giới và thực tiễn giáo dục phổ thông để bổ sung vào nội dung dạy học.

- Trong giảng dạy Giáo dục học giảng viên cần tăng cường các hình thức thảo luận, xêmina, làm việc theo nhóm, các hình thức tự học, tự nghiên cứu của sinh viên nhằm rèn luyện cho sinh viên một hệ thống kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng hợp tác trong hành động.

### ***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học Giáo dục học***

Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình dạy học, người giảng viên phải giúp người học tiếp xúc trực tiếp với những hiện tượng, quá trình giáo dục, với thực tiễn của giáo dục phổ thông, từ đó giúp họ lĩnh hội khái niệm, quy luật, bản chất của vấn đề hay những lý thuyết trừu tượng, khái quát của lý luận dạy học và lý luận giáo dục. Hoặc trong quá trình dạy học Giáo dục học người giảng viên có thể giúp người học đi theo con đường ngược lại.

-Xuất phát từ quy luật nhận thức chung của loài người.

-Xuất phát từ cơ sở tâm lý học của việc hình thành khái niệm và bản chất của quá trình dạy học ở đại học.

- Xuất phát từ nguyên lý giáo dục của Đảng và nhà nước: Học phải đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

- Bản chất của quá trình dạy học là quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, hơn nữa sinh viên là những người đã trưởng thành về mặt nhân cách họ có sự tích lũy về mặt tri thức kinh nghiệm, cộng với nội dung dạy học ở đại học bao gồm nhiều vấn đề phức tạp do đó quá trình dạy học Giáo dục học có thể xuất phát từ những khái niệm, những quan điểm, những vấn đề mang tính chất khái quát trên cơ sở đó hướng dẫn người học xem xét và vận dụng nó trong hoạt động thực tiễn giáo dục và dạy học phổ thông.

-Trong dạy học giảng viên phải sử dụng phối hợp nhiều phương tiện trực quan: Bằng lời nói, hình ảnh hay những tình huống mô phỏng hay sử dụng đồ dùng dạy học đa phương tiện nhằm giúp người học có thể lĩnh hội tri thức Giáo dục học một cách thuận lợi nhất...

-Trong quá trình dạy học tùy theo trình độ nhận thức của sinh viên, tùy theo nội dung của bài giảng, giảng viên có thể giúp sinh viên nhận thức theo hai cách khác nhau: Có thể đi từ khái niệm đến xem xét các quá trình, các hiện tượng giáo dục, dạy học. Hoặc theo con đường ngược lại.

-Trong quá trình dạy học giảng viên cần chú ý xây dựng các bài tập nhận thức nhằm rèn luyện kỹ năng khái quát hoá, trừu tượng hoá cho sinh viên hoặc tăng cường các hoạt động viết tiểu luận, bài tập lớn nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy khái quát.

#### ***3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung với tính vừa sức riêng trong dạy học Giáo dục học***

Mỗi sinh viên có đặc điểm tâm lý và trình độ nhận thức khác nhau. Họ có khả năng tự học, tự nghiên cứu khác nhau trước những định hướng của giảng viên và yêu cầu học tập của bộ môn. Dựa vào mối quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ: Dạy học chỉ đạt được hiệu quả cao khi nó tác động tới

vùng phát triển trí tuệ gần nhất của người học, nó tạo cho người học một môi trường học tập, một ý chí phấn đấu để vươn lên dành kết quả cao hơn. Do đó đòi hỏi trong quá trình giảng dạy Giáo dục học giảng viên ngoài việc đảm bảo tính vừa sức chung cần phải có những biện pháp quan tâm hỗ trợ riêng đối với từng đối tượng sinh viên cả về mặt phương pháp học tập, tài liệu và định hướng hoạt động...

Đòi hỏi trong quá trình dạy học Giáo dục học, người giảng viên phải lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của mọi thành viên trong lớp đồng thời quan tâm giúp đỡ riêng tới từng cá nhân người học, đảm bảo cho mọi sinh viên đều có thể phát triển tối đa khả năng của mình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn Giáo dục học.

Thực tiễn dạy học Giáo dục học đã chứng minh rằng hoạt động giảng dạy học tập phù hợp với khả năng của sinh viên sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ năng lực và phẩm chất trí tuệ của họ, tạo cho họ có được hứng thú trong học tập nghiên cứu khoa học, giúp họ tự giác, tích cực tiến hành các hành động học tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.

- Trong quá trình dạy học giảng viên phải nắm vững đặc điểm và trình độ nhận thức, phương pháp tự học của sinh viên, nắm vững những yêu cầu và hoạt động nghề nghiệp của sinh viên nhằm tổ chức quá trình dạy học cho phù hợp.

- Phải lựa chọn nội dung phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đặc điểm tâm lý đối tượng sinh viên, phù hợp với từng trình độ nhận thức của sinh, phù hợp với chuyên ngành mà sinh viên đang học. Đặc biệt là người cán bộ giảng dạy phải biết vận dụng, phối hợp các phương pháp dạy học nhằm huy động sự tham gia của mọi thành viên trong lớp vào quá trình học tập và nghiên cứu bộ môn.

- Giảng viên phải biết phát huy tới mức cao nhất năng lực sẵn có của sinh viên, tăng cường các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Trong hoạt động dạy học giảng viên cần theo dõi tình hình lĩnh hội tri thức của sinh viên để kịp thời có những biện pháp điều khiển, điều chỉnh cho phù hợp.

- Giảng viên cần tạo môi trường học tập đa dạng phong phú để sinh viên có cơ hội học tập, nghiên cứu, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Tăng cường việc sử dụng các kỹ thuật dạy học như: Công não, dạy học bằng tình huống, thảo luận nhóm, phản hồi nhanh, bắn bia, kỹ thuật 635 và kỹ thuật 3 lần 3, kỹ thuật dạy học bể cá, sàng lọc, hỏi đáp để tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên...

### ***3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính vững chắc của tri thức, kỹ năng kỹ xảo với tính mềm dẻo của tư duy trong dạy học Giáo dục học***

Con người nhận thức thế giới nhằm cải tạo thế giới và cải tạo chính mình, nghiên cứu học tập lý luận giáo dục học nhằm cải tạo thực tiễn hoạt động giáo dục và dạy học đồng thời hoàn thiện nhân cách người thầy giáo vì vậy đòi hỏi sinh viên phải nắm vững hệ thống tri thức đó để khi cần thiết có thể vận dụng nó một cách linh hoạt sáng tạo trong nhiều tình huống khác nhau.

- Xuất phát từ cơ sở của việc hình thành trí nhớ của con người đó là quá trình thành lập các đường liên hệ thần kinh, nếu quá trình ghi nhớ được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ giúp người học nhớ lâu hơn, vững chắc hơn...

- Xuất phát từ bản chất của quá trình dạy học ở đại học là quá trình tổ chức và tự tổ chức, tự nghiên cứu của sinh viên.

Trong quá trình dạy học Giáo dục học, giảng viên cần giúp sinh viên nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cơ bản trong nội dung tài liệu học tập để khi cần có thể nhớ lại và vận dụng nó một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục trong những tình huống khác nhau.

Giảng viên phải định hướng cho sinh viên những điều cần ghi nhớ trong quá trình dạy học: Đó là những tư tưởng chủ đạo, những luận điểm cơ bản của Giáo dục học, những nguyên lý chủ yếu của khoa học giáo dục chứ không phải là những tri thức vụn vặt của giáo dục học.

Giúp người học hiểu vấn đề đã học một cách tường minh trên cơ sở đó họ có thể sử dụng nó như một công cụ để chiếm lĩnh tri thức hoặc giải quyết các vấn đề khác một cách khoa học.

Từ những tri thức đã học giảng viên giúp sinh viên vận dụng những tri thức đó trong nhiều tình huống khác nhau.

***3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giảng viên với việc phát huy tính tự giác, tính tích cực, tính chủ động, độc lập sáng tạo của sinh viên trong quá trình dạy học Giáo dục học***

Quá trình dạy học luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng, sự vận động và biến đổi không ngừng đó là do quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập và dựa vào yếu tố nội lực là chính, tức là dựa vào nhân tố người học, chính tính tự giác, tính tích cực, tính chủ động của người học là nhân tố quyết định kết quả cuối cùng của quá trình dạy học. Vì vậy trong quá trình dạy học cần đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của giảng viên với việc phát huy tính tự giác, tính tích cực của sinh viên.

- Xuất phát từ tính quy luật thống nhất, biện chứng giữa dạy và học, giữa giảng viên và sinh viên.

- Xuất phát từ bản chất của quá trình hình thành khái niệm đó là quá trình người học chiếm lĩnh tri thức khái niệm và sử dụng nó như một công cụ để chiếm lĩnh tri thức khái niệm khác vì vậy đòi hỏi người học phải tự giác, tích cực thì các hành động đó mới có thể được thực hiện và thực hiện có hiệu quả.

- Xuất phát từ bản chất của quá trình dạy học ở đại học là quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Chính tính tự giác, tính tích cực, tính độc

lập sáng tạo là yếu tố quyết định kết quả hoạt động tự học tự nghiên cứu của sinh viên.

Trong quá trình dạy học dưới vai trò chủ đạo của người giảng viên nhằm phát huy tới mức cao nhất những khả năng hiện có của sinh viên thông qua việc phát huy tính tự giác, tính tích cực nhận thức, tính tự chủ, tính độc lập, sáng tạo của họ, để tạo ra một môi trường học tập hợp tác cùng tham gia giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, giúp sinh viên huy động tới mức tối đa vốn sống, vốn kinh nghiệm của mình vào giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Trong giảng dạy môn Giáo dục học đòi hỏi người cán bộ giảng dạy cần phải đánh giá đúng vị trí, vai trò của người học trong quá trình dạy học.

- Giảng viên phải nắm được vốn sống, vốn kinh nghiệm của người học và khai thác vốn sống, vốn kinh nghiệm đó trong việc giải quyết các nhiệm vụ dạy học đề ra.

- Mọi hoạt động dạy học của giảng viên đều hướng vào người học, nhằm phát huy tới mức cao nhất tính tự giác, tính tích cực, tính độc lập, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu bộ môn.

- Tăng cường các hoạt động thảo luận xêmina trong quá trình dạy học Giáo dục học nhằm hình thành phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

- Bằng nhiều kỹ thuật dạy học giảng viên cần tạo ra môi trường học tập hợp tác giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên nhằm khai thác vốn sống, vốn kinh nghiệm của sinh viên vào giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- Hướng dẫn sinh viên viết các tiểu luận, làm các bài tập lớn, hoặc tổ chức thi giải quyết tình huống nhanh, sáng tạo, thông minh nhằm phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.



### 3.2. Thiết kế quy trình dạy học dự án

**Bước 1:** Xác định mục tiêu, nội dung tri thức của bài giảng, so sánh đối chiếu với chức năng trội của dự án để quyết định phương án lựa chọn.

Không phải bài học nào cũng phù hợp với phương pháp dạy học dự án, vì vậy giảng viên cần nghiên cứu và nắm vững nội dung bài giảng so sánh đối chiếu với chức năng của dạy học dự án và tìm kiếm sự phù hợp, nếu thấy có sự phù hợp giữa dạy học dự án với mục tiêu nội dung bài dạy thì sẽ quyết định lựa chọn dự án.

#### **Bước 2: Lập kế hoạch dự án**

- Lựa chọn chủ đề, xác định vấn đề để xây dựng thành dự án, đưa ra các ý tưởng về dự án. Đây là giai đoạn quan trọng vì để có được tính khả thi, tính thực tiễn, tính khoa học của dự án đáp ứng mục tiêu bài học thì giảng viên cần nắm vững nội dung chương trình môn học; phải biết cách liên kết, tổng hợp các kiến thức thành một dự án phù hợp.

- Xây dựng các tiêu chủ đề: Một dự án tốt có khả năng mang lại hiệu quả là một dự án nghiên cứu sâu về các chủ đề thực tiễn và các vấn đề mà người học thực sự muốn tìm hiểu. Trong đó, các dự án phải kết hợp được các yếu tố như hoạt động sáng tạo, thiết kế công nghệ, chủ đề đa dạng nhằm giúp người học tìm hiểu về nội dung và thể hiện được những điều mà họ biết.

- Khơi gợi hứng thú cho sinh viên.

- Lập kế hoạch dự án: Đây là bước chuẩn bị của giảng viên và sinh viên trước khi sinh viên bắt tay vào việc thực hiện dự án. Trong khâu lập kế hoạch dự án bao gồm các nhiệm vụ học tập sau:

- + Xác định mục tiêu của dự án: Việc xác định được mục tiêu yêu cầu giảng viên phải xác định rõ sinh viên cần đạt được những kiến thức, kỹ năng, thái độ nào qua dự án này, đặc biệt là những kỹ năng tư duy bậc cao. Giảng viên giới thiệu trước lớp về dự án học tập và giúp lớp xác định mục tiêu của dự án như đã dự kiến.

+ Thiết lập bộ câu hỏi khung định hướng cho sinh viên đồng thời giúp sinh viên phát triển tư duy ở các cấp độ. Bộ câu hỏi sẽ giúp dự án tạo ra sự cân bằng giữa việc hiểu nội dung và việc khám phá những ý tưởng. Bộ câu hỏi khung bao gồm các câu hỏi khái quát, câu hỏi chủ đề, câu hỏi nội dung hướng dẫn sinh viên trong việc tiếp thu bài học.

Câu hỏi khái quát: giới thiệu khái quát, đầy đủ những ý tưởng xuyên suốt bài học. Đây là những câu hỏi khái quát về thực tế, thu hút được sự quan tâm của sinh viên với yêu cầu tư duy bậc cao. Câu hỏi này buộc sinh viên phải phân tích, tư duy, áp dụng những giá trị và giải thích kinh nghiệm của mình.

Câu hỏi chủ đề: lôi cuốn sinh viên vào việc khám phá những ý tưởng cụ thể đối với từng chủ đề, môn học. Đưa ra những vấn đề hoặc kích thích thảo luận nhằm hỗ trợ câu hỏi khái quát. Khuyến khích khám phá, duy trì hứng thú, cho sinh viên trả lời theo cách tiếp cận sáng tạo, độc đáo.

Câu hỏi nội dung: Thường là có câu trả lời rõ ràng, cụ thể, hỗ trợ cho câu hỏi khái quát.

Giảng viên cần thông báo các công việc cần thực hiện.

Thiết kế các hoạt động: Giảng viên cần xác định các tình huống để tạo nhiều cơ hội học cho sinh viên nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Bằng nghiệp vụ sư phạm, giảng viên dự kiến các phương án khuyến khích sinh viên tìm cách giải quyết vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập để trả lời các câu hỏi khung, liên hệ với thực tế cuộc sống bên ngoài và giải quyết một số vấn đề của cuộc sống thực. Đồng thời giảng viên cần tìm kiếm các tài liệu hỗ trợ cho quá trình giảng dạy của bản thân và cho quá trình học của sinh viên. Các tài liệu bao gồm các tài liệu viết, in ấn, những trang web hoặc các phần mềm có nội dung liên quan đến nội dung của bài học. Đối với các tài liệu hỗ trợ cho quá trình học của sinh viên, giảng viên chỉ cung cấp các tài liệu mang tính

chất định hướng, chứ không phải các nội dung cụ thể, việc lựa chọn tài liệu nào dùng trong quá trình học của sinh viên hoàn toàn phụ thuộc sinh viên.

Trước khi tổ chức cho sinh viên thực hiện dự án, giảng viên cần dành ra một buổi học để triển khai dự án đến sinh viên. Lúc này giảng viên cần giới thiệu tên dự án và nội dung tóm tắt dự án, các tiểu dự án nhằm giải quyết dự án: sinh viên cần làm gì? Yêu cầu cụ thể về sản phẩm sau khi thực hiện dự án? giới thiệu tài liệu tham khảo, các chuyên gia về các vấn đề liên quan tới dự án. Thảo luận với sinh viên về các giai đoạn thực hiện. Phổ biến tiêu chí đánh giá và bản hướng dẫn thực hiện tới sinh viên. Nhắc nhở sinh viên thời gian hoàn thành, tinh thần, thái độ làm việc.

### ***Bước 3: Thực hiện dự án***

Để hoàn thành kế hoạch, các nhóm tiến hành công việc:

- + Từng thành viên trong các nhóm theo chủ đề đã được phân công tiến hành thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, nghiên cứu các vấn đề đã được phân công và hoàn thành sản phẩm được phân công: mục đích, yêu cầu chung khi dạy học.

- + Các thành viên trong nhóm nộp sản phẩm nghiên cứu lý thuyết cho nhóm trưởng hoặc sinh viên được phân công viết sản phẩm nghiên cứu lý thuyết.

- + Viết sản phẩm phân nghiên cứu lý thuyết của nhóm: sinh viên được nhóm phân công tổng hợp nội dung từ các bài viết của từng thành viên trong nhóm để hoàn thành nội dung sản phẩm nghiên cứu lý thuyết của nhóm.

- + Các nhóm họp nhóm thảo luận để thông qua sản phẩm nghiên cứu lý thuyết của nhóm.

- + Thiết kế bài báo cáo sản phẩm nghiên cứu.

- + Các nhóm tổ chức họp nhóm để thông qua nội dung bài báo cáo.

Khi dự án đang tiến triển, giảng viên kiểm tra tiến độ thực hiện dự án: trong quá trình các nhóm thực hiện dự án, trên cơ sở kế hoạch thực hiện dự án

do các nhóm đã xây dựng và phân công công việc cho các thành viên của các nhóm; giảng viên kiểm tra tiến độ thực hiện của mỗi thành viên trong nhóm; xem xét các kế hoạch hành động và đảm bảo là sinh viên đi đúng hướng. Nếu thấy cần thiết, giảng viên phải điều chỉnh, giúp đỡ để các thành viên thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ phân việc được giao.

Trong khâu hoàn thiện dự án, giảng viên cũng cần kiểm tra sản phẩm dự án của các nhóm xem có phù hợp với nội dung môn Giáo dục học, phù hợp với nội dung bài học Giáo dục học, mục tiêu của dự án như đã đề ra hay không, có triển khai được các tiểu dự án mà giảng viên đã định hướng hay không? Việc hoàn thành các tiểu dự án và dự án học tập Giáo dục học phải phục vụ giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ bài học.

#### ***Bước 4: Tổng hợp kết quả dự án***

Hết thời hạn thực hiện dự án, giảng viên tổ chức một buổi để nhóm sinh viên trình bày sản phẩm về dự án của mình bằng biên bản, phần mềm power point hoặc các phần mềm trình chiếu. Báo cáo sản phẩm trước lớp, đại diện các nhóm trình bày báo cáo sản phẩm; tập thể lớp góp ý và đưa ra các câu hỏi nhằm mục đích trao đổi về nội dung bài báo cáo; sinh viên trả lời các câu hỏi do giảng viên và sinh viên đặt ra. Trên cơ sở đóng góp của giảng viên và tập thể lớp, các nhóm hoàn chỉnh và nộp sản phẩm. Giảng viên tổng kết, đánh giá, nhận xét về kết quả thực hiện dự án của các nhóm.

Lưu ý ở khâu này yêu cầu đối với sinh viên khi trình bày các sản phẩm của dự án học tập là trình bày theo các tiểu dự án đã định hướng hoặc trình bày khái quát kết quả nghiên cứu, không được đọc lại giáo trình hay tài liệu nghiên cứu mà phải thể hiện tri thức ở trình độ vận dụng và trình độ phân tích hay đánh giá.

Giảng viên cần có những biện pháp giám sát quá trình thực hiện và trình bày sản phẩm của sinh viên để có những nhận xét khách quan, trung thực.

### 3.3. Điều kiện để thực hiện quy trình dạy học dự án trong giảng dạy Giáo dục học

Giữa các bước trong quy trình dạy học dự án có mối quan hệ mật thiết với nhau, đòi hỏi giảng viên và sinh viên phải vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo. Giảng viên phải nắm được những đặc điểm cơ bản của dạy học dự án, nắm vững bài giảng Giáo dục học để thiết kế các chủ đề dự án, các tiểu dự án và chuyển giao dự án cho người học. Các dự án đưa ra phải có tính vấn đề phải vừa sức với khả năng thực hiện của sinh viên.

Câu hỏi khái quát thu hút được sự quan tâm của sinh viên với yêu cầu tư duy bậc cao. Các động từ chính tương ứng với cấp độ tư duy:

STT	Cấp độ tư duy	Động từ chính
1	Biết	Xác định, mô tả, vẽ, ghi nhớ, nhận biết...
2	Hiểu	Minh họa, tóm tắt, trình bày lại, giải thích...
3	Áp dụng	Lựa chọn, thu thập, phát hiện, liên hệ, chứng minh, thực hành, sử dụng...
4	Phân tích	Phân tích, nghiên cứu, điều tra, so sánh, đối chiếu...
5	Đánh giá	Đánh giá, đề xuất, chứng minh, kiểm tra, nhận xét...
6	Sáng tạo	Xây dựng, thiết kế, sáng chế, phát triển, xây dựng giả thuyết, phát minh, đổi mới, lập kế hoạch, đề xuất...

+ Câu hỏi chủ đề/ bài học đưa sinh viên khám phá ý tưởng cụ thể:

- Có thể vận dụng nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính lý luận và thực tiễn trong dạy học vào bài học Toán bằng cách nào?

Thông qua việc trả lời câu hỏi người học có thể giải thích tường minh về khái niệm, định lý, định luật vận dụng chúng vào giải bài tập nhận thức theo nhiều cách khác nhau.

+ Giảng viên hướng dẫn triển khai dự án đến sinh viên

STT	Hoạt động của GV	Mục tiêu
1	Giới thiệu phương pháp và hướng dẫn SV chọn chủ đề, tiêu chủ đề	SV chọn chủ đề và xây dựng ý tưởng
2	Hướng dẫn SV lập kế hoạch	SV lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong nhóm
3	Hướng dẫn SV thu thập thông tin	SV biết thu thập và ghi chép thông tin
4	Hướng dẫn SV xử lý thông tin	SV biết cách phân tích và tổng hợp thông tin
5	Hướng dẫn SV xây dựng sản phẩm dự án	SV biết xây dựng và trình bày sản phẩm với các hình thức
6	Hướng dẫn SV trao đổi, thảo luận	SV chia sẻ những vấn đề khó khăn trong quá trình thực hiện dự án
7	Hướng dẫn SV nhìn lại quá trình thực hiện dự án, trình bày kết quả	Rút ra bài học trong quá trình thực hiện dự án. SV biết trình bày kết quả trước lớp, SV nhóm khác nhận xét
8	Tổ chức, đánh giá, tổng kết	SV tự đánh giá và tiếp thu ý kiến

Sinh viên phải tích cực, chủ động sáng tạo trong quá trình triển khai các chủ đề dự án và hoàn thành các tiểu dự án, sinh viên phải có tính thần ý thức làm việc theo nhóm, có kỹ năng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, phải có khả năng khái quát hoá nội dung nghiên cứu và phải có kỹ năng thuyết trình. Sinh viên phải biết tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn thông tin khác nhau: Thông tin từ tài liệu học tập, từ giáo trình, từ các nguồn tài liệu tham khảo, từ các tập san hoặc các dự án mà sinh viên đã thực hiện có liên quan đến bài học, thông tin từ tạp chí, mạng internet, thư viện điện tử. Nguồn thông tin mà sinh viên

tìm kiếm được có thể đơn lẻ nhưng nó phải được thảo luận, bàn bạc và xã hội hoá trong mô hình làm việc theo nhóm, lớp.



**Nguồn thông tin đa dạng phong phú của sinh viên**  
(Hình ảnh minh họa)



**Vai trò định hướng của giảng viên trong quá trình triển khai dự án**  
(Hình ảnh minh họa)

Đưa ra các ý kiến khác nhau và đi đến thống nhất để thiết kế bài báo cáo sản phẩm.



**Sinh viên làm việc theo nhóm để tập hợp viết báo cáo kết quả dự án**  
(Hình ảnh minh họa)

***\* Kiểm tra tiến độ, trao đổi với người học đảm bảo hướng đi dự án***

Giảng viên phổ biến tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện dự án của sinh viên, đánh giá cách thức trình bày sản phẩm dự án và chất lượng sản phẩm dự án của sinh viên.

Đánh giá theo những bài tập hoặc các hoạt động. Các công cụ đánh giá này đều đưa ra các điểm xét duyệt theo nội dung, kiến thức. Người học sẽ biết được tiêu chí đánh giá trước khi bắt tay vào thiết kế dự án.

Yêu cầu người học trình bày sản phẩm bằng bài trình diễn đa phương tiện.

Thời gian giao dự án cho sinh viên phải phù hợp với điều kiện thực hiện của sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành dự án học tập.

Cần có hỗ trợ về mặt tâm lý, hỗ trợ về cơ sở vật chất để sinh viên hoàn thành các dự án học tập được giao.



Giảng viên có thể thiết kế mẫu tiêu chí đánh giá bài trình diễn đa phương tiện về các kết quả dự án của sinh viên nhằm định hướng cách trình bày cho sinh viên.

	<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức</b>
Giỏi (9 - 10)	Tạo lập các dự án trong nội dung môn học và năng lực của người học. Đặt tên dự án có tính hấp dẫn. Hiểu được nội dung các chủ đề của dự án, biết vận dụng lý thuyết đã học để hoàn thiện các tiểu chủ đề. Các nội dung trình bày trong bước giải có tính logic chặt chẽ và thể hiện quan điểm của nhóm học tập trong trình bày và đánh giá kết quả của dự án. Dự án có tính khả thi cao.	Các slide được sắp xếp hợp lý, màu chữ, phong chữ phù hợp, sử dụng hiệu ứng hiệu quả. Có sử dụng hình ảnh minh họa phù hợp, có sức thuyết phục. Trình bày rõ ràng, có sức hấp dẫn, lôi cuốn.
Khá (7 - 8.5)	Tạo lập các dự án trong nội dung môn học và năng lực của người học. Đặt tên dự án Hiểu được nội dung chủ đề học tập, biết vận dụng lý thuyết đã học để hoàn thiện các tiểu chủ đề. các vấn đề và tiểu chủ đề phải thực hiện, khó. Các nội dung trình bày trong bước có tính logic Dự án có tính khả thi	Các slide được sắp xếp hợp lý, màu chữ, phong chữ phù hợp, có sử dụng hiệu ứng. Sử dụng hình ảnh minh họa hợp lý. Trình bày tốt.

	<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức</b>
Trung bình (5 - 6.5)	Tạo lập các dự án trong nội dung môn học và năng lực của người học. Đặt tên dự án nhưng chưa có tính hấp dẫn. Chưa vận dụng tốt để giải bài tập. Nội dung có logic nhưng chưa cao, có chỗ chưa hợp lý. Dự án ít tính khả thi.	Các slide được sắp xếp hợp lý, màu chữ, phong chữ phù hợp, có sử dụng hiệu ứng nhưng chưa hiệu quả. Có sử dụng hình ảnh minh họa. Trình bày chưa tốt.
Yếu (0 - 4.5)	Tạo lập các dự án trong nội dung môn học và năng lực của người học. Đặt tên dự án còn lúng túng. Chưa hiểu nội dung nguyên tắc, chưa tìm được cách giải bài tập, các bước giải chưa rõ ràng. Dự án không có tính khả thi.	Các slide chưa hợp lý, màu nền, phong chữ không nhìn rõ, chưa sử dụng hiệu ứng. Không có hình ảnh minh họa. Chưa biết cách trình bày.

### **3.4. Khảo nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của quy trình dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học và các mẫu thiết kế giáo án**

#### **3.4.1. Mục đích khảo sát**

Khảo sát có mục đích cơ bản là kiểm tra giả thuyết khoa học của đề tài: “PP DHDA có khả năng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, hướng hoạt động học tập của sinh viên theo sản phẩm dự kiến, Vì vậy nếu thiết kế quy trình dạy môn Giáo dục học theo phương pháp DHDA sẽ góp phần nâng cao hiệu quả học tập bộ môn và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên”.

Ngoài ra khảo sát còn nhằm mục đích đánh giá tính khả thi của quy trình được xây dựng trên cơ sở lý luận. Trên cơ sở đó bổ sung, sửa đổi đề phương

pháp này có thể phù hợp với nội dung dạy học, chương trình đào tạo và áp dụng trong thực tiễn đào tạo giáo viên trong quá trình dạy học môn Giáo dục học.

Thông qua quá trình khảo sát tính khả thi của quy trình, tính hiệu quả của quy trình dạy học dự án trong dạy học Giáo dục học và đánh giá về giáo án giảng dạy theo dự án áp dụng quy trình đã đề xuất cũng có thể đánh giá chất lượng học tập của sinh viên, tạo hứng thú học tập, phát huy năng lực sáng tạo, làm việc tự lực và có tính cộng tác, tăng cường hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên trên cơ sở các hoạt động học tập.

#### **3.4.2. Nội dung khảo sát**

Chúng tôi tiến hành khảo sát quy trình DHDA đã thiết kế và khảo sát việc vận dụng quy trình đã thiết kế để soạn giáo án giảng dạy phần quá trình dạy học nhằm thực hiện các mục tiêu của bài học.

Nội dung khảo sát có hai nội dung cơ bản:

- Đánh giá về tính hiệu quả và tính khả thi của quy trình DHDA
- Đánh giá về tính hiệu quả và tính khả thi của bài giảng Giáo dục học đã thiết kế có vận dụng dạy học dự án.

#### **3.4.3. Phương pháp khảo sát**

Sử dụng phương pháp chuyên gia để nhằm khẳng định tính hiệu quả và tính khả thi của quy trình dạy học theo dự án đã đề xuất.

#### **3.4.4. Kết quả khảo sát**

Qua khảo sát bằng phương pháp xin ý kiến chuyên gia trên 9 cán bộ giảng dạy Giáo dục học, chúng tôi nhận được kết quả như sau: 100% cán bộ giảng dạy đều đánh giá là quy trình dạy học dự án đã thiết kế là có tính khả thi, 77,77% ý kiến đánh giá về tính khả thi của giáo án đã thiết kế còn lại 22,23 % ý kiến phân vân và 100% ý kiến đều đánh giá về tính hiệu quả của quy trình dạy học dự án đã xây dựng.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Quy trình dạy học theo dự án trong giảng dạy Giáo dục học được thiết kế gồm bốn bước, giữa các bước nêu trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, đòi hỏi giảng viên và người học phải tích cực chủ động trong quá trình triển khai và thực hiện dự án học tập.

Thiết kế quy trình DHDA trong giảng dạy đã chứng minh được tính hiệu quả và khả thi khi vận dụng PP DHDA giúp sinh viên không những nắm chắc kiến thức về mặt lý luận, thực tiễn mà còn giúp các em phát triển năng lực tư duy, phát hiện và giải quyết các tình huống trong thực tiễn giáo dục đặt ra. Ngoài ra, việc dạy học theo mô hình DHDA là một PP dạy học mới tạo điều kiện giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng hợp tác trong học tập, làm việc theo nhóm, biết lập dự án cho hoạt động.

Tính hiệu quả của giáo án giảng dạy phản quá trình dạy học được thiết kế theo phương pháp DHDA đã được các chuyên gia đánh giá tích cực.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

DHDA là một phương pháp hay hình thức dạy học, trong đó dưới vai trò hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo của giảng viên người học tự lực thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp nhằm giải quyết một vấn đề gắn với thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành thông qua việc thực hiện các dự án học tập và các tiểu dự án. Dạy học dự án đòi hỏi người học phải có tính tự chủ cao trong học tập, tức người học tự thiết kế một dự án có nội dung gắn với nội dung học tập, dựa trên cơ sở phân tích thực tiễn, cùng với tài liệu, người học thiết kế dự án, hoàn chỉnh dự án.

Trong quá trình giáo dục việc đổi mới PPDH luôn được quan tâm và nhấn mạnh. Tuy nhiên việc vận dụng PP DHDA vào giảng dạy GDH của giảng viên chưa thật sự hiệu quả. Vì vậy, đề tài này góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn vào việc vận dụng PP DHDA ở nhà trường Sư phạm.

PPDH có ba đặc điểm cơ bản: định hướng hoạt động tự nghiên cứu cho sinh viên, định hướng hoạt động thực tiễn, định hướng sản phẩm cần đạt được trong quá trình học tập nghiên cứu Giáo dục học. Vì vậy đòi hỏi giảng viên phải có năng lực thiết kế dự án và tổ chức dự án học tập cho sinh viên.

Qua thực tế khảo sát thực trạng việc vận dụng PP DHDA ở trường ĐHSPT - ĐHTN, chúng tôi nhận thấy phần lớn giảng viên chưa nhận thức được bản chất của PP DHDA. Đây là điều kiện để vận dụng PP DHDA vào giảng dạy môn GDH ở trường ĐHSPT - ĐHTN. Đồng thời cũng là điều kiện giúp người học có PP học tập mới trong việc chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng.

Thông qua thực trạng việc vận dụng PP DHDA vào giảng dạy GDH chúng tôi đề xuất được quy trình vận dụng PP DHDA vào bài học GDH và khảo sát tình khả thi của PP, kết quả khảo sát cho thấy phương pháp dạy học dự án có tính khả thi và tính hiệu quả, có khả năng triển khai trong quá trình dạy học Giáo dục học.

## 2. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi kiến nghị một số vấn đề sau:

*\* Đối với giảng viên giảng dạy môn GDH*

- Để có thể thực hiện tốt PP DHDA thì giảng viên cần phải nghiên cứu thấu đáo tư tưởng của PP DHDA.

- Giảng viên cần phải mạnh dạn, tiên phong trong việc vận dụng PP DHDA vào giảng dạy, có nhu cầu, ý thức nâng cao trình độ, cập nhật thông tin, lý thuyết mới nhằm phát huy tối đa năng lực của sinh viên.

- Giảng viên chủ động tự tìm hiểu, sưu tầm tài liệu làm cho bài giảng của mình trở nên phong phú.

- Trong quá trình giảng dạy giảng viên cần giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng cộng tác, hợp tác, kỹ năng tự học, chủ động, sáng tạo giải quyết các vấn đề, tự kiểm tra, đánh giá.

*\* Đối với nhà trường ĐHSP - ĐHTN*

- Trường ĐHSP - ĐHTN cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên.

- Tăng cường các đợt tập huấn về đổi mới PP DHDA, động viên, khuyến khích giảng viên sử dụng thường xuyên PP DHDA trong giảng dạy.

- Cần có sự đầu tư về trang thiết bị, cơ sở vật chất tạo điều kiện cho giảng viên trao đổi kinh nghiệm về PP dạy học mới; quan tâm tổ chức các hoạt động cho sinh viên học tập theo nhóm.

- Bổ sung, tăng cường tài liệu sách, báo, chuyên đề, luận văn, luận án về PP DHDA trong thư viện trường.

- Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá cho người học.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Như An (1996): Phương pháp dạy học Giáo dục học, Tập 1, NXB ĐHQG HN.
2. Nguyễn Văn Hộ (2002): Lý luận dạy học, NXB GD
3. Nguyễn Văn Hộ - Hà Thị Đức (2002): Giáo dục học đại cương 1,2 - NXBGD
4. Đặng Thành Hưng (2001) Bản chất của dạy học hiện đại Thông tin khoa học giáo dục số 84
5. Đặng Thành Hưng (2001) Khái niệm phương pháp dạy học trong điều kiện đổi mới - Thông tin khoa học Giáo dục số 83
6. Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (1995) Lý luận dạy học đại học NXB ĐHSPHN
7. Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Văn Lê, Giáo dục học đại cương, NXB GD
8. N.G Kazansky (1983): Lý luận dạy học NXB GD, Hà Nội
9. Phan Trọng Ngọ (2005): Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường, NXB ĐHSP HN
10. Lê Nguyên Long (1998) Thử đi tìm phương pháp dạy học hiệu quả NXBGD
11. Nguyễn Ngọc Bảo - Hà Thị Đức (2000), hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở, NXBGD.
12. Vũ Văn Tảo - Trần Văn Hà (1996): Dạy - học giải quyết vấn đề một hướng đổi mới trong công tác giáo dục đào tạo huấn luyện Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và đào tạo
13. Bùi Quy Tịnh, Bùi Thị Tuyết Khanh (2000): Từ điển Tiếng Việt, NXB Thanh niên, Hà Nội

14. Trần Thị Tuyết Oanh (2005) Giáo trình Giáo dục học T 1,2, NXB ĐHSP Hà Nội
15. Thái Duy Tuyên (1999), Lý luận dạy học hiện đại, NXBGD
16. Phạm Viêt Vượng (2000), Giáo dục học đại cương, NXB ĐHQGHN
17. Apel H.J, Knoll. M (2001) Aus projekten lernen, Miinchen.
18. Intel@ Education (2007), Intel@ Teach Program Essentials Course, [http:// www iste. org/content/navigationmenu/nets/seal of alignment and review process/seal - intel.htm](http://www.iste.org/content/navigationmenu/nets/seal%20of%20alignment%20and%20review%20process/seal-intel.htm), 8/2007.
19. Microsoft (2006): Microsoft Partner in learning, <http://mspil.net.vn/View/Public/view> Mater News. aspx, 11/2006.
20. V. Lênin (1961): Bút ký triết học, NXB Tiến bộ, Maxcova.
21. Kilpatrick. W.H (1918): “The project Methode”, Teachers College, (Record 19), pp. 319 - 334.
22. Frey. K (2005): Die Peojektmethode, Weinheim und Based.
23. N. D. Nhikangđrốp (1972): Một số vấn đề lý luận dạy học trong nhà trường Đại học nước ngoài.
24. R. A. Nhizamốp Sđđ tr 80.
25. Bộ Giáo dục Singapore, <http://www.moe.gov.sg/projectwork>.
26. Cục Giáo dục Hồng Kông, [http://resources.edb.gov.hk/project work/ideao1/htm](http://resources.edb.gov.hk/project%20work/ideao1.htm).
27. Cục Giáo dục Hồng Kông, [http://resources.edb.gov.hk/project work/ideao1/htm](http://resources.edb.gov.hk/project%20work/ideao1.htm).



**Phụ lục 1**  
**CÂU HỎI KHẢO SÁT TRÊN CÁN BỘ GIẢNG VIÊN**

*Xin thầy cô vui lòng trả lời giúp các câu hỏi sau bằng phương án lựa chọn cho là đúng*

**Câu 1: Theo thầy (cô) dạy học theo dự án là:**

- a. Quan điểm dạy học
- b. Phương pháp dạy học
- c. Hình thức tổ chức dạy học
- d. Biện pháp và kĩ thuật dạy học

**Câu 2: Theo thầy (cô) dạy học theo dự án được xây dựng trên cơ sở của lý thuyết dạy học nào sau đây:**

- a. Thuyết phản xạ của Plóp
- b. Thuyết hành vi
- c. Thuyết nhận thức
- d. Thuyết kiến tạo
- e. Cả c và d

**Câu 3: Học theo dự án là hoạt động học tập:**

- a. Nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.
- b. Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng tri thức một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.
- c. Sử dụng các phương pháp kĩ thuật dạy học tích cực, phát huy trí thông minh sáng tạo của học sinh.
- d. Là hoạt động sử dụng các tiểu dự án để học sinh lĩnh hội tri thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Câu 4: Học theo dự án có ý nghĩa nào sau đây đối với người học:**

- a. Phát triển năng lực nghiên cứu.
- b. Khám phá các ý tưởng theo sở thích.
- c. Tìm hiểu và xây dựng kiến thức.
- d. Học liên môn.
- e. Giải quyết vấn đề.
- g. Tạo ra sản phẩm.
- h. Cộng tác với các thành viên trong nhóm.
- i. Giao tiếp.
- k. Phát triển các kỹ năng, thái độ và sự đam mê.
- m. Tất cả các nội dung trên

**Câu 5: Thầy (cô) có thường xuyên sử dụng phương pháp dạy học theo dự án không?**

- a. Thường xuyên
- b. Không thường xuyên
- c. Không sử dụng

**Câu 6: Khi tổ chức cho sinh viên học theo dự án thầy cô hướng dẫn sinh viên tiến hành theo các bước nào sau đây:**

- a. Lập kế hoạch
- b. Thực hiện dự án
- c. Tổng hợp kết quả báo cáo sản phẩm

**Câu 7: Khi hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học theo dự án thầy (cô) đã hướng dẫn sinh viên thực hiện qua các bước nào sau đây và mức độ thực hiện:**

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Xác định mục tiêu cần hướng tới			
2	Xác định nhiệm vụ phải làm			
3	Xác định sản phẩm dự kiến			
4	Cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án			
5	Thời gian thực hiện và hoàn thành			
6	Các biện pháp khác			

**Câu 8: Khi tiến hành dạy học theo dự án thầy cô đã hướng dẫn sinh viên sử dụng các phương pháp nào trong các phương pháp sau đây:**

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Phương pháp nêu vấn đề			
2	Phương pháp thảo luận nhóm			
3	Phương pháp định hướng hành động cho sinh viên			
4	Phương pháp dạy học bằng tình huống			
5	Phương pháp quan sát			
6	Phương pháp điều tra			
7	Phỏng vấn			
8	Trao đổi đàm thoại với giảng viên			
9	Các phương pháp khác			

**Câu 9: Khi tiến hành đánh giá kết quả của học theo dự án thầy (cô) có đổi mới phương pháp đánh giá hay không?**

- a. Thường xuyên đổi mới
- b. Không thường xuyên
- c. Không đổi mới

**Câu 10: Vai trò của giảng viên trong khâu lập kế hoạch của dạy học theo dự án là hướng dẫn sinh viên:**

- a. Lựa chọn chủ đề/ tiểu chủ đề theo sở thích
- b. Xây dựng các vấn đề nghiên cứu cụ thể
- c. Lập kế hoạch chi tiết về các nhiệm vụ học tập
- d. Hoàn thiện kế hoạch dự án
- e. Các vai trò khác

**Câu 11: Vai trò của giảng viên trong khâu thực hiện dự án là hướng dẫn sinh viên:**

- a. Tìm thông tin có liên quan
- b. Thiết kế phiếu khảo sát/câu hỏi phỏng vấn
- c. Tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát...
- d. Làm việc với tinh thần hợp tác
- e. Duy trì nhiệt huyết
- g. Xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu
- h. Lựa chọn và phân tích dữ liệu
- i. Là người bạn đồng hành cùng sinh viên thực hiện mục tiêu
- k. Là người trợ giúp sinh viên thực hiện dự án
- m. Tất cả các phương án trên.

**Câu 12: Vai trò của giảng viên trong khâu tổng hợp kết quả dự án là giúp sinh viên:**

- a. Tổng hợp thông tin
- b. Viết báo cáo hoặc xây dựng kết quả dự án
- c. Trình bày kết quả của dự án
- d. Thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng
- e. Nhìn lại quá trình làm dự án

**Câu 14: Khó khăn của giảng viên trong dạy học theo dự án là gì?**

.....

.....

.....

.....

***Xin trân thành cảm ơn ý kiến của các thầy cô!***

**Xin thầy cô vui lòng cho biết đôi điều về bản thân**

Họ và tên:.....

Khoa:.....

Trường:.....

**Phụ lục 2**  
**PHIẾU KHẢO SÁT**  
*(dành cho sinh viên)*

*Để phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục học xin bạn vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây:*

**Câu 1: Trong quá trình học tập môn Giáo dục học bạn có thường xuyên được học theo dự án không?**

- a. Thường xuyên
- b. Không thường xuyên
- c. Chưa bao giờ

**Câu 2: Phương pháp dạy học giáo dục học được giảng viên sử dụng nhiều là những phương pháp nào sau đây:**

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Phương pháp nêu vấn đề			
2	Phương pháp thảo luận nhóm			
3	Phương pháp định hướng hành động cho sinh viên			
4	Phương pháp dạy học bằng tình huống			
5	Phương pháp thuyết trình			
6	Phương pháp vấn đáp			
7	Phương pháp động não			
8	Phương pháp xêmina			
9	Phương pháp ôn tập			
10	Phương pháp khác			

**Câu 3: Học theo dự án là hoạt động học tập:**

- a. Nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.

- b. Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng tri thức một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.
- c. Sử dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học tích cực, phát huy trí thông minh sáng tạo của học sinh.
- d. Là hoạt động sử dụng các tiểu dự án để học sinh lĩnh hội tri thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau:

**Câu 4: Học theo dự án có ý nghĩa nào sau đây đối với người học:**

- a. Phát triển năng lực nghiên cứu.
- b. Khám phá các ý tưởng theo sở thích.
- c. Tìm hiểu và xây dựng kiến thức.
- d. Học liên môn.
- e. Giúp người học giải quyết vấn đề.
- g. Giúp người học tạo ra sản phẩm.
- h. Cộng tác với các thành viên trong nhóm.
- i. Giúp người học hình thành kỹ năng giao tiếp.
- k. Phát triển các kỹ năng, thái độ và sự đam mê.
- m. Tất cả các nội dung trên

**Câu 5: Trong dạy học Giáo dục học bạn thấy giảng viên có thường xuyên sử dụng phương pháp dạy học theo dự án không?**

- a. Thường xuyên
- b. Không thường xuyên
- c. Không sử dụng

**Câu 6: Khi tổ chức cho sinh viên học theo dự án thầy cô hướng dẫn sinh viên tiến hành theo các bước nào sau đây:**

- a. Lập kế hoạch
- b. Thực hiện dự án
- c. Tổng hợp kết quả báo cáo sản phẩm

**Câu 7: Khi hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học theo dự án thầy (cô) đã hướng dẫn sinh viên thực hiện qua các bước nào sau đây và mức độ thực hiện:**

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Xác định mục tiêu cần hướng tới			
2	Xác định nhiệm vụ phải làm			
3	Xác định sản phẩm dự kiến			
4	Cách triển khai thực hiện hoàn thành dự án			
5	Thời gian thực hiện và hoàn thành			
6	Các biện pháp khác			

**Câu 8: Khi tiến hành dạy học Giáo dục học theo dự án thầy cô đã hướng dẫn sinh viên sử dụng các phương pháp nào trong các phương pháp sau đây:**

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Phương pháp nêu vấn đề			
2	Phương pháp thảo luận nhóm			
3	Phương pháp định hướng hành động cho sinh viên			
4	Phương pháp dạy học bằng tình huống			
5	Phương pháp quan sát			
6	Phương pháp điều tra			
7	Phỏng vấn			
8	Trao đổi đàm thoại với giảng viên			
9	Các phương pháp khác.			



**Câu 9: Vai trò của sinh viên trong khâu thực hiện dự án là:**

- a. Tìm thông tin có liên quan
- b. Thiết kế phiếu khảo sát/câu hỏi phỏng vấn
- c. Tổ chức khảo sát, phỏng vấn, làm thí nghiệm, quan sát...
- d. Làm việc với tinh thần hợp tác cùng nhóm bạn
- e. Duy trì nhiệt huyết
- g. Xác nhận mối liên hệ giữa các dữ liệu
- h. Lựa chọn và phân tích dữ liệu
- i. Trao đổi, xin ý kiến giảng viên

**Câu 10: Vai trò của sinh viên trong khâu tổng hợp kết quả dự án là:**

- a. Tổng hợp thông tin
- b. Viết báo cáo hoặc xây dựng kết quả dự án
- c. Trình bày kết quả dự án
- d. Thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng
- e. Nhìn lại quá trình làm dự án

**Câu 11: Khó khăn của sinh viên trong học theo dự án là gì?**

.....

.....

.....

***Xin trân thành cảm ơn ý kiến của các bạn!***

**Xin bạn cho biết một số thông tin về bản thân**

Khoa:.....

Sinh viên năm thứ mấy:.....

Nam, nữ:.....

### Phụ lục 3

## THIẾT KẾ BÀI GIẢNG DẠY HỌC DỰ ÁN

### Bài số 1: Khái niệm, cấu trúc, nhiệm vụ của quá trình dạy học

**Bước 1: Xác định mục tiêu của bài học, giới thiệu tài liệu học tập, lựa chọn PP dạy học dự án. Giới thiệu tài liệu và hướng dẫn phương pháp tự học và các dự án có thể triển khai.**

Tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo.

- Tài liệu bắt buộc đề cương bài giảng Giáo dục học phần II do tổ bộ môn biên soạn.

- Tài liệu tham khảo:

Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987), Giáo dục học tập I, NXBGD.

Nguyễn Ngọc Bảo - Hà Thị Đức (2000), Hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở, NXBGD.

Thái Duy Tuyên (1999), Lý luận dạy học hiện đại, NXBGD.

Phạm Viêt Vượng (2000), Giáo dục học Đại cương, NXBĐHQGHN.

### Bước 2: Lập kế hoạch dự án

Các dự án học tập mà sinh phải hoàn thành trong giờ học (dự án này phải được giảng viên giao cho sinh viên chuẩn bị trước)

**1. Quá trình dạy học tồn tại như là một hệ thống toàn vẹn**

**2. Mối quan hệ biện chứng giữa dạy học và phát triển trí tuệ**

**3. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng có nói:**

**“Đến trình độ nào đó tri thức với tư tưởng, đức dục với trí dục là một, đức dục phải là kết quả tất yếu của sự hiểu biết”**

**Hãy cho biết quan điểm của mình về vấn đề trên**

1. Mục tiêu yêu cầu các nhóm học tập phải hoàn thành các chủ đề học tập nêu trên nhằm thực hiện các mục tiêu học tập đề ra, đồng thời rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm cho SV.

## 2. Chuẩn bị

Giáo viên chia nhóm, mỗi nhóm sinh viên gồm từ 6 đến 8 sinh viên, sinh viên trong nhóm có năng lực khác nhau. Các nhóm làm việc theo cấu trúc hình sao. Mỗi nhóm có một thủ lĩnh, giáo viên có thể tham gia làm việc cùng với các nhóm khi cần thiết.

Mục tiêu và nhiệm vụ của các nhóm là các mục tiêu học tập đã đề ra thông qua việc làm sáng tỏ các chủ đề học tập, thực hiện các dự án học tập.

3. Hướng dẫn sinh viên thực hiện các tiểu chủ đề trong từng chủ đề của dự án.

Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên chia thành các tiểu chủ đề và phân công nhiệm vụ cho cá nhân.

Ví dụ chủ đề: ***Quá trình dạy học tồn tại như là một hệ thống toàn vẹn***

Có thể được chia thành các tiểu dự án sau đây:

- Cấu trúc của QTDH
- Tính hệ thống của QTDH
- Chứng minh tính hệ thống của QTDH thông qua mối quan hệ dạy và học, mối quan hệ thầy trò với các thành tố khác trong môi trường lớp học đang diễn ra.
- Tính toàn vẹn của quá trình dạy học

Sau đó thì tập hợp khái quát hoá dự án: Quá trình dạy học tồn tại như là một hệ thống toàn vẹn

## **Bước 3: Tổ chức sinh viên hoàn thành các dự án học tập theo chủ đề đã giao**

Nhiệm vụ học tập của từng sinh viên tiến hành theo các tiểu chủ đề

Sinh viên làm việc cá nhân và nộp sản phẩm cho nhóm

Tổ chức làm việc theo nhóm để nghiên cứu, thảo luận kết quả của từng sinh viên và đi đến thống nhất chung, khái quát hoá, viết báo cáo kết quả của dự án.

**Bước 4: Tiến hành tổ chức bài học theo các dự án học tập, tạo môi trường để sinh viên báo cáo kết quả dự án.**

Bước 1: Giáo viên tạo môi trường học tập. Bằng cách đặt vấn đề nêu lại các dự án học tập mà giảng viên đã yêu cầu sinh viên chuẩn bị.

Bước 2: Tổ chức cho sinh viên làm việc theo nhóm với các dự án học tập, thống nhất về trình bày sản phẩm của dự án.

Bước 3: Đại diện của các nhóm lần lượt trình bày kết quả của các dự án học tập từng chủ đề một, GV có thể ghi tóm tắt nội dung của từng bản báo cáo, các thành viên khác góp ý kiến về sản phẩm của từng nhóm:

***Dự án 1: Quá trình dạy học tồn tại như là một hệ thống***

Yêu cầu của bước này là sinh viên phải làm sáng tỏ được các vấn đề cơ bản sau:

- Khái niệm QTDH
- Cấu trúc của QTDH
- Tính hệ thống của QTDH chứng minh bằng lý luận và thực tiễn.
- Tính toàn vẹn của quá trình dạy học

\* QTDH gồm hai hoạt động đó là hoạt động dạy và hoạt động học, trong đó hoạt động dạy chỉ đạo, điều khiển hoạt động học nhưng cả hai hoạt động này đều có chung một mục đích. Vị trí vai trò của GV và học sinh trong QTDH là khác nhau, trong đó học sinh vừa là đối tượng của hoạt động dạy và là chủ thể của hoạt động học.

\* Quá trình dạy học tồn tại như là một hệ thống cấu trúc, bao gồm nhiều thành tố cấu trúc, giữa các thành tố cấu trúc đó luôn luôn có mối quan hệ thống nhất, biện chứng với nhau:

+ Mục đích và nhiệm vụ dạy học là thành tố có vị trí hàng đầu trong cấu trúc của quá trình dạy học, nó có vai trò định hướng cho sự vận động của các thành tố cấu trúc khác và cho toàn bộ hệ thống. Như vậy, khi mục đích, nhiệm vụ dạy học thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của nội dung dạy học, kéo theo sự thay đổi của phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học... Và nó kéo theo sự thay đổi của hoạt động dạy và hoạt động học, kéo theo sự thay đổi của toàn bộ hệ thống. Ngược lại sự vận động của các thành tố trên đều góp phần thực hiện mục đích, nhiệm vụ dạy học đã đề ra.

+ Nội dung dạy học là thành tố cơ bản của quá trình dạy học, nó phản ánh mục đích và nhiệm vụ dạy học do xã hội đặt ra. Đồng thời nó tạo lên nội dung hoạt động phối hợp giữa dạy và học, giữa giáo viên và học sinh. Nội dung dạy học có tác dụng chỉ đạo việc lựa chọn, vận dụng phối hợp phương pháp và phương tiện dạy học. đồng thời phương pháp phương tiện dạy học có nhiệm vụ truyền tải nội dung dạy học, góp phần vào việc thực hiện tốt nội dung dạy học.

+ Phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học là thành tố tác động tới động cơ, hứng thú, tính tích cực của học sinh nó có tác dụng thúc đẩy người học tiến hành hoạt động học tập (với điều kiện nó được tổ chức một cách khoa học). Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học chịu sự định hướng của mục đích, nhiệm vụ dạy học, chịu sự chỉ đạo của nội dung dạy học nhưng nó lại ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của quá trình dạy học, nó ảnh hưởng tới chất lượng dạy của thầy và chất lượng học của trò.

+ Sự tác động giữa dạy và học, giữa thầy và trò tạo nên kết quả dạy - học, nghĩa là làm biến đổi nhân cách của người học.

+ Hoạt động dạy và học phụ thuộc vào mục đích, nhiệm vụ dạy học, phụ thuộc vào nội dung dạy học (dạy cái gì ?, học cái gì ?) phụ thuộc vào phương pháp, phương tiện dạy học (dạy như thế nào ? học như thế nào ?)

+ Kết quả cuối cùng của quá trình dạy học được phản ánh tập trung ở nhân tố người học.

+ Đảm bảo tốt mối quan hệ giữa các thành tố cấu trúc sẽ đảm bảo tốt mối quan hệ giữa dạy và học, giữa thầy và trò và sẽ giúp cho quá trình dạy học vận động và phát triển không ngừng.

+ Trong thực tế quá trình dạy học được diễn ra trong môi trường kinh tế chính trị, xã hội khoa học công nghệ nên toàn bộ quá trình dạy học chịu sự ảnh hưởng của môi trường kinh tế chính trị xã hội khoa học công nghệ. Khi xã hội thay đổi sẽ đặt ra những yêu cầu mới đối với dạy học và buộc dạy học phải có sự vận động để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngược lại dạy học có hiệu quả sẽ có đóng góp rất lớn tới việc cải tạo môi trường.

\* Quá trình dạy học là một hệ toàn vẹn, đòi hỏi sự vận hành theo vị trí chức năng của từng thành tố và không được phép thiếu vắng của thành tố nào. Tính toàn vẹn được phản ánh trong tính hệ thống, trong sự vận động và phát triển.

<p><b><i>Dự án 2: Mối quan hệ biện chứng giữa dạy học và phát triển trí tuệ</i></b></p>
---

Yêu cầu đối với chủ đề này sv phải làm rõ được các tiểu dự án sau:

- Mối quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ.
- Điều kiện để dạy học dẫn đến sự phát triển trí tuệ.
- Những dẫn chứng thực tế minh họa về dạy học không đi đến sự phát triển trí tuệ.
- Dạy học và phát triển trí tuệ không phải là hai người bạn đồng hành.

Dạy học có nhiệm vụ đi trước, đón trước, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của con người.

Dạy học có nhiệm vụ tác động tới vùng phát triển trí tuệ gần nhất để thúc đẩy sự phát triển.

Dạy học đảm bảo đúng yêu cầu, khoa học sẽ tạo ra sự phát triển. Dạy học cũng có thể không tạo ra sự phát triển trí tuệ khi dạy học không vừa sức đối với người học...

Nhưng không phải mọi sự phát triển trí tuệ của con người đều do dạy học đem lại. Mà sự phát triển trí tuệ của con người có thể được thực hiện qua các con đường hoạt động khác nhau: Lao động, âm nhạc, hội họa, thể dục thể thao... Trong các con đường trên dạy học là con đường cơ bản nhất và quan trọng nhất.

Dạy học đi trước, đón trước sự phát triển trí tuệ được thể hiện như thế nào ?

- + Nắm được trình độ, năng lực hiện có của người học.
- + Xây dựng và đề ra các nhiệm vụ vừa sức đối với đối tượng, tác động tới vùng phát triển trí tuệ gần nhất của người học.
- + Yêu cầu, nhiệm vụ học tập đề ra phải cao hơn một chút so với những gì mà người học có.
- + Kích thích sự nỗ lực, sự cố gắng của người học
- + Hỗ trợ cho người học để người học có thể hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

***Dự án số 3: Phân tích luận điểm: “Đến trình độ nào đó tri thức với tư tưởng, đức dục với trí dục là một”***

Yêu cầu cơ bản đối với sinh viên trong chủ đề này là phải phân tích được 3 nhiệm vụ của dạy học và mối quan hệ giữa 3 nhiệm vụ đó. Chỉ rõ mục đích cuối cùng của quá trình dạy học là phải thống nhất giữa dạy tri thức và giáo dục đạo đức cho học sinh.

- Sinh viên phải làm rõ khái niệm đức dục, trí dục. Đức dục là giáo dục đạo đức, giáo dục thái độ. Trí dục là giáo dục trí tuệ. Giúp người học nắm vững tri thức, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ và phẩm chất trí tuệ.

- Mỗi quan hệ giữa nhiệm vụ tổ chức điều khiển người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học phổ thông, cơ bản, hiện đại và hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng với nhiệm vụ phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, các phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là phát triển năng lực tư duy sáng tạo và phát triển thể lực cho người học. Đồng thời chỉ rõ vai trò của việc thực hiện hai nhiệm vụ này với công tác trí dục.

- Dạy học có nhiệm vụ tổ chức, điều khiển người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, phổ thông, cơ bản, hiện đại phù hợp với thực tiễn đất nước và con người Việt Nam.

+ Tri thức khoa học là tri thức được loài người tích lũy và khái quát hoá từ những kinh nghiệm xã hội tồn tại dưới dạng những sự kiện khoa học, khái niệm, định luật, định lý, tư tưởng khoa học, học thuyết.

+ Tri thức phổ thông là những tri thức khoa học tối thiểu cần thiết đối với tất cả mọi người.

+ Tri thức cơ bản là những tri thức khoa học làm nền tảng giúp học sinh có thể tiếp tục học ở các lớp trên, hoặc bước vào cuộc sống lao động sản xuất.

- Dạy học có nhiệm vụ giúp người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, phổ thông, cơ bản, hiện đại phù hợp với thực tiễn đất nước và con người Việt Nam. Nghĩa là phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Giúp học sinh hiểu về nội dung tri thức đó

+ Giúp học sinh có khả năng nhớ và tái hiện lại nội dung tri thức đã học.

+ Giúp người học vận dụng tri thức đó một cách linh hoạt, sáng tạo trong nhiều tình huống khác nhau.

- Giữa dạy tri thức với việc hình thành kỹ năng có mối quan hệ với nhau. Kỹ năng chỉ được hình thành dựa trên cơ sở người học nắm vững tri thức. Vì



vậy muốn hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo cho người học phải giúp người học nắm vững hệ thống tri thức. Ngược lại hình thành được kỹ năng, kỹ xảo sẽ giúp người học nắm tri thức cũ chắc hơn và là điều kiện để nắm tri thức mới.

- Việc hình thành tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo là cơ sở giúp người học hình thành và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, các phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy sáng tạo. Chính việc hình thành và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, các phẩm chất hoạt động trí tuệ sẽ là điều kiện để nắm tri thức ở trình độ cao hơn. Và cả hai nhiệm vụ này đều góp phần thực hiện nhiệm vụ trí dục.

Thế giới quan, nhân sinh quan và hành vi đạo đức của người công dân, người lao động chỉ được hình thành trên cơ sở có sự tích lũy vốn tri thức, vốn kinh nghiệm và năng lực hoạt động trí tuệ của người học. Đồng thời việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và những phẩm chất của người công dân, người lao động là tư tưởng, là động lực thúc đẩy người học nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ ở trình độ cao hơn. Bộ mặt nhân cách con người được thể hiện cuối cùng ở hành vi và thói quen của người đó vì vậy cái đích cuối cùng mà các nhiệm vụ dạy học phải hoàn thành là hình thế giới quan, nhân sinh quan và phẩm chất nhân cách của người công dân, người lao động.

Bước 4: Giáo viên nhận xét đánh giá hệ thống bằng sơ đồ, mô hình đã được chuẩn bị trước.

GV \_ Kết luận chủ đề số 2: Giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ có mối quan hệ thống nhất, biện chứng với nhau. Dạy học có nhiệm vụ đi trước, đón trước, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ. Ngược lại trí tuệ phát triển sẽ là cơ sở, là tiền đề, là điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của dạy học.

Muốn thực hiện được điều đó người giáo viên phải nắm vững trình độ nhận thức của người học, xây dựng các nhiệm vụ dạy học vừa sức với khả năng thực hiện của đối tượng. Trong QTDH người GV phải lựa chọn phương pháp, biện pháp dạy học phù hợp với đặc điểm đối tượng nhằm phát huy tính tích cực tư duy của học sinh, phát huy khả năng độc lập sáng tạo của học sinh.

Khái quát hệ thống hoá chủ đề 3: GV sử dụng mô hình sơ đồ để hệ thống hoá nội dung tri thức.

Thu sản phẩm dự án của sinh viên.

**Bước 4: Giảng viên tổng kết dự án và thông tin phản hồi tới người học về việc thực hiện các kết quả dự án học tập**

Thông tin phản hồi nhanh bằng hệ thống câu hỏi đã xây dựng ở phiếu hướng dẫn tự học..

Hướng dẫn dự án học tập tiếp theo ở nhà cho SV

**Bài số 2: *Bản chất, quy luật của quá trình dạy học***

**Bước 1: Thiết kế các mục tiêu học tập mà SV phải hoàn thành và lựa chọn dự án dạy học.**

1. Học xong bài học này sinh viên có thể hiểu rõ:

- Bản chất của quá trình dạy học là gì ?
- Các quy luật của quá trình dạy học ?
- Quy luật cơ bản của quá trình dạy học ? Vì sao quy luật đó lại là quy luật cơ bản ?
- Vận dụng bản chất và quy luật của quá trình dạy học vào quá trình giảng dạy bộ môn.
- Có thái độ tích cực khi nhìn nhận đánh giá về vai trò của người học trong QTDH.

2. Tri thức và vốn kinh nghiệm cần có của sinh viên.

- Quy luật nhận thức chung của loài người.

- Vị trí vai trò của hai hoạt động dạy và học trong quá trình dạy học.
- Quy luật về sự vận động và phát triển của mọi sự vật hiện tượng.
- Cấu trúc và nhiệm vụ của QTDH

3. Nhiệm vụ cụ thể và nội dung cơ bản SV cần tiến hành đó là tự nghiên cứu để hoàn thành toàn bộ các mục tiêu học tập đã đề ra.

4. Tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo. (toàn bộ tài liệu đã giới thiệu ở phiếu học tập của bài học số một).

5. Dự án cần triển khai:

*Dạy học là quá trình tổ chức hoạt động nhận thức cho người học*

*Mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa dạy và học, giữa thầy và trò*

## **Bước 2: Lập kế hoạch dự án**

***Dự án 1: Dạy học là quá trình tổ chức hoạt động nhận thức cho người học***

***Các tiêu dự án:***

- Đặc điểm nhận thức của học sinh
- Đặc điểm nhận thức của nhà khoa học
- So sánh nhận thức giữa nhà khoa học với nhận thức của học sinh
- Khẳng định về vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhận thức của nhà khoa học

***Dự án 2: Sự thống nhất giữa dạy và học, giữa thầy và trò là quy luật cơ bản của QTDH***

***Các tiêu dự án:***

- Tính 2 mặt của một quá trình
- Vai trò của hoạt động dạy đối với hoạt động học
- Tác động của hoạt động học đối với hoạt động dạy
- Mối quan hệ giữa dạy và học, giữa thầy và trò
- Quan hệ giữa dạy và học, giữa thầy và trò là quan hệ chủ yếu và cơ bản nhất, chi phối các quan hệ khác.

### **Bước 3: Tổ chức triển khai, thực hiện dự án**

Mục tiêu thảo luận:

- Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu học tập đề ra. đồng thời rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm cho SV

Chuẩn bị thảo luận.

- Chia nhóm và phân công nhiệm vụ cho các nhóm. Thông qua hình thức đặt vấn đề, nêu vấn đề.

Tổ chức thảo luận.

Bước 1, Bước 2, Bước 3 tuân theo như bài một.

Yêu cầu sinh viên phải làm bật được các vấn đề sau:

\* **Tính hai mặt của QTDH:** QTDH bao gồm hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động nhận thức của học sinh. Trong đó giáo viên đóng vai trò lãnh đạo, tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động nhận thức của người học. Người học đóng vai trò tự giác, tích cực, chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động học tập dưới sự chỉ đạo của giáo viên, nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong quá trình dạy học.

- Hoạt động dạy và hoạt động học là hai hoạt động cùng nhau, nó không thể tách rời nhau, nó tồn tại vì nhau, thúc đẩy nhau cùng vận động và phát triển. Dạy tồn tại vì học, học vận động và phát triển nhờ có dạy, học phát triển giúp cho dạy ngày càng hoàn thiện. Nếu thiếu một trong hai quá trình đó thì hoạt động dạy học không diễn ra.

- Vai trò chủ đạo của giáo viên được thể hiện thông qua các hoạt động.

+ Đề ra mục đích, yêu cầu nhận thức - học tập.

+ Vạch ra kế hoạch hoạt động của mình.

+ Tổ chức hoạt động dạy của mình và hoạt động học tập của học sinh.

- + Kích thích tính tự giác, tính tích cực, và chủ động của học sinh.
- + Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Vai trò tích cực, chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển của học sinh được thể hiện:

- + Tiếp nhận những nhiệm vụ và kế hoạch học tập do giáo viên đề ra.
- + Thực hiện những hành động và thao tác nhận thức nhằm giải quyết những nhiệm vụ đề ra.

- + Tự điều chỉnh hoạt động nhận thức - hoạt động học tập của mình dưới sự điều khiển của giáo viên.

- + Phân tích kết quả học tập dưới sự điều khiển của giáo viên.

- + Lập kế hoạch học tập

- + Tự tổ chức hoạt động học tập nhằm thực hiện các mục tiêu học tập.

- + Tự kiểm tra, điều chỉnh, phân tích kết quả học tập.

\* Bản chất của hoạt động học trong quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của người học nhằm tiếp nhận và xử lý thông tin từ môi trường học tập đem lại (có thể từ GV, từ tài liệu giáo trình, từ bạn, từ các nguồn thông tin khác). Tính độc đáo trong nhận thức của học sinh vì nó được diễn ra trong điều kiện sư phạm, dưới sự hướng dẫn, tổ chức điều khiển của giáo viên. Nó có tính đặc biệt khác với quá trình nhận thức của nhà khoa học và nhận thức của loài người.

#### **Bước 4: GV tổng kết dự án, khái quát hoá nội dung bài học**

Thông tin phản hồi nhanh bằng hệ thống câu hỏi đã xây dựng ở phiếu hướng dẫn tự học..

<b>Nhận thức của loài người</b>		<b>Nhận thức của người học</b>
Con đường nhận thức	- Con đường mò mẫm, thử và sai	- Diễn ra theo con đường thẳng con đường đã được khám phá, được gia công su phạm.
Thời gian	- Không có giới hạn, có thể rất dài trong suốt cả cuộc đời.	- Trong thời gian nhất định, có giới hạn, được quy định bởi chương trình và kế hoạch dạy học.
Quy luật	- Quy luật nhận thức chung của loài người	- Theo quy luật nhận thức chung nhưng có thể theo con đường ngược lại.
Điều kiện	- Hoàn toàn độc lập	- Điều kiện su phạm có sự hướng dẫn, tổ chức, điều khiển của giáo viên.
Mục đích	- Tìm ra cái mới đối với toàn thể nhân loại	- Tìm ra cái mới đối với bản thân, cái mới đã được nhân loại thừa nhận.
Các khâu	- 3 khâu: Tri giác tài liệu, hình thành khái niệm, vận dụng khái niệm.	Trong quá trình nhận thức của học sinh còn phải quan tâm đến phát triển năng lực nhận thức và giáo dục thái độ tích cực cho học sinh.
		- Ngoài 3 khâu như nhận thức của nhà khoa học còn thêm các khâu kích thích tính tích cực học tập ở người học, củng cố tri thức khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả kiểm tra.

- Tuy nhiên sự khác biệt trên chỉ là tương đối. Từ 2 cách phân tích trên chúng tôi có thể đi đến kết luận sau:

Kết luận: Quá trình dạy học gồm 2 hoạt động dạy và học giữa hai hoạt động này có mối quan hệ thống nhất, biện chứng với nhau. Bản chất của quá

trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh. Vì vậy nếu quan niệm quá trình dạy học là quá trình truyền tri thức cho học sinh là quan niệm phiến diện tuyệt đối hoá vai trò của người dạy, phủ nhận vai trò của người học trong quá trình dạy học. Đồng thời chưa phản ánh được chức năng giáo dục và phát triển của dạy học

b. Yêu cầu sinh viên phải nêu được các nội dung cơ bản sau:

- Quan hệ giữa dạy và học, giữa thầy và trò.
- + Nó phản ánh được tính hai mặt của quá trình dạy học.
- + Nó phản ánh được mối quan hệ tất yếu, chủ yếu, bền vững giữa hai hoạt động dạy và học, với hai nhân tố trung tâm là giáo viên và học sinh.
- Vai trò của hoạt động dạy đối với hoạt động học.
- Tác động của hoạt động học đối với hoạt động dạy.

\* **Tính hai mặt của QTDH:** QTDH bao gồm hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động nhận thức của học sinh. Trong đó giáo viên đóng vai trò lãnh đạo, tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động nhận thức của người học. Người học đóng vai trò tự giác, tích cực, chủ động, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động học tập dưới sự chỉ đạo của giáo viên, nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong quá trình dạy học.

- Hoạt động dạy và hoạt động học là hai hoạt động cùng nhau, nó không thể tách rời nhau, nó tồn tại vì nhau, thúc đẩy nhau cùng vận động và phát triển. Dạy tồn tại vì học, học vận động và phát triển nhờ có dạy, học phát triển giúp cho dạy ngày càng hoàn thiện. Nếu thiếu một trong hai quá trình đó thì hoạt động dạy học không diễn ra.

- Các quy luật khác chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua quy luật cơ bản.
- Sự vận động của quy luật cơ bản chi phối tới sự vận động của các quy luật sau:

+ Quy luật về tính quy định của môi trường kinh tế, chính trị xã hội, văn hoá - khoa học đối với quá trình dạy học.

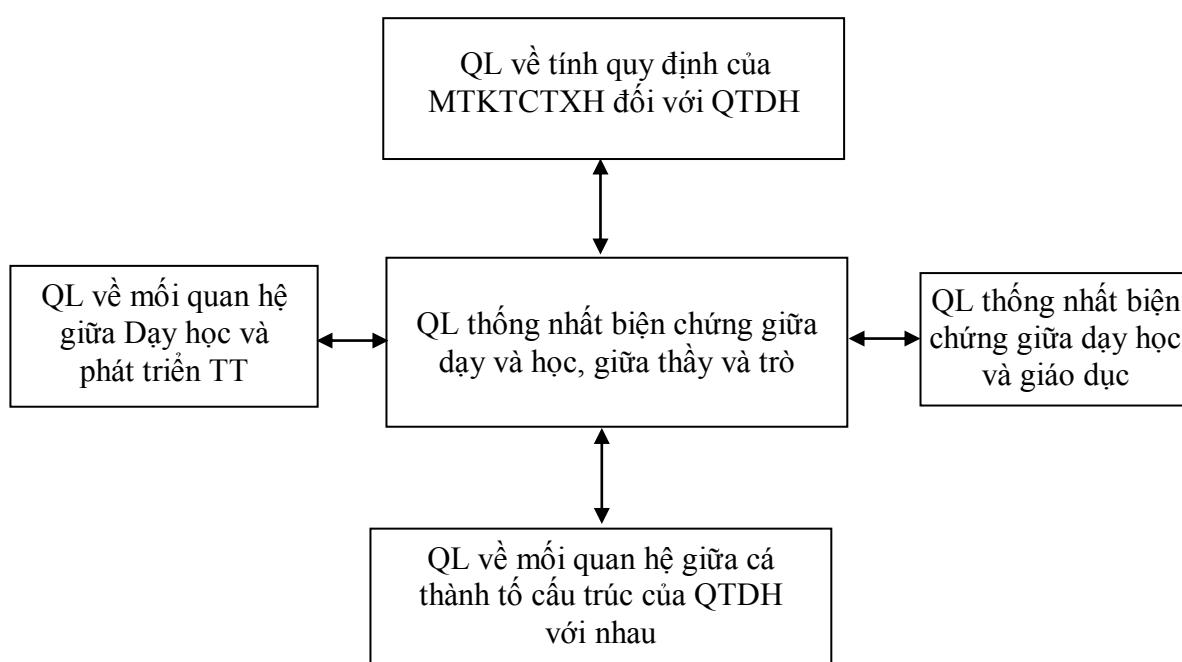
+ Quy luật về mối liên hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ.  
+ Quy luật về sự thống nhất và quy định lẫn nhau giữa các thành tố của quá trình dạy học.

+ Quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa dạy học và giáo dục.

Bước 4: Giáo viên khái quát hoá, hệ thống hoá bài học.

- Bản chất của quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh. Tính độc đáo đó được thể hiện là nó diễn ra trong điều kiện sư phạm. Giữa nhận thức của người học và nhận thức chung của loài người là có sự giống và khác nhau. Tuy nhiên sự khác nhau đó chỉ là tương đối. Tuổi càng nhỏ thì sự khác biệt đó càng lớn. Vì vậy, trong quá trình dạy học người thầy giáo cần căn cứ vào đặc điểm, trình độ nhận thức của học sinh để tổ chức quá trình dạy học.

- Quy luật cơ bản của quá trình dạy học có vai trò rất quan trọng trong quá trình dạy học. Vì vậy, giáo viên cần phải phát huy vai trò của mình với hoạt động dạy, phát huy vai trò của học sinh với hoạt động học nhằm tạo ra sự thống nhất biện chứng giữa dạy và học, giữa G V và học sinh.





Thu phiếu học tập của sinh viên.

Thông tin phản hồi nhanh bằng hệ thống câu hỏi đã xây dựng ở phiếu hướng dẫn tự học bài số 2.

Phát phiếu hướng dẫn tự học ở nhà và hướng dẫn dự án tiếp theo

### **Bài 3: Động lực của QTDH**

#### **Bước 1: Thiết kế các mục tiêu học tập, xác định dự án học tập**

##### *1. Xác định mục tiêu bài học*

Nghiên cứu xong bài học sinh viên phải hiểu được:

- a. Động lực của quá trình dạy học là gì ?
- b. QTDH tồn tại các loại mâu thuẫn nào ? Vai trò của từng loại mâu thuẫn trong QTDH

c. Mâu thuẫn cơ bản của QTDH và động lực cơ bản của QTDH

d. Điều kiện để mâu thuẫn cơ bản trở thành động lực cơ bản của QTDH

e. Phân biệt logic của QTDH với logic môn học

g. Các khâu của QTDH và mối quan hệ giữa các khâu của QTDH

h. Vận dụng xây dựng động lực cho một bài học

Có thái độ tích cực khi nhìn nhận xem xét sự vận động và phát triển của QTDH.

##### *2. Tri thức và vốn kinh nghiệm cần có ở SV*

Động lực của sự vận động và phát triển của mọi sự vật hiện tượng.

Mối quan hệ giữa dạy và học, giữa thầy và trò trong QTDH.

Các nhiệm vụ của dạy học, cấu trúc, bản chất của QTDH.

Quy luật về sự vận động và phát triển của QTDH.

##### *3. Các dự án học tập cần triển khai*

*Xây dựng động lực cho một bài học theo chuyên ngành mà sinh viên sẽ giảng dạy ở trường phổ thông.*

Tài liệu tham khảo: Phương pháp giảng dạy bộ môn, lý luận dạy học, thiết kế bài học theo môn học ở trường phổ thông dự kiến giảng dạy.

## **Bước 2 Lập kế hoạch dự án: *Xây dựng động lực cho một bài lên lớp***

Các tiêu dự án cần phải triển khai.

- Tham khảo các bản thiết kế bài giảng.
- Xác định mục tiêu của bài học.
- Xây dựng mâu thuẫn cơ bản của bài học.
- Tạo môi trường học tập làm xuất hiện tình huống có vấn đề đối với người học.
- Kích thích người học giải quyết vấn đề học tập đề ra.

## **Bước 3: Tổ chức triển khai, thực hiện dự án**

Mục tiêu thảo luận:

- Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu học tập đề ra, đồng thời rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm cho SV.

Chuẩn bị thảo luận.

- Chia nhóm và phân công nhiệm vụ cho các nhóm. Thông qua hình thức đặt vấn đề, nêu vấn đề.

Tổ chức thảo luận.

Yêu cầu sinh viên phải làm bật được các vấn đề sau:

Xác định các loại mâu thuẫn tồn tại trong quá trình dạy học và vai trò của mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu.

Xác định rõ mâu thuẫn cơ bản của bài học

Nhiệm vụ học tập học sinh phải hoàn thành

Xác định vốn tri thức, vốn kinh nghiệm mà người học đã tích lũy được.

Tạo ra tình huống có vấn đề ở người học

Giúp người học giải quyết tình huống có vấn đề

#### **Bước 4: GV tổng kết dự án, khái quát hoá nội dung bài học**

Động lực của quá trình dạy học là những:

- + Yếu tố thúc đẩy hoạt động dạy và học phát triển.
- + Là những yếu tố thúc đẩy người học nắm tri thức kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ.
- + Là quá trình phát hiện và giải quyết có hiệu quả những mâu thuẫn tồn tại trong QTDH.

\* Các loại mâu thuẫn trong quá trình dạy học và vai trò của từng loại:

Mâu thuẫn bên trong: Phát hiện và giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn bên trong sẽ tạo nên động lực thúc đẩy QTDH vận động và phát triển.

Mâu thuẫn bên ngoài: Phát hiện và giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn bên ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho QTDH vận động và phát triển.

Mâu thuẫn cơ bản: Phát hiện và giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn cơ bản sẽ tạo nên động lực cơ bản của QTDH.

*Kết luận: Trong QTDH người thầy giáo cần căn cứ vào vốn tri thức, vốn kinh nghiệm đã có ở học sinh, căn cứ vào mục đích yêu cầu của bài học để làm xuất hiện mâu thuẫn nhận thức ở học sinh, kích thích họ để họ có nhu cầu giải quyết. Cùng với việc phát huy tính tích cực độc lập sáng tạo của học sinh, GV cần phải tạo điều kiện và hỗ trợ đắc lực cho họ để họ có thể tự lực giải quyết mâu thuẫn trong suốt QTDH.*